

慧
威
文
集



HUỆ KHẢI

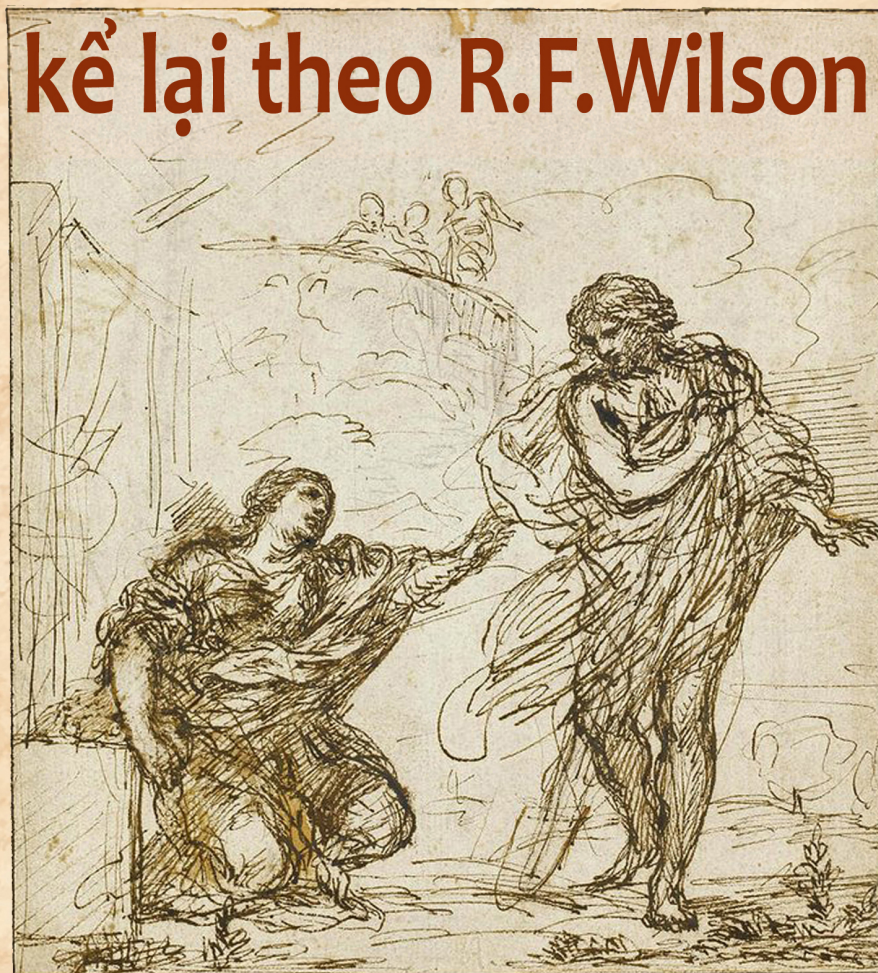
PHÚC ÂM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON

NXB HỒNG ĐỨC

huệ khái

PHÚC ÂM

kể lại theo R.F.Wilson




CHƯƠNG TRÌNH
CHUNG TAY ẤN TỔNG
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-89-9211-8



Sách ần tống. Không bán.
Free Gift Book. Not for Sale.

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PHÚC ÂM KỂ LẠI
THEO R.F. WILSON



Huệ Khải, ký họa bút chì. (Họa sĩ Bửu Long)

Quyển 125-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

PHÚC ÂM KẾ LẠI THEO R.F. WILSON

In lần thứ nhất

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2019



PHÚC ÂM KẾ LẠI THEO R.F. WILSON

Ấn tống lần thứ nhất 2.000 quyển, do công quả
18.100.000 đồng của quý ân nhân phượng danh như sau:

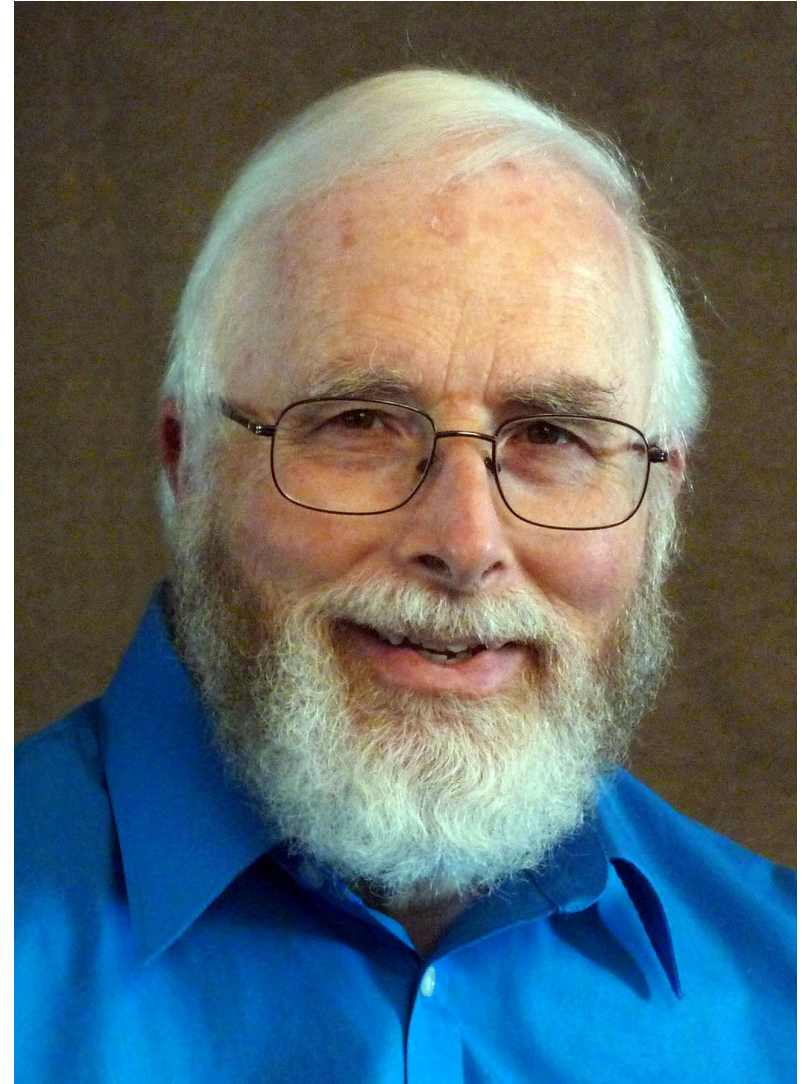
- | | |
|--|------------|
| * Hiền tử LÊ THỊ HỮU và hiền tử LÊ THỊ NÔ
(Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo):
Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long.
Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gửi đọt 146. | 10.000.000 |
| * Hiền huynh NGUYỄN VĂN HẠNH
(thánh thất Bàu Sen, đang tu học tại Mỹ).
Gửi 100 USD, đọt 148. | 2.330.000 |
| * Hiền tử TRẦN NGỌC HƯỜNG
(thánh thất Calgary): Alberta, Canada.
Hồi hướng giác linh hiền huynh Trần Ngọc Anh.
Gửi 200 CAD, đọt 146. | 3.440.000 |
| * Hiền tử TRẦN NGỌC NỮ
(đàn Minh Khai, Mỹ). Gửi 100 USD, đọt 148. | 2.330.000 |

Đồng kính thành hồi hướng cửu huyền thất tổ siêu thăng,
hiệp tâm cầu nguyện gia đạo vững bền, dân an quốc thái,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

NỘI DUNG

GIAO CẢM	7
1. THƯ GIU-SE GỞI MẸ	11
2. CÁI NÔI CỦA CHÚA	22
3. TẮM LÒNG CHỦ QUẢN TRỢ	29
4. XIN CHÚA DỪNG THUYỀN CỦA CON	35
5. PHÉP MẦU TẠI HỒ BẾT-DA-THA	42
6. TRONG HÉO NGOÀI TƯƠI	50
7. MỘT TRONG MƯỜI	56
<i>PHỤ ĐÍNH: BỆNH PHUNG TRONG PHÚC ÂM</i>	61
8. TÔI CŨNG KHÔNG LÊN ÁN CHỊ ĐẬU	68
9. ƠN CỨU ĐỘ CHO NGƯỜI HOÁN CẢI	73
10. KẸ CƯỚP ĐƯỢC VÀO THIÊN ĐÀNG	81
11. CHUYỆN NGƯỜI LÍNH CANH MỘ	89
12. TÔI ĐÃ THẤY CHÚA	99
<i>PHỤ ĐÍNH: LIÊN TƯỞNG TỪ MỘT CÂU PHÚC ÂM</i>	109
<i>PHỤ LỤC: Các nhân danh, địa danh được phiên âm trong sách đối chiếu với các tên viết theo tiếng Anh</i>	117

Tranh bìa: *Noli Me Tangere* (Đừng Chạm Vào Thầy) của Ciro Ferri (1634-1689), họa sĩ trứ danh người Ý.



Mục sư, tiến sĩ thần học Ralph F. Wilson

GIAO CẨM

Phúc Âm 福音 (*Gospel, Good News*) nghĩa là tin tốt lành, cũng gọi là *Tin Mừng*.

Trong *Kinh Thánh Tân Ước*, Đức Giê-su Ki-tô đã dùng từ *Phúc Âm* theo nghĩa *sứ điệp cứu độ* (*salvific message*) do chính Đức Chúa mang đến. Nội dung chánh yếu của sứ điệp này là:

- *Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần.* (Mát-thêu 4:17)

- *Thời kỳ đã mãn, và Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng.* (Mác-cô 1:15)

Phúc Âm còn là lời rao giảng của các Thánh tông đồ liên hệ đến cuộc đời, lời dạy, sự chết và sự sống lại của Đức Giê-su.

Phúc Âm cũng chỉ bốn quyển sách đầu tiên trong bộ *Kinh Thánh Tân Ước* do bốn Thánh tông đồ Mát-thêu, Mác-cô, Luca, và Gio-an ghi chép. Bốn quyển này ghi lại cuộc đời, lời dạy, cuộc khổ nạn, và phục sinh của Đức Giê-su Ki-tô.⁽¹⁾

Các họa sĩ trứ danh phương Tây thuở xa xưa từng lấy cảm hứng từ bốn quyển mở đầu *Phúc Âm* để sáng tạo nên những

⁽¹⁾ Hội Đồng Giám Mục Việt Nam (Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, Ban Từ Vựng Công Giáo), *Từ Điển Công Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016, tr. 691 (mục từ *Phúc Âm*).

kiệt tác mà ngày nay chúng trở thành tài sản vô giá của các viện bảo tàng mỹ thuật tên tuổi trên thế giới. Trong những trang sau đây của tập sách nhỏ này, thỉnh thoảng một ít kiệt tác đó được in lại để minh họa cho một số chuyện kể.

Nhiều văn hào, thi hào cũng lưu hậu thế các tác phẩm được xem là kinh điển mà nội dung hay chủ đề tư tưởng, hoặc có khi chỉ là cái nhan đề, lại được mượn trong *Phúc Âm*. Tuy nhiên, ở đây chúng ta không thể biến vài trang *Giao cẩm* vắn vỏi thành một sơ khảo chứng minh ảnh hưởng của *Phúc Âm* đối với những văn nhân, thi sĩ danh tiếng trên hoàn vũ.

Nếu giới họa sĩ, văn thi sĩ đã chịu ảnh hưởng như nói trên thì đừng lạ rằng *Phúc Âm* xưa nay luôn là nguồn cảm hứng bất tận đối với các nhà truyền giáo được thọ nhận ơn gọi loan báo Tin Mừng. Mỗi vị truyền giáo cảm thụ *Phúc Âm* và truyền đạt Tin Mừng theo cách riêng của mình; trong đó, cách riêng của mục sư Ralph F. Wilson (người Mỹ) đã khiến tôi rất thích thú, nên thử chia sẻ lại với quý bạn đọc đạo hữu.

Mục sư Wilson lấy bằng tiến sĩ thần học năm 1984 tại trường Fuller Theological Seminary ở thành phố Pasadena, bang California, Hoa Kỳ. Để giúp mọi người dễ dàng thẩm nhập *Phúc Âm*, thay vì soạn các bài giảng đạo (thuyết pháp) thì ông kể chuyện. Mỗi câu chuyện ngắn gọn được tái tạo dựa trên những sự kiện được các Thánh tông đồ ghi chép trong *Phúc Âm*; thế rồi ông phổ biến *miễn phí* các sáng tác này để cho Tin Mừng có thể đến với muôn dân, càng nhiều càng ơn ích. Cầu Chúa ban phước lành cho mục sư Wilson.

Trong tinh thần hòa điệu liên tôn giữa đạo Chúa và Cao Đài, tôi chọn dịch mười hai mẫu chuyện *Phúc Âm* được kể lại

theo cách của vị mục sư tài hoa người Mỹ này và trân trọng giới thiệu sau đây cùng quý đạo hữu.⁽²⁾

Mở đầu mỗi chuyện kể của Wilson, tôi viết lời dẫn và trích Phúc Âm, căn cứ theo bản tiếng Việt của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Tôi giữ cách phiên âm nhân danh, địa danh có dấu gạch nối của Nhóm này, và áp dụng luôn trong phần lời dẫn chuyện để cho nhất quán cả tập sách. Ngoài ra, ở *Phụ Lục*, tôi soạn thêm phần đối chiếu các nhân danh, địa danh theo cách phiên âm ấy với các tên tương ứng viết theo tiếng Anh.

Ngõ hầu quý đạo hữu Cao Đài dễ theo dõi các chuyện do Wilson kể lại, khi cần thiết tôi soạn một số chú thích ở phần dẫn chuyện và thỉnh thoảng ở trong vài chuyện kể của vị mục sư người Mỹ. Nói khác đi, mọi chú thích trong sách này đều do tôi thêm vào.

Đạo Chúa cùng với Tam Giáo (Nho, Lão, Phật) hợp thành Tứ Giáo, cũng là thành phần trọng yếu trong giáo lý và cơ cấu tổ chức Hội Thánh của đạo Cao Đài. Tìm học và thấu hiểu căn bản lịch sử, giáo lý đạo Chúa vì vậy nên là mối quan tâm và ý thức của người tín hữu áo trắng Tam Kỳ Phổ Độ, nhất là đối với các bậc hướng đạo có sứ mệnh thể Thiên hoàng giáo.

Nói khác đi, để giúp chúng ta thấu hiểu đạo Cao Đài, một vốn liếng căn bản về Tam Giáo tuy rất cần thiết mà lại vẫn chưa đủ đây; bởi lẽ chúng ta còn cần thêm vốn liếng căn bản về đạo Chúa thì mới trọn vẹn là Tứ Giáo.

⁽²⁾ Trước khi in thành sách, mười hai mẫu chuyện này đã lần lượt đăng tuần san và nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* (CGvDT) từ tháng 12-2014 đến tháng 6-2019.

Với nhận thức như thế, mười một năm qua, trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, chúng ta đã có được một số tập sách với chủ đích hoặc khơi gợi, hoặc trình bày, hoặc luận giải mối gần gũi (*closeness*) giữa đạo Chúa và Cao Đài. Giờ đây, *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson* chính là thêm một nối tiếp cho định hướng đã sớm xác lập ấy.

*

Đệ tử cầu nguyện rằng *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson* sẽ nhờ ơn lành của Bề Trên mà gây được niềm hứng khởi để anh chị em đạo hữu Cao Đài sẵn đà sẵn trớn, bắt đầu lưu tâm tìm học đạo Chúa sâu rộng hơn, nhờ vậy mà có thể am tường một cột trụ quan trọng trong bốn cột trụ chánh yếu của tòa tháp Cao Đài.

Đệ tử cầu nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ và Đức Giê-su Ki-tô ban bố hồng ân huệ phúc đến tất cả các ân nhân và cửu huyền thất tổ của các ân nhân đã vì đồng cảm với Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo mà suốt mười một năm qua vẫn luôn rộng mở lòng vàng cao quý để cùng đồng hành trên con đường hoàng giáo Kỳ Ba; nhờ thế nên tập sách nhỏ này hôm nay cũng như hơn một trăm năm mươi đầu sách khác mới có được duyên may lần lượt ra đời, và mới đến được với đông đảo bạn đọc ham tu mộ đạo.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

Huệ Khải

Nhiều Lộc, mùa Phục Sinh 2019

1. THƯ GIU-SE GỞI MẸ

Về sự kiện ông Giu-se quê quán ở Na-da-rét⁽¹⁾ chấp nhận bà Ma-ri-a đang mang thai, đưa bà về nhà ông, Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu (1:18-25) thuật lại như vậy:

Sau đây là gốc tích Đức Giê-su Ki-tô:⁽²⁾ Bà Ma-ri-a, mẹ Người, đã thành hôn⁽³⁾ với ông Giu-se. Nhưng trước khi hai

⁽¹⁾ **Na-da-rét**: Một làng ở Ga-li-lê. Theo Phúc Âm thì Chúa Giê-su, Đức Mẹ Ma-ri-a và Thánh Giu-se đã cư ngụ ở đó. Ngày nay Na-da-rét là thành phố phía bắc nước Ít-ra-en. Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu (2:23) gọi Na-da-rét là *thành*.

⁽²⁾ **Ki-tô**: Danh hiệu (*title*) của Chúa Giê-su, dịch âm (*transliterating*) chữ *Cristo* (tiếng Bồ Đào Nha). Tiếng Latin gọi là *Christus*; Hy Lạp gọi là *Kristos*; Pháp và Anh gọi là *Christ*. Người Hoa dịch âm *Cristo* và viết là 基督, từ Hán-Việt là *Cơ Đốc*.

Cristo (Christ) nghĩa là Đấng được xức dầu (*the Anointed One*), cũng gọi là Đấng Mê-si-a (*Messiah*) theo tiếng Hi-bru (*Hebrew*: tiếng Do Thái). Chúa Giê-su là Đấng được Thiên Chúa xức dầu để thi hành sứ mạng cứu thế, do đó Chúa được gọi là Giê-su Ki-tô (ghép tên riêng *Giê-su* với danh hiệu *Ki-tô*).

Do cách dịch âm danh hiệu *Cristo* là Ki-tô hay Cơ Đốc, đạo Chúa còn gọi là Ki-tô Giáo, Cơ Đốc Giáo, tức là đạo của Đấng được xức dầu. Các môn đồ của Chúa được Công Giáo (Thiên Chúa Giáo) gọi là Ki-tô hữu (bạn của Đấng được xức dầu) và được Tin Lành gọi là Cơ Đốc nhân (người của Đấng được xức dầu).

⁽³⁾ Lẽ ra nên dịch là *hứa hôn, đính hôn* thì đúng hơn. Theo *New International Version* (NIV), câu tiếng Anh là: *His mother Mary*

ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần.⁽⁴⁾ Ông Giu-se, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo. Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: “Này ông Giu-se, con cháu Đa-vít, đừng ngại đón bà Ma-ri-a vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ.” Tất cả sự việc này đã xảy ra, là để ứng nghiệm lời xưa kia Chúa phán qua miệng ngôn sứ:⁽⁵⁾ Này đây, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Em-ma-nu-en, nghĩa là “Thiên-Chúa-ở-cùng-

was pledged to be married to Joseph . . .

⁽⁴⁾ **Chúa Thánh Thần** (*the Holy Spirit*) cũng gọi là *Thần Khí*. Tin Lành và Cao Đài gọi là *Thánh Linh*.

Xem thêm: Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaim*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 64-69. (Quyển 123-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

⁽⁵⁾ **ngôn sứ** (*prophet*): Người được cử đi loan báo việc gì. Trước kia thường gọi là *nhà tiên tri*.

Khi Đức Giê-su loan báo cho dân Do Thái tin mừng về Nước Trời, Ngài nói: “*Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần.*” Khi loan báo như vậy, Đức Giê-su là một ngôn sứ.

Thánh tông đồ Mát-thêu chép rằng ngày Chúa trở về quê nhà, giảng đạo cho người làng Na-da-rét thì họ chỉ thấy Ngài là con trai ông thợ mộc Giu-se, và không tin Ngài là Đấng Cứu Thế. Do đó Chúa Giê-su thất bại khi làm ngôn sứ tại chính quê nhà, và Chúa bảo: “*Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình và trong gia đình mình mà thôi.*” (Mát-thêu 13:57) Lời Chúa khiến chúng ta nhớ tới câu tục ngữ ở miền Bắc: “*Bụt [Phật] chùa nhà không thiêng.*”

chúng-ta.” Khi tỉnh giấc, ông Giu-se làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà. Ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giê-su.

Nhiều họa sĩ danh tiếng đã để lại thế gian những kiệt tác lấy cảm hứng từ câu Phúc Âm dẫn trên: *sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông* (Mát-thêu 1:20). Trong số đó có bức tranh sơn dầu *Giấc Mơng Của Thánh Giu-se* (Le songe de saint Joseph) do họa sĩ Pháp Pierre Parrocel (1664-1739) sáng tác.

Trong xã hội Do Thái xa xưa, hay trong một xã hội ở bất kỳ thời đại nào khác, chấp nhận một vị hôn thê có thai mà mình không hề là cha đứa trẻ ấy, nào phải là chuyện đơn giản. Đương nhiên ông Giu-se đau khổ lắm chứ. Bởi vậy, dù rất tốt bụng, tuy *không muốn tố giác* bà ra trước làng nước theo tục cổ, người đàn ông công chính này vẫn *định tâm bỏ bà cách kín đáo*, tức là âm thầm hủy hôn ước. Thế nhưng, sau đó, tuân lời sứ thần của Chúa, ông can đảm đón bà về nhà, gác ngoài tai tất cả mọi lời đàm tiếu, dị nghị cay độc của thế gian thường tình.

Lòng dũng cảm hy sinh cao sâu như núi như biển kia, Thánh tông đồ Mát-thêu không một lời nào diễn tả. Từ chỗ định hủy hôn ước cho tới lúc vâng theo lời truyền ban của thiên sứ, suốt thời gian đón đau ấy lòng dạ ông Giu-se đương nhiên ngổn ngang trăm mối, rối rắm muôn bề, thế mà Phúc Âm cũng chẳng dành được nửa chữ chép ghi. Phải chăng chỉ khi nào đặt mình vào vị trí, hoàn cảnh của người đàn ông tên là Giu-se trong bối cảnh xã hội cổ xưa của Do Thái, thì may ra mới có thể thấm thấu được phần nào nỗi lòng của ông thợ mộc Giu-se buổi ấy?



Giấc Mơng Của Thánh Giu-se (*Le songe de saint Joseph*),
Sơn dầu trên gỗ của Pierre Parrocel (Pháp, 1664-1739).

Mục sư Ralph F. Wilson đã có được sự đồng cảm lạ lùng khi đặt mình vào tâm trạng của ông Giu-se hơn hai ngàn năm trước. Diễn bày tâm trạng ấy, qua chuyện kể *Joseph's Letter Home* (Thư Giu-se Gửi Về Nhà), Wilson cho thấy đức độ của Đức Thánh Cả Giu-se quê quán ở Na-da-rét.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Thưa mẹ,

Chúng con – Ma-ri-a cùng con và bé Giê-su – vẫn còn ở Bê-lem.

Mùa hè năm ngoái có nhiều điều con đã không thể bày tỏ với mẹ. Lúc ấy dẫu nói ra thì mẹ cũng chẳng tin đâu, nhưng giờ đây có lẽ con kể hết cho mẹ được rồi. Con hy vọng là mẹ hiểu.

Mẹ biết mà, lúc nào con cũng thương yêu Ma-ri-a. Thuở cô ấy hãy còn nhỏ xíu thì bố mẹ thường cứ trêu ghẹo, ghép đôi con với cô bé. Cô và mấy anh cô hay chơi đùa trên con lộ trước nhà chúng ta. Gia đình ta và gia đình cô đã cùng ăn tối với nhau. Nhưng vừa mới cách nay một năm thì cái ngày khó khăn nhất đời con lại đến lúc con hai mươi tuổi còn cô ấy chỉ mới mười lăm. Mẹ nhớ ngày ấy mà, phải không mẹ?

Rắc rối bắt đầu sau khi chúng con đính hôn và ký tên vào hôn ước trong lễ ăn hỏi. Cũng mùa xuân năm ấy Ma-ri-a đột nhiên đi thăm người chị bà con là Ê-li-da-bét ở Giu-đê.⁽⁶⁾ Cô ấy đi suốt ba tháng. Sau khi cô ấy trở về, thiên hạ bắt đầu to nhỏ xầm xì rằng dường như cô ấy mang thai.

⁽⁶⁾ Xem Lu-ca 1:39-40.



Trình nữ Ma-ri-a đang ở trong vườn thì sứ thần Gáp-ri-en đến báo tin: *Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giê-su.* (Lu-ca 1:31) Tranh nước ngoài.

Đó là một ngày u ám khi cuối cùng con đem lời thiên hạ đồn đãi mà truy vấn nàng. Rốt cuộc, con hỏi: “Ma-ri-a, em sắp có con phải không?”

Đôi mắt nâu trong veo của nàng nhìn vào mắt con. Nàng gật đầu.

Con hết biết nói gì. Sau cùng, con lắp bắp: “Ai?”

Mẹ ơi, con và Ma-ri-a chưa hề làm điều gì vượt qua lễ giáo – thậm chí sau khi chúng con đã đính hôn.

Ma-ri-a nhìn xuống. Nàng nói: “Giu-se, em chẳng có cách chi giải thích được. Anh không hiểu nổi đâu. Nhưng em muốn

anh biết rằng em chưa hề quan tâm tới ai ngoài anh ra.” Nàng đứng lên, dịu dàng nắm hai bàn tay con, hôn lên từng bàn tay như thể chẳng còn bao giờ nàng lại được hôn tay con lần nữa, xong rồi nàng quay về nhà. Nàng hẳn chết từng khúc ruột. Con thì biết là con tan dạ nát lòng.

Thời gian còn lại trong ngày ấy con làm việc mà cứ luôn va vấp. Cũng lạ là con không bị trầy trụa xây xước khi cưa bào đục đẽo. Thoạt đầu con cảm giận và nện thình thịch lên cái khung cửa con đang đóng để trút xuống nỗi lòng nào nề. Đầu óc con quay cuồng như chong chóng đến mức con không thể nào tập trung vào công việc. Sau cùng con quyết định cứ âm thầm từ bỏ nàng để hủy hôn ước. Con yêu nàng vô chừng thì làm sao có thể bêu rếu nàng trước làng nước được.

Con đã không thể tỏ bày với mẹ hay bất cứ ai về chuyện ấy. Con bỏ vào giường sớm và cố dỗ giấc ngủ. Lời nàng nói cứ lớn vồn trong đầu con. “Em chưa hề quan tâm tới ai ngoài anh ra... Em chưa hề quan tâm tới ai ngoài anh ra...” Chao ôi, ước gì con tin được nàng!

Chẳng biết con đã ngủ thiếp đi vào lúc nào nữa. Mẹ ơi, Chúa cho con nằm mộng thấy một sứ thần của Chúa đến với con. Lời ngài nói rung chuyển tâm hồn con dữ dội đến nỗi con nhớ rõ như thể mới vừa xảy ra hôm qua thôi.

Ngài nói rền vang như sấm: “Này Giu-se, con cháu vua Đa-vít, chớ sợ hãi khi rước Ma-ri-a về nhà làm vợ, bởi lẽ bà đang mang thai do Chúa Thánh Thần.”

Mẹ ơi, con không tin vào tai mình. Đây là câu trả lời! Thiên sứ nói tiếp: “Bà sẽ sinh con trai, và ông phải đặt tên hài nhi là Giê-su vì Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ.”

Hai bàn tay to tướng của thiên sứ bấu chặt đôi bờ vai con. Ánh mắt ngài chăm chăm nhìn xuyên thấu vào tận bên trong con một lúc lâu. Ngay khi ngài vừa quay đi, con nghĩ là con nhìn thấy một nụ cười trên gương mặt tỏa sáng của ngài.

Con ngồi chết cứng trên giường. Sau đó chẳng ngủ nổi! Con trần trọc mãi, cứ ôn tới ôn lui từng lời của thiên sứ. Rồi con nhồm dậy, rón rén mặc quần áo để khỏi đánh thức mẹ.

Con hẳn đã cuốc bộ mấy dặm dài dưới bầu trời thiếu ánh trăng. Các vì sao giống như cả ngàn đầu kim li ti châm chỉ chít vào màn đêm tăm tối. Một làn gió nồng phất vào mặt con.

Mẹ ơi, con đã ca hát xưng tụng Chúa. Vâng, con đấy, ca hát, nếu mẹ có thể hình dung được. Con không thể kèm chế nổi mừng vui. Con thưa với Chúa rằng con sẽ đón Ma-ri-a về và chăm sóc nàng. Con thưa với Chúa rằng con sẽ trông nom nàng – và con ~~trở~~ thiên hạ có nói gì thì cũng mặc.

Con quay về ngay khi vầng dương vừa hôn lên những đỉnh đồi. Mẹ ơi, con không biết liệu mẹ có còn nhớ nổi buổi sáng hôm ấy chẳng. Con thì có thể nhìn thấy rõ trong tâm con cơ hồ như mới là hôm qua thôi. Mẹ đang cho gà què ăn, ngạc nhiên thấy con ra ngoài sớm thế. Mẹ nhớ chứ?

“Mẹ ngồi xuống đi.” Con nói với mẹ. “Con phải kể mẹ nghe chuyện này.” Con cầm tay mẹ và giúp mẹ tìm lấy một chỗ ngồi trên tảng đá lớn. Con nói: “Mẹ, con sắp đưa Ma-ri-a về nhà làm vợ con. Mẹ có thể dọn một chỗ cho nàng để đồ đạc không?”

Mẹ im lặng một lúc lâu. Sau cùng mẹ nói, ánh mắt long

lanh: “Con à, con chẳng biết thiên hạ đang nói gì, phải không con?”

“Con biết chứ, mẹ.”

Mẹ bắt đầu cao giọng: “Nếu bố anh còn sống, mẹ bảo cho mà biết nhé, bố anh sẽ mắng cho xem. Buông thả như thế trước khi các người cưới nhau. Điếm nhục gia phong. Anh... anh và Ma-ri-a hãy nên hổ thẹn lấy mình!”

Mẹ sẽ chẳng đời nào tin đâu nếu như con cố giải thích, thế nên con chẳng biện bạch gì hết. Mẹ sẽ cười khinh con, trừ phi thiên sứ mách bảo mẹ.

Con nói: “Mẹ à, đây là điều đúng đắn con phải làm.”

Và rồi con bắt đầu nói với mẹ như thể con là gia trưởng: “Khi nàng về nhà này con không muốn có một lời nào về chuyện thai nghén. Nàng là con dâu mẹ, mẹ hãy tôn trọng nàng. Nàng sẽ cần mẹ giúp đỡ nếu nàng phải chịu đựng những lời xiên xỏ của láng giềng!”

Mẹ ơ, con xin lỗi mẹ. Mẹ đâu đáng bị nói năng như thế. Mẹ giận dữ chực đứng lên.

Con khẽ khàng: “Mẹ, con cần mẹ.” Mẹ níu tay con đứng dậy, nhưng ánh mắt không còn bùng lửa giận.

“Con có thể trông cậy mẹ, Giu-se à.” Mẹ ôm con thật lâu. Và mẹ đã chứng minh lời nói ấy. Con chưa hề nghe thêm lời nào khác. Mấy tháng sau đó không một nàng dâu nào lại có thể mong có được bà mẹ chồng tốt hơn mẹ.

Mẹ, sau đó con rời nhà mình, đi ngược lên con đường dẫn tới nhà Ma-ri-a và gõ cửa. Khi mở cửa ra, mẹ nàng nhìn con

chòng chọc. “Giu-se tới!” Bà lớn tiếng gọi vọng vào trong nhà, giọng gay gắt, cơ hồ phun cái tên con ra khỏi mồm.

Ma-ri-a bé nhỏ của con len lét bước ra, như thể nghĩ rằng con sẽ tát nàng một cái, con cho là vậy. Đôi mắt nàng đỏ hoe, sưng húp. Con có thể tưởng tượng ra bố mẹ nàng đã nói những gì.

Chúng con rời xa khỏi nhà mấy bước. Trông nàng thật bé bỏng và sợ hãi. Con dịu dàng bảo nàng: “Ma-ri-a, em soạn đồ đi. Anh đón em về nhà làm vợ anh đây.”

“Giu-se!” Nàng ôm ghì con thật chặt. Mẹ à, con đâu biết nàng khỏe đến thế.

Con kể nàng nghe những gì con đã sắp xếp. “Tuần này chúng mình tới nhà ráp-bi Ben-Ezer ⁽⁷⁾ và nhờ thầy ấy làm lễ cưới.”

Mẹ, con biết như vậy là quá đổi đột ngột, nhưng con hình dung rằng chúng con càng cưới nhau sớm chừng nào thì càng tốt hơn cho nàng, cho con, cho em bé chừng nấy.

“Ma-ri-a à, ngay cả khi bè bạn em không tới, ít ra mình cũng có thể nguyện hứa thương yêu nhau trước Chúa.” Con ngưng lại một chút rồi tiếp: “Anh nghĩ là mẹ sẽ tới dự. Và có lẽ Rê-béc-ca bạn em cũng sẽ tới nếu cha nàng cho phép. Còn bố mẹ em thì sao?”

⁽⁷⁾ Ben-Ezer là tên một vị ráp-bi do Wilson hư cấu.

ráp-bi: Theo tiếng Hi-bru, nghĩa là *thầy tôi*. Các ráp-bi là những nhà trí thức, hiểu rành luật lệ, điều hành việc tế lễ trong các cộng đồng Do Thái. Các ráp-bi giữ vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của cộng đồng Do Thái.

Con có thể cảm thấy tấm thân bé bỏng của Ma-ri-a run rẩy khi nàng lặng lẽ khóc.

Con nhận thấy chính con dũng cảm hơn khi bảo: “Ma-ri-a ơi, thiên hạ nói chi về em cũng mặc kệ. Anh hãnh diện em sắp làm vợ anh. Anh sẽ chăm sóc em. Anh hứa với Chúa rồi.”

Nàng ngược lên.

Con hạ thấp giọng: “Ma-ri-a, đêm qua anh nằm mơ. Anh thấy một thiên sứ. Anh biết.”

Nỗi đớn đau bấy lâu bầu vịu trên gương mặt nàng tan biến. Nàng rạng rỡ khi chúng con quay lưng rời khỏi nhà và bắt đầu sóng bước bên nhau đi lên đồi.

Ngay lúc ấy mẹ nàng chạy bổ ra sân. “Gượng đã!” Bà kêu lên. Bà hẩn đã nép sau cánh cửa và lóng nghe hết cả. Những giọt nước mắt chảy thành dòng trên đôi má.

“Để mẹ gọi bố!” Bà kêu lên, cơ hồ choáng váng vì xúc động. Vén gọn lại váy, bà khóc và chạy bổ đi tìm chồng: “Bố nó ơi, nhà mình... nhà mình sắp có đám cưới nè!”

Chuyện là thế, mẹ à. Tạ ơn mẹ đã dự lễ cưới vì thương chúng con. Con sẽ sớm viết thư khác thăm mẹ.

Con yêu mẹ,

Giu-se.

*Nguyệt san CGvDT
số 204, tháng 12-2014*

*Nhiều Lộc, 08-12-2014
Sửa chữa 02-4-2019*

2. CÁI NỘI CỦA CHÚA

Về sự kiện ông Giu-se đưa bà Ma-ri-a đang mang thai, rời Na-da-rét đi tới Bê-lem rồi sinh Chúa Hài Đồng, Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (2:1-20) chép như sau:

Thời ấy, hoàng đế Au-gút-tô ra chiếu chỉ, truyền kiểm tra dân số trong khắp cả thiên hạ. Đây là cuộc kiểm tra đầu tiên, được thực hiện thời ông Qui-ri-ni-ô làm tổng trấn xứ Xy-ri. Ai nấy đều phải về nguyên quán mà khai tên tuổi. Bởi thế, ông Giu-se từ thành Na-da-rét, miền Ga-li-lê lên thành vua Đa-vít tức là Bê-lem, miền Giu-đê, vì ông thuộc gia đình dòng tộc vua Đa-vít. Ông lên đó khai tên cùng với người đã thành hôn với ông là bà Ma-ri-a, lúc ấy đang có thai. Khi hai người đang ở đó, thì bà Ma-ri-a đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

Trong vùng ấy, có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. Bỗng sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa chiếu tỏa chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng sứ thần bảo họ: “Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa. Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: Anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ.” Bỗng có



Lòng Sùng Bái Của Các Mục Đồng
(*The Adoration of the Shepherds*). Sơn dầu trên bố.
Gerard van Honthorst (Hà Lan, 1592-1656) vẽ năm 1622.

muôn vàn thiên binh hợp với sứ thần cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa rằng:

*Vinh danh Thiên Chúa trên trời,
Bình an dưới thế cho loài người Chúa thương.*

Khi các thiên sứ từ biệt mấy người chăn chiên để về trời, những người này bảo nhau: “Nào chúng ta sang Bê-lem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta biết.” Họ liền hối hả ra đi. Đến nơi, họ gặp bà Ma-ri-a, ông Giu-se, cùng với Hai

Nhi đặt nằm trong máng cỏ. Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hai Nhi này. Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. Còn bà Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng. Rồi các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.

Phúc Âm theo Thánh Lu-ca như vậy đã chép chi tiết việc Đức Giê-su giáng sinh. Dựa theo đó, họa sĩ Gerard van Honthorst (Hà Lan, 1617-1682) vào năm 1622 đã vẽ bức sơn dầu trên bố *Lòng Sùng Bái Của Các Mục Đồng* (*The Adoration of the Shepherds*).

Tuy nhiên, Phúc Âm không cho chúng ta biết tấm lòng của ông Giu-se thương yêu, chăm sóc, chở che, bảo bọc cho bà Ma-ri-a và Chúa Hai Đồng như thế nào. Bởi vậy, mục sư Wilson với văn tài của mình, đã kể chuyện *Cái Nôi* (*The Cradle*) như một bổ túc.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Họ rời nhà mình, cái nôi mới tinh treo thòng xuống từ hàng rui trên mái vẫn đong đưa. Từng đêm lại từng đêm mùi gỗ mới xẻ thơm lừng gian phòng khi ông Giu-se nhắm nài đóng cái nôi nhỏ, dùng những cửa đục quen thuộc mà ông thường rời tay vào lúc hoàng hôn.

Giờ đây ông Giu-se lau những giọt lệ trên má bà Ma-ri-a và đóng lại cánh cửa sau lưng họ. Khi buộc chặt hành lý trên lưng lừa, ông bảo bà: “Sẽ ổn thôi.”

“Anh Giu-se, mình không thể đợi thêm vài hôm sao? Em bé có thể ra đời bất kỳ lúc nào.” Bà chẳng muốn rời nhà. Không muốn đi lúc này.

“Chúng ta đã đợi em bé đủ lâu rồi.” Ông đã sẵn sàng lên đường. “Chúng ta phải đi hôm nay, bằng không anh sẽ bị bắt vì không có mặt ở Bê-lem để kiểm tra dân số.”

“Anh Giu-se, ít ra cũng mang theo cái nôi.” Bà nài nỉ. “Em muốn con có món gì đó xinh xắn.”

“Không được. Phải bỏ nó lại. Sau này con sẽ nằm trong đó, chẳng lâu đâu.”

“Đi nào, lừa!” Ông quát, quát mạnh vào mông con vật để thúc nó bước đi. Con vật miễn cưỡng theo lệnh. Một tay ông Giu-se dắt lừa, tay kia đỡ lấy bà Ma-ri-a giữ thẳng bằng cho bà khi chậm chậm đi xuống triền dốc. Cao cao trên kia, trong ngôi nhà của họ, cái nôi không còn đong đưa nữa.

Năm ngày sau, và sau chín mươi dặm dài nhọc nhằn rã rời xương cốt, ông Giu-se soát xét kỹ cái chuồng nhỏ mà hai ông bà đang tạm trú bên ngoài thành Bê-lem đông đúc. Bà Ma-ri-a sắp tới lúc sinh con. Ông cẩn thận giữ cho ngọn đèn không bén lửa sang đám rơm khô cũ. Cuối cùng ông dọn được giường cho em bé là cái máng ăn bằng đá cũ kỹ đục vào vách hang đá vôi dùng nhốt gia súc. Ông vói vào trong vét sạch mớ rơm vụn nát cuối cùng trên đáy máng ẩm ướt. Ông lót trong lòng máng một bó cỏ khô còn mới, rồi lấy tấm chăn gấp lại phủ lên trên để ngăn đám gia súc tới gần.

Đã quá nửa đêm khi Bà Ma-ri-a xong tất việc rửa sạch và quần tã cho em bé mới sinh. Giờ đây bà nhẹ nhàng bế hài nhi

đặt vào giường mới. Ông Giu-se quàng cánh tay lên vai bà khi cả hai chăm chăm nhìn hài nhi say ngủ.

Bà Ma-ri-a chạm vào những ngón tay tí xíu. “Cái nôi anh bỏ nhiều thời gian làm, giá mà có ở đây lúc này thì thật hay, anh Giu-se à.” Bà ngược nhìn nóc hang thấp. “Lẽ ra anh có thể treo nó chỗ nào đó trong này. Như em biết, chẳng hài nhi nào lại có được cái nôi giống như thế. Cái nôi đó xứng đáng cho một vương tử.”

Ông Giu-se cười tươi và nói: “Đâu phải đứa trẻ nào cũng có bố làm thợ mộc.” Nhưng rồi ông tự hỏi. Tại sao bé Giê-su không thể ở nhà để được nằm trong cái nôi ấy? Tại sao hài nhi đặc biệt này lại phải chào đời trong cái chuồng gia súc hôi hám? Mái nhà quê mùa trên đời của tay thợ mộc cũng đủ tệ lắm rồi. Có sao phải ở đây? Có sao lại là Bê-lem?

Câu trả lời chẳng lâu lắc gì đang đến. Một chú nhỏ trọng tuổi thò đầu vào cửa, làm hai ông bà giật nảy mình. “Có em bé nào ở đây không?” Chú lăm lăm theo kiểu biết mình có lỗi. Rồi chú thấy hài nhi. Bà Ma-ri-a bế con lên, giấu khỏi đôi mắt kẻ lạ. Khuôn mặt họ biến mất.

Ánh mắt bà Ma-ri-a phản ánh nỗi âu lo của ông Giu-se. Ông sãi bước tới cửa hang. Ông nghe được tiếng gọi từ xa: “Ở đằng này nè! Giếch tìm thấy hài đồng rồi.” Trong bóng đêm, ông Giu-se nhận ra lối nhớ những dáng người đang tiến về phía ông. Ông nắm chặt chiếc gậy gỗ cứng rắn và cương quyết đứng chắn ngay cửa hang.

Khi họ tới gần, ông nhận ra đó là những mục đồng. Ông Giu-se xiết chặt chiếc gậy. Mục đồng lớn tuổi nhất ngập ngừng nói: “Chúng tôi có thể vào trong không? Chúng tôi ...

a... tới xem Ki-tô Hài Đồng.”

Ông Giu-se liếc nhìn bà Ma-ri-a. Ông cảm thấy như có con kiến bò dọc theo sống lưng. Việc này vượt quá sự tình cờ. Tất cả chuỗi sự kiện kỳ diệu đã vượt xa khỏi sự ngẫu nhiên. Ông gật đầu và bước lùi về phía máng cỏ. “Được, vào đi. Mời mọi người.”

Nhóm mục đồng len vào hang chật hẹp. Chú nhỏ nhất xô con lừa qua một bên để nhìn rõ hơn. Họ quỳ xuống. “Vinh danh Chúa!” Mục đồng cao tuổi rất mực kính cẩn thốt lên.

Một người khác kinh sợ thì thào: “Y hệt như thiên thần mách bảo tội mình. Thiên thần bảo: Nghe này! Ta mang niềm vui tuôn tràn như nước lũ tới cho các ngươi, và cũng cho tất cả mọi người.”

Người cao tuổi nói chen vào, dâng trào cảm xúc: “Tưởng tượng xem! Một thiên thần... nói chuyện với chúng ta.” Ông nói thêm: “Chẳng có kẻ trích thượng hợm mình nào trong thành này chịu hạ mình trò chuyện với lũ mục đồng chúng ta. Nhưng thiên thần đã... Và hài đồng ở ngay đây trong máng cỏ để cho chúng ta có thể tới chiêm ngưỡng.” Những dòng nước mắt tuôn dần xuống gương mặt dãi dầu sương gió của lão.

Ông Giu-se nhìn lão không chớp mắt. Sau cùng ông hỏi: “Làm sao các người tìm được chúng tôi?”

Chú bé lúc nãy thò đầu vào hang trước tiên liền đáp: “Thiên thần bảo: Được sinh ra cho các ngươi...”

“Vâng, cho chúng ta!” Ông lão mặt sáng bừng không thể tự kềm chế.

Chú bé thông thả nói, như thể để nhớ chính xác từng lời

từng chữ: “Được sinh ra cho các ngươi hôm nay trong thành này của Đa-vít một Đấng Cứu Thế.”

Chú bé nhất cắt ngang: “Là nơi đây, Bê-lem, nơi sinh của Đa-vít. Ông biết đấy, vua Đa-vít cũng là một mục đồng.”

Cậu trẻ tuổi hơn tiếp lời: “... một Đấng Cứu Thế, là Chúa Ki-tô.”

Người cao tuổi chỉ tay về phía hài nhi: “Đấng Ki-tô, Đấng Cứu Độ... Đây là Đấng ấy!”

Một thanh niên nói lời: “Thiên thần nói rất cụ thể: Và đây là dấu hiệu cho các ngươi. Các người sẽ tìm thấy một hài nhi được bọc tã, nằm trong máng cỏ.” Anh chàng cười. “Làm sao chúng tôi lại không tìm thấy chứ? Chúng tôi cứ việc chạy vào thành và soát xét từng chuồng gia súc cho tới khi tìm thấy ông bà... tìm thấy hài đồng.” Ngừng một chút, anh ta hỏi: “Ông bà biết ở Bê-lem này có bao nhiêu trẻ mới sinh nằm trong máng ăn gia súc không?”

Ông Giu-se cười thầm. Chuyện là thế đó. Chính Cha trên trời đã chọn giường cho con Ngài. Một cái nôi đặc biệt. Một dấu hiệu cho những mục đồng thô lậu chất phác này thấy rằng Chúa cũng quan phòng tới họ nữa.

Ông Giu-se xiết tay bà Ma-ri-a, thật chặt.

*Tuần san CGvDT
số 1987-1988
từ 19 đến 25-12-2014*

*Nhiều Lộc, 08-12-2014
Sửa chữa 04-4-2019*

3. TẤM LÒNG CHỦ QUÁN TRỢ

Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (2:6-7) chép về sự kiện Chúa Hài Đồng giáng sinh ở Bê-lem, miền Giu-đê, như sau:

Khi hai người [ông Giu-se và bà Ma-ri-a] đang ở đó, thì bà Ma-ri-a đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

Phúc Âm không nhắc tới những lời ông Giu-se năn nỉ các chủ quán trọ. Chúng ta quả thật không biết họ đối xử với ông Giu-se đủ nhã nhặn hay rất thô lỗ. Tuy nhiên, có lẽ vì quá thương cảm những vất vả trên đường thiên lý và nỗi thất vọng tràn trề của ông Giu-se trong khi đưa bà Ma-ri-a bụng mang dạ chửa đi dò hỏi từng quán trọ giữa đêm đông lạnh lẽo mà sau này không ít người đâm ra oán ghét những tay chủ quán trọ đã nở lòng hắt hủi, xua đuổi đôi vợ chồng lỡ đường.

Vâng, phần đông vẫn nghĩ các tay cho thuê phòng trọ đều có tâm địa xấu xa. Hầu như chẳng ai thắc mắc rằng đang lạ nước lạ cái ở Bê-lem, làm sao ông Giu-se khéo tìm ra một chỗ tạm trú ở nơi chuồng gia súc. Quan trọng hơn nữa, chân ướt chân ráo tới Bê-lem thì ông làm sao biết ở đâu có bà mẹ mát tay mà rước về đó giữa đêm hôm tăm tối. Giả dụ ông Giu-se có đi rước mẹ chẳng nữa, thì bà mẹ nào đủ liều lĩnh để theo chân một người lạ huơ lạ hoặc đang khi khuya khoắt vắng vẻ.



Ông Giu-se, bà Ma-ri-a, và chủ quán trọ (tranh nước ngoài)

Như để trả lời mấy câu hỏi hợp lý ấy, mục sư Wilson đã hư cấu nên câu chuyện *Chủ Quán Trọ Giải Bày (The Innkeeper's Tale)* rất thú vị.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Thiên hạ cứ nghĩ rằng tôi là hạng chủ quán trọ độc ác, không có con tim. Ai đó hẳn đã nói vậy. Nhưng mọi người nhầm to rồi, hoàn toàn không đúng, và đã đến lúc phải kể ra hết tất cả sự thật. Chỉ nói một lần này rồi thôi.

Thiên hạ bảo tôi là chủ quán trọ. Tôi cho rằng quý vị gọi

nhà tôi là quán trọ. Đối với chúng tôi, chỉ là một ngôi nhà lớn. Ông nội tôi, cụ Giô-suê ben-Da-hô-đi, đã cất lại nhà khi công việc buôn bán của cụ phát đạt nhất. Và cụ cất nó đủ rộng để cho vừa với mười bốn đứa con.

Thế rồi, cách nay mấy năm, tôi và bà xã cứ phải sống giữa ngôi nhà thênh thang trống vắng khi mà con cái đều trưởng thành và ra riêng. Vợ chồng tôi suy nghĩ, có lẽ nên tiếp nhận vài lữ khách. Ra-khen, bà xã tôi, lúc nào cũng rất giỏi giỡn chuyện bếp núc, thế nên chúng tôi chỉ việc bắt tiếng cho khách ở trọ thì bà con bắt đầu tìm đến. Mỗi đêm chúng tôi có một hay hai khách, đôi khi nhiều hơn. Có dịp quay lại thị trấn, khách luôn luôn ghé nhà chúng tôi lần nữa để thưởng thức thêm một tô thịt cừu ninh như khoai khấu do Ra-khen trở tài nấu nướng.

Thế rồi quan tổng trấn bày ra cuộc điều tra dân số mắc dịch. Đơn thuần chỉ cốt vơ vét tiền thuế. Trong tuần lễ đó, dân chúng khắp tỉnh tuôn về tràn ngập thị trấn. Ra-khen và tôi ngủ trong phòng chánh vẫn dành riêng cho chúng tôi, còn khách trọ thì xếp vào ngủ trong ba phòng khác. Nhưng người ta cứ tiếp tục đổ xô về đây. Thế nên chúng tôi ghép hai hay ba gia đình ở chung một phòng. Họ vẫn tiếp tục đến. Cuối cùng, chúng tôi phải nhét đầy phòng riêng của mình thêm bốn gia đình nữa, cộng với hai vợ chồng chúng tôi. Sau đó, chúng tôi bắt đầu xua khách đi.

Đêm ấy tôi phải choàng dậy, rời khỏi giường cả chục lần để bước ra cửa, giẫm cả lên khách trọ nằm chen chúc. “Xin lỗi bà con, hết chỗ rồi. Hết phòng rồi. Sáng mai hãy quay lại. Sẽ có vài gia đình trả phòng.” Họ lăm bằm gì đó rồi quay lại với nhóm của họ, và trùm chăn ngủ vật vạ đâu đó gần một mái

nhà nào đó. Tôi đâu còn khả năng kiếm thêm cho khách một phòng nào nữa. Tất cả sự thật chơn chánh là như thế.

Nhưng tôi quả thật có tìm chỗ cho một đôi vợ chồng khác. Ông Giu-se là người đàn ông vạm vỡ, hai cánh tay to khỏe rắn chắc, nghe đâu quê quán ở Na-da-rét. Con người này không chấp nhận lời từ chối của tôi. Tôi nói: “Không được, xin lỗi ông.” Thì ông ta kể với tôi về “Ma-ri-a bé bỏng” của ông. Khi tôi nhìn “Ma-ri-a bé bỏng” thì thấy bà ấy đâu có bé bỏng gì, mà là một thai phụ nhưng trông rất xanh xao. Trong lúc ông Giu-se nài nỉ, tôi thấy bà ôm chặt lấy bụng vì đau đớn, và tôi biết mình không thể nào để cho bà sanh con ở ngoài trời đang lộng gió và mưa tuyết lạnh như cắt.

Chuồng gia súc. Tôi nhủ thầm, đó là nơi phải chọn. Tôi đưa hai vợ chồng và con lừa của họ ra phía sau. Bấy giờ chuồng khá chật chội, nên tôi xua bớt một số con vật ra phía ngoài để dành một góc khô ráo cho họ. Ông Giu-se nói: “Thưa ông, chúng tôi thật lòng biết ơn.” Thế rồi, với ánh mắt lo âu, ông hỏi: “Ông có biết trong vùng này tôi có thể rước mụ ở đâu? Mai hay một vợ chồng tôi ắt cần có bà mụ.”

Tôi thấy ngay là người đàn ông đó chẳng biết chi nhiều về việc bà bầu sinh nở. Tôi bèn phóng một mạch tới nhà dì Sa-ra và động cửa rầm rầm cho tới khi chồng dì ló đầu ra. Tôi bảo: “Một bà khách trọ sắp sinh con, tôi sẽ đợi Sa-ra thay áo.” Ngừng một chút để thở, tôi nói tiếp: “Xin bảo dì ấy nhanh nhanh giùm.”

Lúc chúng tôi về tới chuồng gia súc, ông Giu-se đã cho “Ma-ri-a bé bỏng” quấn kín trong tấm chăn, và bà đang nằm nghỉ trên lớp cỏ khô sạch sẽ, mềm mại, còn ông thì luôn tay lau mồ hôi trên trán bà, vừa dịu dàng thủ thỉ với bà trong lúc

bà đang chiến đấu với những cơn đau xé lòng xé ruột. Dì Sara bảo tôi về nhà gọi thêm Ra-khen vợ tôi, rồi đẩy ông Giu-se và tôi ra bên ngoài chuồng gia súc, dì nói: “Chỗ này không dành cho đàn ông.”

Hai chúng tôi tìm chỗ trú và đợi bên ngoài, dường như là nhiều giờ lâu lắc. Rồi, thình lình chúng tôi nghe tiếng trẻ con khóc thét. Khi chúng tôi ghé mắt nhìn trộm vào trong, dì Sara nói: “Ông có một bé trai.” Dì trao hài nhi cho Ra-khen và dùng dải băng quấn chặt khắp quanh thân hình bé bỏng.

Ông Giu-se bước tới bên bà Ma-ri-a và ôm ghì lấy bà, hôn lên má bà, rồi Ra-khen trao cho bà Ma-ri-a em bé; sau đó vợ tôi bước lại chỗ tôi đứng, nắm bàn tay tôi, thì thầm: “Có nhớ hồi Giô-suê nhà mình chào đời không?”

Ngon đèn chao đi chực tắt, lũ gia súc khê kêu ư ử, còn hài nhi Giê-su ngủ ngon trong tay mẹ. Tôi từ giã họ, đưa dì Sara về nhà. Gió buốt giá dù mưa tuyết đã ngừng cơn.

Lúc tôi về tới nhà mình, Ra-khen đã vào giường. Tôi sắp sửa tắt đèn, bước qua những thân người say ngủ, để rúc mình dưới lớp vải ấm áp, thì nghe có tiếng rì rầm vọng tới từ chuồng gia súc.

Tôi nhủ thầm, mình nên ra đó xem xét thì hơn. Khi tôi ghé mắt nhìn vào, bắt gặp những người chặn cừ. Những người lớn tuổi áo quần nhàu nhò, luộm thuộm, hôi hám đang quỳ trên nền chuồng bẩn thỉu như thể đang cầu nguyện. Người lớn tuổi nhất đang nói với ông Giu-se chi chi đó về các thiên thần và về Đấng Cứu Thế. Những người kia thì cứ cúi đầu, quỳ sụp bên cạnh; một số khác thì nước mắt tuôn dài trên gương mặt.

Tôi đằng hắng lớn tiếng và ông Giu-se ngẩng lên. Tôi chực tống cổ mấy kẻ chặn cừ bộ dạng như thể quân trộm cắp thì ông Giu-se giơ bàn tay ra dấu ngăn lại. Ông khê nói: “Không việc gì đâu. Họ tới xem mặt Ki-tô Hài Đồng.”

Hài Đồng Ki-tô ư? Đấng Cứu Thế ư? Tôi cũng quỳ sụp xuống. Và chiêm ngưỡng, và cầu nguyện, và lắng nghe ông lão chặn cừ thuật chuyện về các thiên thần, về quang vinh đến từ trời cao, về dấu chỉ để tìm ra Chúa Hài Đồng được quấn tã, nằm trong máng cỏ dành cho gia súc.

Lạy Chúa con, chính cái chuồng gia súc nhà con lại là nơi Hài Đồng Ki-tô giáng sinh. Chúa ngự trong máng cỏ nhà con. Rơm rạ nhà con, ngọn đèn của con, Ra-khen vợ con đã giúp cho Chúa buổi lâm phạm.

Lát sau mấy người chặn cừ rời đi. Trước khi cất bước, vài người bọn họ nghiêng mình hôn Chúa Hài Đồng đang say ngủ. Tôi cũng vậy.

Tôi luôn luôn vui sướng vì đã dọn chỗ trong chuồng gia súc cho gia đình ấy – một gia đình thánh thiêng. Quý vị biết rồi nhé, tôi nào phải là hạng chủ quán trọ hèn hạ đốn mạt. Tôi đã ở đó. Tôi đã chứng kiến. Và, quý vị biết rồi đấy, nhiều năm sau cậu bé ấy đã trở lại Bê-lem để rao giảng về Nước Trời. Ôi, tôi tin Người, xin nói với quý vị như vậy. Tôi đã ở đó. Và hãy nhớ lấy lời tôi, nếu quý vị đã thấy những gì tôi chứng kiến, quý vị cũng là một tín hữu như tôi.

*Nguyệt san CGvDT
số 252, tháng 12-2015*

*Nhiều Lộc, 04-12-2015
Sửa chữa 04-4-2019*

4. XIN CHÚA DÙNG THUYỀN CỦA CON



Đức Giê-su đến gặp hai anh em ngư phủ An-rê và Si-môn.
Tranh nước ngoài.

Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu (4:18-20) chép về việc Đức Giê-su thu nhận hai anh em ngư phủ làm hai môn đệ đầu tiên trong nhóm mười hai tông đồ như sau:

Người đang đi dọc theo biển hồ Ga-li-lê, thì thấy hai anh em kia, là ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô, và người anh là ông An-

rê, đang quăng chài xuống biển, vì các ông làm nghề đánh cá. Người bảo các ông: “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá.” Lập tức hai ông bỏ chài lưới mà đi theo Người.

Về việc Đức Giê-su chữa bệnh cho mẹ vợ ông Si-môn (tức Phê-rô), Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu (8:14-15) chép ngắn gọn:

Đức Giê-su đến nhà ông Phê-rô, thấy bà mẹ vợ ông đang nằm liệt và lên cơn sốt. Người đụng vào tay bà, cơn sốt dứt ngay và bà trở dậy phục vụ Người.

Phúc Âm theo Thánh Gio-an (1:40-42) cho biết rằng trước khi được Đức Giê-su thu nhận làm môn đệ, ông An-rê đã gặp Chúa ở nơi Đức Gio-an Tẩy Giả (*John the Baptist*) giảng đạo. Sau đó ông dẫn em trai mình là ông Si-môn đến gặp Chúa.

Dựa trên ba sự kiện được ghi chép như trên, mục sư Wilson đã viết thành câu chuyện *Xin Chúa Dùng Thuyền Của Con (Lord, You Can Use My Boat)* vào ngày 26-9-1997, tại thành phố Ti-bê-ri-át nằm trên bờ phía tây của biển hồ Ga-li-lê thuộc nước Ít-ra-en.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

“Thuyền đẹp đấy.”

Đang vá lưới, ông Si-môn ngẩng lên, thấy một vị cao ráo đang sờ vào con thuyền của ông. Chính là Đức Giêsu, người mà ông đã gặp lần đầu tại Giu-đê, lúc đang nghe Đức Gio-an Tẩy Giả giảng đạo. Ông Si-môn nghe nói giờ đây chính Đức Giê-su là một thầy giảng.

Mấy ngón tay Đức Giê-su đang rờ lên thân gỗ con thuyền của ông Si-môn, thán phục một công phu tinh xảo. Đức Giê-su khen: “Rất nhẵn.”

Ông Si-môn nói: “Thợ đóng thuyền Ben-gia-min làm xong mùa thu năm ngoái. Đây là con thuyền cuối cùng ông ấy đóng trước khi chết.”

Đức Giê-su vuốt bàn tay dọc theo các phiến gỗ bên hông thuyền. Chúa nói: “Trông kín kẽ lắm. Máy chỗ mộng ráp vào rất khít khao. Hẳn là phải tốn nhiều thời gian.”

“Đúng thế!” Ông Si-môn rời tay khỏi tấm lưới. Nói chuyện thì sướng hơn vá lưới nhiều. “Hai cha con Ben-gia-min mất hết bảy tháng trời. Tôi cứ tưởng họ chẳng làm xong. Và ông ta lấy của tôi khá nhiều tiền. Nhưng tôi có được con thuyền tốt nhất trên hồ này.” Ông Si-môn nhồm dậy và bước tới con thuyền đã được kéo lên bờ biển hồ đầy sỏi đá. “Trông thầy có vẻ hiểu biết nghề mộc.”

“Tôi là thợ mộc giống như cha tôi.” Đức Giê-su nói, và chìa bàn tay ra. “Mừng gặp lại anh. Tôi ngó qua đuôi thuyền, anh không phiền chứ?”

Ông Si-môn thoáng lưỡng lự. Thuyền còn mới và ông chẳng muốn bất kỳ ai đụng chạm tới nó, nhất là người chả quen với thuyền bè. Nhưng lòng hãnh diện đã thắng nỗi băn khoăn. “Được mà. Nhưng thầy cẩn thận, đừng giẫm lên mớ dây thừng đó.”

Đức Giê-su leo vào thuyền, sắn soi kỹ lưỡng: bánh lái, cọc chèo, buồm. Khi leo ra ngoài, Chúa nói: “Ben-gia-min đã đóng cho anh con thuyền hoàn hảo. Tiện thể, xế chiều nay tôi sẽ

giảng dọc theo bờ biển. Không biết anh có thể giúp tôi sắp đặt chỗ cho mọi người ngồi chẳng? Tôi cần người phụ một tay, nếu như anh có lòng tốt.”

“Hân hạnh giúp thầy, Giê-su.” Ông Si-môn thích được nhờ cậy, và cũng thích rằng một người thợ mộc đã khen con thuyền của ông là kiệt tác, và ông cũng biết như vậy.

Xế chiều ấy, sau khi cố gắng sắp đặt chỗ cho đám đông, Ông Si-môn ngồi nghe mê mẩn. Đức Giê-su giảng: “Ông mù mà anh em thấy đây đã được chữa sáng mắt,⁽¹⁾ là bằng chứng cho quyền năng Chúa Trời đang ngự trị giữa anh em để cứu chữa cuộc sống anh em, giải thoát anh em, và ban cho anh em niềm vui sướng! Nước Trời ở ngay đây. Hãy quay lại mà sống đời công chính cùng Chúa Trời.”

Đây không phải là bài thuyết giáo từ chương của một thầy giảng lưu động bậc trung, trích dẫn lời thầy Giáp, thầy Ất để hậu thuẫn cho ý kiến của mình. Đức Giê-su giảng với một thẩm quyền đương nhiên, một sự minh bạch làm cho những kẻ Pha-ri-sêu giả dối đang có mặt trong đám đông phải câm nín còn bá tánh thì rơi lệ ăn năn xấu hổ. Khi mặt trời lặn và mọi người đứng dậy ra về, bản thân ông Si-môn rúng động. Ông ở đây, một ngư dân trần tục quen to mồm lớn tiếng. Liệu ông có sẵn sàng đón lấy Nước Trời và Đấng Cứu Thế? Vâng, ông là ngư dân giỏi. Nhưng là người thiện? Không hẳn đâu.

Giờ thì chẳng có thời gian để mà nghĩ ngợi. Đội thuyền của làng chài Ca-phác-na-um đã sẵn sàng ra khơi mở màn một đêm đánh cá. Ông Si-môn và người anh là ông An-rê lao

⁽¹⁾ Chuyện này xảy ra ở Bết-xai-đa. Xem Mác-cô 8:22-26.

mạnh thuyền xuống nước và đẩy đi thêm một đoạn để lấy trớn trước khi cả hai nhảy vào thuyền. Họ chèo ra khơi và quăng mẻ lưới đầu tiên. Họ thường bận bịu cả đêm, hết tung lưới xuống lại kéo lưới lên.

Ngày khi bình minh vừa ửng hồng nền trời, ông Si-môn và ông An-rê tung mẻ lưới sau cùng, sẵn sàng quay vào bờ, bán hết cá, rồi ngủ một giấc. Họ mất trọn một đêm dài, nhưng bắt được nhiều cá hơn cả so với tuần này.

“Si-môn.” Một tiếng gọi vang vọng trên mặt nước. “Si-môn.”

Ông Si-môn nhìn theo tấm lưới chìm xuống dưới mặt hồ rồi ngước lên. Chính là Đức Giê-su. Lời giảng về Nước Trời của Đức Giê-su đã làm ông thao thức suốt đêm.

“Si-môn.” Tiếng gọi vọng đến lần thứ ba. Ông Si-môn giơ bàn tay lên ra dấu đã nghe.

“Hãy theo Thầy!” Lời nói sắc gọn, mang tính mệnh lệnh. “Hãy theo Thầy, và Thầy sẽ làm hai anh trở thành những tay đánh lưới người.”

Đánh lưới người ư? Quăng lưới bắt người thay vì bắt cá à? Ý nghĩa gì thế? Nhưng Đức Giê-su đang gọi. Kìa, người đang gọi!

Với những cái phao còn dập dềnh, tấm lưới vẫn đang chìm dưới nước, nơi ông Si-môn đã quăng xuống, chờ mấy con cá hớ hênh mắc kẹt. Nhưng sáng hôm ấy lũ cá chẳng tìm ra đường nào để lên nằm trên mặt bàn ăn bữa sáng, vì cả hai anh em ông Si-môn và An-rê đã leo qua mạn thuyền mà bơi vào bờ. Nước rõ giọt rờn rờn, họ buông mình quỳ sụp

xuống trước Đức Giê-su.

“Si-môn.” Ông Si-môn có thể cảm nhận được bàn tay Chúa trên mái tóc rối nùi ướt sũng của ông. “Si-môn, hãy theo Thầy.”

Ông Si-môn ngẩng lên. “Vâng, thưa Chúa, con xin theo Chúa. Chúa đi đâu ạ?”

“Anh sẽ thấy.” Đức Giê-su nói, kéo nhẹ cánh tay ông Si-môn ra dấu cho anh đứng dậy. “Và này Si-môn, Thầy sẽ cần thuyền của anh.”

Con thuyền mới cáu của ông, niềm hãnh diện của đội thuyền chài trong thành phố ư? Đức Giê-su muốn lấy thuyền làm gì? Ông Si-môn ngẩng lên, đáp chậm rãi: “Dạ được, Chúa có thể dùng nó khi nào chúng con không cần dùng ạ.”

Đức Giê-su khẳng khẳng: “Nhưng Thầy đang cần nó. Anh là chủ nó, phải không?”

“Thưa Chúa, đương nhiên là con sở hữu cả con thuyền. Con mất ba năm mới kiếm đủ tiền tậu nó.”

“Và anh đã quyết định theo Thầy, phải không Si-môn?”

“Vâng, dĩ nhiên rồi, thưa Chúa.”

Đức Giê-su nói: “Thế thì thuyền của anh cũng phải theo Thầy. Chẳng những riêng anh mà mọi thứ anh có đều cần theo Thầy, sẵn sàng theo lệnh Thầy khi Thầy cần tới.”

Ông Si-môn xấu hổ: “Vâng, thưa Chúa. Xin lấy thuyền đánh cá của con. Dùng nó bất cứ khi nào Chúa cần... Con thực lòng muốn vậy... Xin tha thứ tội ích kỷ của con.”

“Anh có nhà chứ, Si-môn?”

“Dạ, thưa Chúa, con có một mái nhà.”

“Thầy cũng cần nó nữa.”

“Nhà con ư?”

“Phải, nhà con.”

“Ơ, Chúa Giê-su. Con biết ăn nói sao đây? Mẹ vợ con đang sống chung với chúng con và hiện giờ bà không khỏe lắm. Con không biết chắc là có nên quấy rầy mẹ con không, vì bà đang sốt.”

“Thuyền của anh, căn nhà anh, và con người anh phải theo Thầy, Si-môn à.”

“Vâng, thưa Chúa.”

“Và Thầy sẽ lo cho mẹ vợ anh. Anh sẽ thấy. Sao anh không đưa Thầy về nhà?”

“Vâng, thưa Chúa.” Ông Si-môn đáp rồi cùng Đức Giê-su và ông An-rê rời bờ biển đi vào thành phố trong lúc vắng dương và lối dạng trên những ngọn đồi.

*Nguyệt san CGvDT
số 247, tháng 7-2015*

*Nhiều Lộc, 23-7-2015
Sửa chữa 05-4-2019*

5. PHÉP MẦU TẠI HỒ BẾT-DA-THA

Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (3:23) cho biết: *Khi Đức Giê-su khởi sự rao giảng, Người trạc ba mươi tuổi.* Trước khi hy sinh trên thập giá, trong khoảng vài năm rao giảng Tin Mừng, Chúa làm nhiều phép mầu. Có một phép mầu được Phúc Âm theo Thánh Gio-an (5:1-15) chép như sau:

Sau đó, nhân dịp lễ của người Do Thái, Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem. Tại Giê-ru-sa-lem, gần Cửa Chiên,⁽¹⁾ có một hồ nước, tiếng Híp-ri⁽²⁾ gọi là Bết-da-tha. Hồ này có năm hành lang. Nhiều người đau ốm, đui mù, què quặt, bất toại⁽³⁾ nằm la liệt ở đó, (chờ cho nước động, vì thỉnh thoảng có thiên thần xuống hồ khuấy nước lên; khi nước khuấy lên, ai xuống trước, thì dù mắc bệnh gì đi nữa, cũng được khỏi). Ở đó, có một người đau ốm đã ba mươi tám năm. Đức Giê-su thấy anh ta nằm đấy và biết anh sống trong tình trạng đó đã lâu, thì nói: “Anh có muốn khỏi bệnh không?” Bệnh nhân đáp: “Thưa Ngài, khi nước khuấy lên, không có người đem tôi xuống hồ. Lúc tôi tới đó, thì đã có người khác xuống trước mất rồi!” Đức Giê-su

⁽¹⁾ **Cửa Chiên** (*the Sheep Gate*): Bản King James ghi là *the sheep market* (chợ bán cừu).

⁽²⁾ **tiếng Híp-pri**: Tiếng Do Thái (*Hebrew*).

⁽³⁾ **bất toại**: Không thuận theo ý muốn. Thường nói là *bán thân bất toại* 半身不遂, nghĩa là nửa thân mình tê liệt, không thể cử động theo ý muốn (*hemiplegia; paralysis of one side of the body*).

bảo: “Anh hãy trỗi dậy, vác chõng mà đi!” Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và đi được. Hôm đó lại là ngày sa-bát.⁽⁴⁾

Người Do Thái mới nói với kẻ được khỏi bệnh: “Hôm nay là ngày sa-bát, anh không được phép vác chõng!” Nhưng anh đáp: “Chính người chữa tôi khỏi bệnh đã nói với tôi: Anh hãy vác chõng mà đi!” Họ hỏi anh: “Ai là người đã bảo anh vác chõng mà đi?” Nhưng người đã được khỏi bệnh không biết là ai. Quả thế, Đức Giê-su đã lánh đi, vì có đám đông ở đấy. Sau đó, Đức Giê-su gặp người ấy trong Đền Thờ và nói: “Này, anh đã được khỏi bệnh. Đừng phạm tội nữa, kẻo lại phải khốn hơn trước!” Anh ta đi nói với người Do Thái: Đức Giê-su là người đã chữa anh khỏi bệnh.

Dựa theo đoạn Phúc Âm dẫn trên, họa sĩ Bartolomé Esteban Murillo (Tây Ban Nha, 1617-1682) khoảng những năm 1667-1670 đã vẽ bức sơn dầu Đức Ki-tô Chữa Người Bị Liệt Tại Hồ Bết-da-tha (*Christ Healing the Paralytic at the Pool of Bethesda*).

Còn mục sư Wilson thì viết thành câu chuyện *Chữa Lành Phần Nửa Tại Hồ Bết-da-tha (Half-Healing at the Pool of Bethesda)* và đặt tên cho người vô danh thọ ơn Chúa là A-ma-sai. Tại sao lại *chữa lành phần nửa*? Tại sao lại là A-ma-sai mà không là người nào khác? Đó chính là điểm nhấn (*emphasis*) của câu chuyện do Wilson kể lại sau đây.

⁽⁴⁾ **ngày sa-bát:** Theo nghi lễ đạo Do Thái, đây là ngày thứ bảy cuối tuần, mọi người không được làm việc để tưởng nhớ Thiên Chúa đã tạo dựng muôn loài trong sáu ngày và nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Người Hoa dịch là *an tức nhật* 安息日 (ngày ngơi nghỉ an nhàn).



Đức Ki-tô Chữa Người Bị Liệt Tại Hồ Bết-da-tha
(*Christ Healing the Paralytic at the Pool of Bethesda*).

Sơn dầu trên bố. Bartolomé Esteban Murillo
(Tây Ban Nha, 1617-1682), vẽ khoảng những năm 1667-1670.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Hôm nay Đức Giê-su chăm chú nhìn một trong số những người đau khổ ở Giê-ru-sa-lem. Kẻ thất cơ lỡ vận, què quặt, và tội lỗi nặng nề này chẳng phải là một ứng viên lý tưởng để được ban phép màu.

A-ma-sai sống tàn phế ba mươi tám năm, một phần đời dài nhất của ông ta. Nếu có điều gì mô tả A-ma-sai, thì đó là bệnh bại liệt. Đôi chân bị liệt quá lâu đến nỗi chúng hóa ra khẳng khiu, teo tóp, héo rũ. Chẳng có chút sinh lực nào ở chúng cả.

Một số người tàn phế đi xin ăn để kéo dài kiếp sống lây lất. Những người khác thì làm một nghề nào đó, nếu họ còn sức khỏe và đủ khéo tay. Nhưng A-ma-sai cứ buông trôi năm tháng trên manh chiếu cạnh hồ nước công cộng, mòn mỏi đợi chờ, vô công vô dụng và phiền não chán chường. Mỗi sáng có người mang ông ra hồ. Mỗi tối có người mang ông về nhà.

Nằm ngay phía bắc những bức tường của Đền Thờ, hồ Bết-da-tha gồm hai hồ được các dòng suối tiếp nước. Hồ phía nam đủ nông cho người ta chuôi xuống. Bốn phía chung quanh hồ là những cây cột cao nghệu đỡ lấy mái vòm để che mát trong những ngày dài nóng bức.

Khách hành hương tới Giê-ru-sa-lem tìm đến hồ để tẩy trần cho tinh khiết theo nghi lễ. Nhưng hầu hết những người có mặt tại hồ hôm nay đều tàn tật: mù lòa, què quặt, liệt bại.

Họ tụ tập ở đây vì truyền thuyết kể rằng thỉnh thoảng một thiên thần sẽ tới khuấy động nước hồ. Liền sau đó, người tàn tật nào có thể chuôi xuống nước trước tiên sẽ được chữa lành.

Nhưng bá tánh quá đông, có lúc lên đến hằng trăm kẻ bệnh người què chực chờ sự kiện ấy. Họ thường xuyên bám trụ, mỗi người chiếm cứ một chỗ riêng, mà phần nhiều ở trong bóng râm không quá xa mép hồ. Những lúc nước hồ thành linh sứ bọt, đám đông lại nháo nhào lao xuống.

A-ma-sai chẳng bao giờ là kẻ trước tiên, thậm chí là được kể cận. Bởi lẽ ông què quặt, cần có người giúp xê dịch, mà chẳng ai giúp cả. Không có bạn bè nào chen vào và thả ông xuống nước. Thế nên, dù ngày lại ngày đều có mặt bên hồ, A-ma-sai chưa hề được chữa lành.

Vào cái ngày đặc biệt này, như một phần an bài của trời đất, Đức Giê-su rời khỏi Đền Thờ và sải bước về phía hồ Bết-da-tha. Trước đây Chúa từng ở đó, nhưng hôm nay Chúa đang tìm một kẻ mà Cha Người sẽ chỉ dẫn. Chúa bước lại gần A-ma-sai rách rưới, đang nằm bẹp trên chiếu, gắng gượng cho qua ngày đoạn tháng.

Không ai nhận ra Đức Giê-su, dù bấy giờ Chúa đã nổi tiếng ở Giê-ru-sa-lem. Đến chỗ A-ma-sai nằm, Chúa ngồi xổm xuống để gần tầm mắt kẻ tàn tật hơn, và hỏi:

“Ông có muốn lành bệnh không?”

Ôi, một câu hỏi kỳ cục! Đương nhiên người bệnh nào cũng muốn được chữa lành. Nhưng dù sao Đức Giê-su vẫn hỏi. Các bạn biết đấy, có những người quá để tâm vào tật bệnh bản thân hay khó khăn rắc rối của mình đến nỗi cho dù họ bảo rằng họ muốn thoát khỏi nó, song vì được người khác chú ý, xót thương nên rất cuộc họ thật sự chẳng muốn thoát khỏi nó chút nào.

Bằng câu hỏi ấy, Đức Giê-su muốn A-ma-sai trò chuyện.

A-ma-sai đáp: “Thưa ngài, chẳng ai giúp tôi xuống hồ khi nước bị khuấy động. Trong lúc tôi đang ráng sức lết tới thì kẻ khác đã xuống hồ trước tôi rồi.”

Đức Giê-su nhìn sâu vào tận tâm hồn A-ma-sai. Chúa

không thấy một chút gì giá trị. Chúa không thấy một người can đảm giáp mặt bệnh tật đời mình. Thậm chí Chúa không thấy một người tốt lành về căn bản. Thay vào đó, Đức Giê-su nhìn thấy một tội lỗi thâm căn cố đế vốn là cội rễ của mọi tật bệnh ông ta đeo mang. A-ma-sai là một tội nhân ích kỷ, già nua, thảm hại, là kẻ chẳng có tương lai và không còn hy vọng, ngoại trừ trông cậy vào ơn Chúa.

Đức Giê-su nhìn A-ma-sai rồi đứng thẳng người lên, và bằng giọng nói đầy quyền uy của Thượng Đế, Chúa ra lệnh: “Hãy trở dậy! Hãy nhặt lấy chiếu mà bước đi!”

Hốt nhiên, A-ma-sai được chữa lành. Một A-ma-sai suy nhược và héo rũ thành linh cảm nhận được sức mạnh như cơn lũ tràn dâng trong thân thể, trong hai chân, và ông ta đứng phắt dậy. Rồi cúi xuống nhặt manh chiếu cặp vào nách, ông ta bắt đầu bước đi.

Mọi người chung quanh A-ma-sai biết rằng đã xảy ra chuyện gì đó. Họ xôn xao, và ai còn đi được thì đổ xô tới ông ta.

Đức Giê-su lùi lại. Chúa không ở đó để cho bá tánh chú ý. Chúa ở đó để chữa lành một kẻ hoàn toàn không xứng đáng được cứu chữa.

Thiên hạ bủa vây lấy A-ma-sai. Khi ông cố thoát ra khỏi khoảnh sân, thì mấy ông Do Thái nghiêm khắc, có lẽ là người Pha-ri-sêu,⁽⁵⁾ chặn ông lại: “Hôm nay là ngày sa-bát. Vào ngày

⁽⁵⁾ **Pha-ri-sêu:** Nhóm tín đồ đạo Do Thái thông thạo luật lệ, luôn câu nệ luật lệ, tự cao tự đại, tự cho họ thánh thiện, nhưng sống giả dối, tách biệt người nghèo và người ngoài đạo Do Thái.

thánh thiêng của Thượng Đế, ông không được phép mang vác bất kỳ thứ gì, hà huống là giường chiếu. Như thế là trái Luật Trời.”

Sửng sốt, A-ma-sai đổ lỗi cho người ơn của mình: “Cái ông chữa lành cho tôi bảo tôi nhặt chiếu lên mà mang đi.”

Họ hỏi: “Đó là ai? Tên gì?”

A-ma-sai đáp: “Tôi không biết.”

Sau đó, A-ma-sai ra Đền Thờ tạ ơn được chữa lành. Đức Giê-su đang dạy đạo ngoài sân đền. Trông thấy A-ma-sai, Chúa ngưng bài giảng và bước tới bảo: “Này, ông khỏe mạnh lại rồi. Đừng phạm tội nữa, kẻo có sự tệt hại hơn trước sẽ xảy đến cho ông.”

Điểm nhấn của Ralph F. Wilson là gì?

1. Trong câu chuyện kể trên, mục sư Wilson nhấn mạnh chi tiết A-ma-sai không có chút gì xứng đáng để được Đức Giê-su cứu chữa; nhưng Chúa đã ban ơn cho kẻ hoàn toàn không xứng đáng ấy.

Dụng tâm của tác giả nhấn mạnh chi tiết ấy khiến tôi nhớ lại, thỉnh thoảng có dịp cùng dự thánh lễ với quý anh chị Ki-tô hữu, thường có một lời cầu nguyện của cộng đoàn luôn làm tôi xúc động: *Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự vào nhà con; nhưng xin Chúa phán một lời thì linh hồn con sẽ lành mạnh.* Tuy nhiên, điều này lại khiến người ta dễ ngộ nhận rằng Ki-tô hữu chỉ trông cậy *tha lực* mà thiếu *tự lực*.

2. Trong nhan đề bản tiếng Anh, Wilson viết là *Half-*

healing (chữa lành phân nửa). Đức Giê-su đầy quyền năng sao chỉ chữa lành phân nửa? Tại sao A-ma-sai chỉ được chữa lành năm mươi phần trăm?

Lời Chúa dạy A-ma-sai ở cuối câu chuyện giúp chúng ta trả lời thỏa đáng câu hỏi nêu trên:

2.1. Nỗi thống khổ ba mươi tám năm A-ma-sai đeo mang không phải do Trời phạt. Thượng Đế hay Thiên Chúa đại từ đại bi, lúc nào cũng thương xót chúng sanh; vậy thì thưởng phạt con người là do Luật Trời chí công vô tư tác động. Luật ấy cũng gọi là *nhân quả báo ứng*. Do quá khứ tích chứa rất nhiều tội lỗi (*gieo nhân xấu*) nên hiện tại A-ma-sai phải chịu đau khổ ba mươi tám năm đặng đặng (*trả quả xấu*). Nếu Đức Giê-su không đến với A-ma-sai, thì ông ta ắt sẽ còn phải lây lất sống thừa lâu dài thêm nữa.

2.2. Ông Chúa chữa lành cho kẻ không xứng đáng là để giúp con người tội lỗi thức tỉnh, thành tâm sám hối, cải tà quy chánh. Y có dứt khoát từ bỏ quá khứ tối tăm thì mới không phải nhận lãnh những quả báo xấu sẽ quay trở lại với cường độ còn mãnh liệt hơn, dữ dằn hơn; thế nên Đức Giê-su cảnh báo: *Đừng phạm tội nữa, kẻo có sự tệ hại hơn trước sẽ xảy đến cho ông.*

Tóm lại, chỉ khi nào A-ma-sai thành tâm sám hối và vĩnh viễn cải tà quy chánh thì bấy giờ ông ta mới thật sự được chữa lành trọn vẹn một trăm phần trăm. Ông Chúa (*tha lực*) là năm mươi, và phần *tự lực* với ý chí của ông là năm mươi.

Nguyệt san CGvDT
số 291, tháng 3-2019

Nhiều Lộc, 03-3-2019
Sửa chữa 04-4-2019

6. TRONG HÉO NGOÀI TƯƠI

Ca dao người Việt có câu: *Lan huệ sâu ai lan huệ héo / Lan huệ sâu đời trong héo ngoài tươi*. Bốn chữ *trong héo ngoài tươi* quả thật rất hợp với tình cảnh của người đàn bà mang bệnh phụ khoa ròng rã mười hai năm. Gần ấy thời gian chị luôn phải khổ sở, cố giấu giếm cái điều thầm kín quá bất tiện bên trong, ráng che đậy nó bằng vẻ ngoài tự nhiên giả vờ trên nét mặt, qua nụ cười theo kiểu Nguyễn Du: *Vui là vui gượng kẻo mà*.

Thế rồi, tất cả những sầu khổ dai dẳng trong đời chị bỗng vụt thoát tan biến vào đúng ngày hôm ấy, khi chị không còn cần phải giữ gìn ý tứ của người phụ nữ có nền nếp nữa. Vâng, hôm ấy chị đã chen lách, xô đẩy trong đám đông đang vòng trong vòng ngoài vây kín lấy một người, chỉ với một quyết tâm là tay chị phải chạm được vào vạt áo người đó.

Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (8:43-48) chép như sau:

Có một bà kia bị băng huyết đã mười hai năm, không ai có thể chữa được. Bà tiến đến phía sau Người và sờ vào tua áo của Người. Tức khắc, máu ngừng chảy. Đức Giê-su hỏi: “Ai là người đã sờ vào tôi?” Mọi người đều chối, nên ông Phê-rô nói: “Thưa Thầy, đám đông xô đẩy, chen lấn Thầy đấy!” Nhưng Đức Giê-su nói: “Có người đã đụng vào Thầy, vì Thầy biết có một năng lực tự nơi Thầy phát ra.” Người đàn bà thấy mình không giữ kín được nữa, thì run rẩy đến phủ phục trước mặt



Chị nhủ thầm: “Mình mà sờ được vào áo Người, là sẽ được cứu.”
(Mác-cô 5:28) Tranh nước ngoài.

Người, và loan báo trước mặt toàn dân lý do tại sao bà đã đụng vào Đức Giê-su, và bà đã được khỏi bệnh tức khắc như thế nào. Đức Giê-su nói với bà: “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con. Con hãy đi bình an.”

Phúc Âm theo Thánh Mác-cô (5:25-34) chép chi tiết hơn:

Có một bà kia bị băng huyết đã mười hai năm, bao phen khổ sở vì chạy thầy chạy thuốc đã nhiều đến tán gia bại sản, mà vẫn tiền mất tật mang, lại còn thêm nặng là khác. Được nghe đồn về Đức Giê-su, bà lách qua đám đông, tiến đến phía sau Người, và sờ vào áo của Người. Vì bà tự nhủ: “Tôi mà sờ được vào áo Người thôi, là sẽ được cứu.” Tức khắc, máu cầm lại, và bà cảm thấy trong mình đã được khỏi bệnh. Ngay lúc đó, Đức Giê-su thấy có một năng lực tự nơi mình phát ra, Người liền quay lại giữa đám đông mà hỏi: “Ai đã sờ vào áo

tôi?” Các môn đệ thưa: “Thầy coi, đám đông chen lấn Thầy như thế mà Thầy còn hỏi ‘Ai đã sờ vào tôi?’” Đức Giê-su ngó quanh để nhìn người phụ nữ đã làm điều đó. Bà này sợ phát run lên, vì biết cái gì đã xảy đến cho mình. Bà đến phủ phục trước mặt Người, và nói hết sự thật với Người. Người nói với bà ta: “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con. Con hãy về bình an và khỏi hẳn bệnh.”

Đến năm 1998, sự tích chữa bệnh phụ khoa bằng đức tin và phép màu dẫn trên được kể lại thành câu chuyện *Trong Héo Ngoài Tươi (Smiling Outside, Lost Within)*, theo cách riêng của mục sư Wilson.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Trên phố xá một ngày kia, Đức Giê-su bị vây kín trong đám đông đang xô đẩy, chen lấn nhau để giành lối tới được sát bên cạnh vị thầy danh tiếng và cũng là người làm phép màu. Trong đám đông ấy có một chị trung niên mắc bệnh chảy máu kinh niên. Suốt mười hai năm qua chị tìm tới hết lương y này rồi đến thầy thuốc nọ, hy vọng ai đó có thể chữa cho chị khỏi bệnh. Chị đã tiêu hết sạch số tiền dành dụm mà rốt cuộc thì tiền mất tật mang, bệnh lại còn trầm trọng hơn. Giá như ngày nay, chị đi cắt bỏ tử cung là xong, nhưng thời xưa nào ai giúp được.

Bề ngoài chị là phụ nữ đáng kính. Bên trong chị cảm thấy xấu hổ, đơn cô, tuyệt vọng. Sao lại là tôi? Ích gì chứ? Có còn cơ may nào không? Dầu thế, chị vẫn khát khao hy vọng.

Trong đám đông vây kín Đức Giê-su hôm ấy dĩ nhiên ai ai

cũng đều có một nhu cầu. Có kẻ vì gia đình xung đột, có người bởi con trai hay con gái đi lạc. Kẻ thì đang chống chọi với nợ nần, người thì xác thân bệnh tật. Bề ngoài trông họ bình thường, nhưng bên trong – khi họ có thời gian nghĩ tới – thì họ đau đớn, mất phương hướng, cổ xoay xoắn, và buông tay chịu trận. Đức Giê-su bảo họ là *bầy chiên không người chăn dắt*.⁽¹⁾

Nhưng vào cái ngày đặc biệt này, người phụ nữ bị băng huyết kia dẫu sức yếu lại chẳng muốn để cho những kẻ khác chen vào giữa chị và Đức Giê-su. Chị xô chị đẩy, chị lách chị chen để giành lối cho tới khi chị được vừa tầm tay với. Chị nghĩ thầm: “Chỉ cần chạm được lai áo của Chúa, mình sẽ lành bệnh.” Thế là chị vươn tay ra với lấy, và thành linh cái điều chị khao khát nhiều năm nay đã xảy ra. Máu ngưng chảy. Chị cảm nhận từ bên trong rằng quả thật chị đã được chữa lành.

Đột ngột, dòng người đang tuôn theo sau Đức Giê-su dừng lại bởi lẽ chính Chúa đã dừng lại. Chúa nhìn quanh. Khi tiếng ào ào nín bặt, bạn có thể nghe Chúa hỏi: “Ai đã chạm vào tôi?”

Một môn đệ đáp: “Thưa Thầy, ai cũng chạm vào Thầy cả mà. Đông người thế này, làm sao họ khỏi chạm vào Thầy.”

Đức Giê-su lặp lại: “Có người đã chạm vào tôi. Tôi cảm



"Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con." (Mác-cô 5:34)

thấy năng lượng ⁽²⁾ thoát ra khỏi người tôi." Chúa xoay quanh, nhìn khắp, kiểm tìm, cho tới khi Chúa nhìn vào đôi

⁽¹⁾ Đức Giê-su thấy đám đông thì chạnh lòng thương, vì họ làm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt. (Mát-thêu 9:36)

Ra khỏi thuyền, Đức Giê-su thấy một đám người rất đông thì chạnh lòng thương, vì họ như bầy chiên không người chăn dắt. Và Người bắt đầu dạy dỗ họ nhiều điều. (Mác-cô 6:34)

⁽²⁾ **năng lượng:** Nguyên văn của mục sư Wilson cũng như nhiều bản Kinh Thánh tiếng Anh đều viết là *power*. Từ này có lẽ phần nào tương đồng với thuật ngữ *điển* trong thánh giáo Cao Đài. Chẳng hạn, diễn tả theo ngôn ngữ Cao Đài, có thể nói: Lúc ấy Đức Giê-su biết có một *luồng điển* vừa thoát ra khỏi Chúa, và chị ấy cảm nhận được một *luồng điển* tuôn chảy vào người chị.

mắt người phụ nữ được chữa lành, và chị bỗng đứng rất sợ. Chị phủ phục dưới chân Chúa, dốc cạn chuyện lòng đau khổ. Từng niềm đau, từng nỗi sầu, từng hồi ngờ vực. Và rồi chị ngẩng lên mà nói trong ràn rụa nước mắt sướng vui: “Nhưng nay con được chữa lành rồi!”

Đức Giê-su dịu dàng nhìn chị và bảo: “Con gái ơi, con có đức tin vào Chúa nên đã khiến con lành lặn. Khi từ chỗ này cất bước, con sẽ đi trong bình an của Chúa Trời và được hết bệnh.”

Hôm đó, đôi mắt chị ấy nào phải là đôi mắt duy nhất tuôn tràn dòng lệ. Bởi lẽ người ta nhìn thấy trong chị những chiến đấu của riêng họ với nỗi cô đơn thâm kín, và nghe được những lời dành cho họ: “Đức tin của con đã khiến con lành lặn. Hãy đi trong bình an và được chữa lành.”

Nếu bạn cảm thấy tuyệt vọng giống như cuộc chiến đấu của người phụ nữ ấy, sao bạn không vươn tay với tới Đức Giêsu mà nguyện cầu đơn giản:

“Lạy Chúa Giê-su, thú thật, đôi khi con cảm thấy trong con rất mất mát, rất trống vắng, rất đơn côi. Xin Chúa đến với con và làm cho con được lành lặn trở lại. Xin hãy chỉ đường dẫn lối cho con, và con sẽ đi cùng với Chúa. Lạy Chúa Giê-su, con xin Chúa... bởi lẽ con tin Chúa không chỉ yêu riêng người phụ nữ ấy, mà Chúa cũng yêu con nữa. Amen.”

*Nguyệt san CGvDT
số 279, tháng 3-2018*

*Nhiều Lộc, 25-02-1018
Sửa chữa 08-4-2019*

7. MỘT TRONG MƯỜI

Trước khi bị quân dữ đóng đinh vào thập giá trên đồi Gôn-gô-tha, trong khoảng vài năm rao giảng Tin Mừng, Đức Giê-su từng làm phép màu chữa lành một nhóm mười người cùi. Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (17:11-19) chép như sau:

Trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su đi qua biên giới giữa hai miền Sa-ma-ri-a và Ga-li-lê. Lúc Người vào một làng kia, thì có mười người phong hủi đón gặp Người. Họ dừng lại đằng xa và kêu lớn tiếng: “Lạy Thầy Giê-su, xin rủ lòng thương chúng tôi!” Thấy vậy, Đức Giê-su bảo họ: “Hãy đi trình diện với các tư tế.” Đang khi đi thì họ đã được sạch. Một người trong bọn, thấy mặt được khỏi, liền quay trở lại và lớn tiếng tôn vinh Thiên Chúa. Anh ta sấp mình dưới chân Đức Giê-su mà tạ ơn. Anh ta lại là người Sa-ma-ri. Đức Giêsu mới nói: “Không phải cả mười người đều được sạch sao? Thế thì chín người kia đâu? Sao không thấy họ trở lại tôn vinh Thiên Chúa, mà chỉ có người ngoại bang này?” Rồi Người nói với anh ta: “Đứng dậy về đi! Lòng tin của anh đã cứu chữa anh.”

Đoạn Phúc Âm dẫn trên không chép tên người phong hủi biết thành tâm tạ ơn Chúa, nhưng trong câu chuyện *Lễ Tạ Ôn Của Một Người Cùi (A Leper's Thanksgiving)*, mục sư Wilson đặt tên ông ấy là Ba-tô-lô-mê-ô.

Chúng ta biết rằng trong số sáu nhóm tông đồ (mỗi nhóm hai vị) thì Ba-tô-lô-mê-ô là vị được Chúa sai đi truyền giáo



Bệnh viện Thánh Ba-tô-lô-mê-ô.

Ảnh: Clem Rutter, Rochester, Kent, vương quốc Anh
<https://commons.wikimedia.org>

đồng hành với tông đồ Phi-líp-phê (Mát-thêu 10:3). Ngài Ba-tô-lô-mê-ô là Thánh tử đạo, tên ngài được đặt cho một bệnh viện danh tiếng chuyên chữa bệnh cho người nghèo và người phong hủi. Đó là *St. Bartholomew's Hospital*, thành lập năm 1078, tại thành phố Rochester, hạt Kent, nước Anh.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Bóng mười người đàn ông hắt lên dọc theo triền đồi thấp. Họ cất tiếng gọi người dẫn đầu một nhóm nhỏ bên dưới:

“Thầy Giê-su ơi, xin thương xót chúng tôi.”

Một trong mười người đó là Ba-tô-lô-mê-ô. Ông nghĩ: Bọn mình là lũ phung hủi rách rưới, đáng nhòem góm, hết phương cứu chữa. Hà tất ông ấy quan tâm đến bọn mình.

Từ khi căn bệnh của họ được phát hiện, những người phung hủi bị tách lìa khỏi xã hội, bị buộc sống lẻ loi trong các hang động hay túp lều xa cách thị thành. Dăm ba người may mắn còn được thân nhân để lại thức ăn, nhưng phần nhiều thì không có ai nuôi. Họ không được phép lảng vảng gần xóm làng xin ăn. Tả tơi, gầy guộc, bị phế bỏ, đó là những người cùi. Cùi hủi, thậm chí hai chữ đó cũng vang lên một âm hưởng dút khoát lạnh lùng. Mười người này sống nương tựa nhau, đào bới moi móc kiếm lấy miếng ăn tồi tàn.

“Xin thương xót chúng tôi!” Các bạn của Ba-tô-lô-mê-ô lại kêu gào.

Ba-tô-lô-mê-ô thấy Đức Giê-su đang quay về phía họ. Chúa khum khum hai bàn tay lên miệng làm loa, và cất tiếng gọi vang qua thung lũng thấp nằm giữa con đường và triền đồi nơi nhóm người phong hủi đứng. Giữa tĩnh lặng ban mai, giọng nói Đức Giê-su nghe rõ ràng và thúc bách:

“Đi đi! Hãy đến trình diện các tư tế!”

Những người cùi ngó nhau. Họ chỉ tới gặp các tư tế nếu hết bệnh phong hủi. Chỉ duy các tư tế mới có thể cấp giấy chứng nhận lành bệnh để họ được về sum hiệp với gia đình.

Khi giờ lên những tay chân hư hoại, họ hỏi: “Sao lại đi gặp các tư tế, trừ phi ta được chữa lành?” Họ lại ngóng nhìn về phía Đức Giê-su nhưng Chúa đã quay đi, đang trò chuyện với

hai môn đệ Phê-rô và Gio-an. Thế nên những người cùi bắt đầu đoạn đường hướng về các tư tế trong phố thị.

Sau đó Ba-tô-lô-mê-ô nghe một tiếng hét vang mừng rỡ lạ thường, nó lấp đầy cả thung lũng và vang dội trên những ngọn đồi: “Tôi dứt bệnh rồi! Lành lặn rồi! Hết cùi rồi! Hết rồi!” Ba-tô-lô-mê-ô cũng nhìn lại thân thể mình, và nhận ra bệnh hủi cũng đã rời khỏi ông rồi. Mấy ngón tay ông đã liền lặt. Ông sờ mũi. Cũng thế, nó trơn láng và nguyên vẹn. Mấy người khác cũng bắt đầu xác nhận: “Tôi dứt bệnh rồi! Dứt bệnh rồi!”

Ba-tô-lô-mê-ô ngoái nhìn thầy trò Đức Giê-su, kịp bắt gặp một nụ cười hóm hỉnh trên khóe miệng Chúa. Phép màu chữa bệnh không xảy ra khi những người cùi đứng yên nhìn nhau phân vân. Phép màu xảy ra khi họ bắt đầu làm theo lời Đức Giê-su. Khi họ chạy đi thì họ được chữa lành.

Đột ngột Ba-tô-lô-mê-ô vùng chạy tách ra khỏi nhóm người vừa hết bệnh cùi đang tràn trề vui sướng. Ông nhảy qua mấy lạch nước và lao nhanh về hướng thầy trò Đức Giê-su, những mảnh vải te tua trên người bay ngược phấp phới sau lưng. Ông chạy nhanh tới trước mặt Đức Giê-su và phủ phục dưới chân Chúa giữa một màn bụi mỏng.

Ông chỉ nói vồn vện “Tạ ơn Chúa” bằng cái giọng Sa-ma-ri vụn vỡ. Rồi ông cứ quỳ ngay đó thốn thức.

Bấy giờ Đức Giê-su cất tiếng, nhưng không thật sự nói riêng với Ba-tô-lô-mê-ô, mà có phần nào nói luôn với người khác, dường như là nói với cả thế gian: “Chẳng phải cả mười người đã sạch bệnh đấy sao? Chín người kia đâu? Không thấy ai trở lại mà ca tụng Thiên Chúa, trừ kẻ ngoại nhân này ư?”

Đầu óc Ba-tô-lô-mê-ô quay cuồng. Ông nghĩ tới trước khi ông mắc bệnh cùi, Thiên Chúa đã biết bao lần đáp lời ông cầu nguyện, đã ban cho gia đình ông cái ăn cái mặc, cho ông việc làm, chữa lành bệnh con gái ông. Đã có lần nào ông thật sự tạ ơn? Ông vẫn xem những ơn phước đó là lẽ tự nhiên, cứ vui sướng cùng vận may mà chưa từng chạy vội tới Đấng Ban Trao để mở miệng nói một lời tạ ơn từ tận đáy lòng.



Ba-tô-lô-mê-ô chạy nhanh tới trước mặt Đức Giê-su và phủ phục dưới chân Chúa. (Tranh nước ngoài.)

Trong khi Ba-tô-lô-mê-ô đang quỳ, bàn tay Đức Giê-su đặt lên đầu ông, ban phúc, cùng lúc ấy những rối rắm còn sót lại nơi Ba-tô-lô-mê-ô sau những năm xa lìa xã hội cũng tan biến. Đức Giê-su khóc khi vuốt ve mái đầu người đàn ông, lệ tuôn thành dòng trên đôi má chảy xuống bộ râu.

Ba-tô-lô-mê-ô ngẩng lên. Chín người bạn ông giờ đây đang trực chỉ về xóm làng có các tư tế. Quả thật, họ đã được chữa lành phần xác, nhưng quỳ dưới chân Đức Giê-su, Ba-tô-lô-

mê-ô đã nhận được ơn chữa lành trọn cả thân tâm. Khi Đức Giê-su đỡ ông đứng dậy, Chúa bảo: “Dậy mà đi đi. Đức tin của anh đã biến anh thành toàn vẹn.”

Ba-tô-lô-mê-ô ôm chầm lấy Đức Giê-su. Rồi cả hai đứng yên một lúc nhìn nhau, nụ cười gặp gỡ nụ cười. Món quà cứu chữa đã gửi cho ông sứ điệp về tình yêu của Thiên Chúa, nhưng lòng biết ơn đã mang ông về lại quê nhà.

Nguyệt san CGvDT
số 257, tháng 5-2016
(báo in muộn trong tháng 6)

Nhiều Lộc, 03-6-2016
Sửa chữa 07-4-2019

PHỤ ĐÍNH: BỆNH PHUNG TRONG PHÚC ÂM

1. Bệnh cùi (*leprosy*) được Phúc Âm nhắc tới rất nhiều lần. Bản dịch của linh mục Nguyễn Thế Thuấn (1922-1975) gọi nó là *bệnh phong* (Lê-vi 13:2). Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ gọi nó là *phong hủi* (Dân Số 5:2).

Ngày xưa, theo Paulus Huỳnh Tịnh Của (1834-1907), người Việt gọi bệnh này là *cùi, hủi, phong, phong cùi, phong hủi* (xem: *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, 1895, tome 1: tr. 202, 451; và 1896, tome 2: tr. 210).

Cũng ngày xưa, tổng đốc Đỗ Hữu Phương (1838-1914) là một nhân vật tai mắt ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Tương truyền, nhân một Tết Nguyên Đán nọ, đại gia họ Đỗ ra câu

đối, có treo giải thưởng cho ai khéo đối. Họ Đỗ thách đối:

Đất Chợ Lớn có nhà họ Đỗ, đỗ một nhà, ngũ phúc tam đa.

Vế thách đối dùng hai từ đồng âm: *Đỗ* (họ) và *đỗ* (thi đậu).

Ghét họ Đỗ quá tận tụy phục vụ thực dân Pháp cướp nước, có người gợi đến câu đối lại như sau:

Cù lao Ròng có lũ thẳng phong, phun một lũ cừu trùng bát nhả.

Vế đối lại dùng hai từ đồng âm theo giọng miền Nam: *phung* (hủi, cùi) và *phun* (như trong miệng *phun* ra). Vì sao địa danh cù lao Ròng được nhắc tới? Cù lao này (cũng gọi cồn Tân Long) nằm trên sông Tiền thuộc Mỹ Tho; năm 1903 toàn quyền Đông Dương Paul Beau ra nghị định thành lập trên cù lao Ròng một trại phung cho Nam Kỳ. Năm 1940 trại phung này dời về Tuy Hòa.

Như thế, căn cứ vào những điều dẫn trên, gọi *cùi, hủi, phong* là theo tiếng Việt; gọi *phong* là dựa theo chữ Hán, vì người Hoa gọi bệnh này là *ma phong bệnh* 麻風病. Vậy, gọi *phong hủi* là ghép Hán (*phong*) với Việt (*hủi*).

2. Kinh Thánh nói nhiều tới bệnh phung vì bệnh này là hình ảnh minh họa cho sức hủy diệt của tội lỗi.

Cựu Ước (Lê-vi 13) chép lời Đức Chúa dạy cho hai vị Mô-sê và A-ha-ron cách phân biệt giữa bệnh phung với các loại bệnh khác như: mụn, lác, đốm; ung nhọt; phỏng; chốc; mày đay; sỏi đầu. Bất kỳ ai bị nghi ngờ mắc bệnh phung đều phải đến gặp tư tế để xem xét (Lê-vi 13:2-3). Nếu bị tư tế kết luận là đã mắc bệnh phung, người bệnh buộc phải theo quy chế là: áo xống phải xé tả tơi, đầu để tóc rối che mình đến râu mép

và kêu lên: “Nhờ, nhờ!” Chùng nào còn mang bệnh phung thì người ấy còn nhờ ướ, và phải sống riêng biệt một mình. Chỗ ở phải để bên ngoài trại của những người không mắc bệnh (Lê-vi 13:45-46).

Cựu Ước (Lê-vi 14) chép lời Đức Chúa dạy cho hai vị Mô-sê và A-ha-rôn cách tẩy ướ người đã hết bệnh phung và nhà cửa bị nhờ ướ vì phung hủi.

Năm 1873 bác sĩ Hansen (1841-1912, người Na Uy) có công tìm ra trực khuẩn *leprae* (cũng gọi vi khuẩn Hansen) là nguyên nhân gây bệnh phung, nhờ đó sau này y học có phương pháp chữa trị. Nhưng thời xưa, trước khi có được cách trị bệnh phung, người ta tin rằng Trời gieo bệnh này để trừng phạt kẻ phạm tội. Bị mọi người ghê tởm, khinh miệt, và ruồng bỏ, bệnh nhân không được quyền sống gần gũi cộng đồng. Cựu Ước (Dân Số 5:2-3) chép lời Đức Chúa dạy Thánh Mô-sê:

Hãy truyền cho con cái Ít-ra-en phải đuổi ra khỏi trại mọi người phong hủi, (...). Các ngươi phải đuổi chúng, bất kể đàn ông hay đàn bà, các ngươi phải đuổi ra khỏi trại, kéo chúng làm ô ướ trại, nơi Ta cư ngụ ở giữa chúng.

Theo cổ luật Do Thái, người mắc bệnh phung phải ở cách xa người không mắc bệnh (kể cả thân thích ruột thịt) khoảng 1,8 mét; nếu có gió thổi, thì khoảng cách phải là 45 mét.⁽¹⁾ Vì vậy, người bệnh phung phải sống chung với người đồng cảnh ngộ cho tới khi chết, nếu bệnh không thuyên giảm. Đây là biện pháp ngăn ngừa bệnh phung lây lan ở Do Thái thời xưa.

⁽¹⁾ <http://www.gotquestions.org/Bible-leprosy.html>



Đức Giê-su chữa lành một người cùi (Mát-thêu 8:1-4).
Tranh vẽ trên giấy của Niels Larsen Stevns (Đan Mạch, 1864-1941)

3. Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu (8:2-4) chép thêm một phép màu khác của Đức Giê-su như sau:

Khi Đức Giê-su ở trên núi xuống, đám đông lũ lượt đi theo Ngài. Và kìa, một người bị phung hủi tới gần, bái lạy Ngài và nói: “Thưa Ngài, nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.” Ngài giơ tay chạm vào anh ta và bảo: “Tôi muốn, anh sạch đi.” Lập tức, anh ta được sạch bệnh phung hủi. Rồi Đức Giê-su bảo anh ta: “Coi chừng, chớ nói với ai cả, nhưng hãy đi trình diện tư tế và dâng của lễ, như Mô-sê đã truyền, để làm chứng cho người ta biết.”

Người bệnh phung đó được Đức Giê-su chữa lành nhờ bản

thân có đức tin vào Chúa. Phép màu Chúa ban cho anh ta cũng làm chứng cho lời Thánh tông đồ Phao-lô viết trong *Thư Gửi Tín Hữu Ê-phê-xô* (8:2):

Quả vậy, chính do ân sủng và nhờ lòng tin mà anh em được cứu độ. Đây không phải bởi sức anh em, mà là một ân huệ của Thiên Chúa...

Người bệnh phung ấy đã dám cãi luật Do Thái, đã không chịu giữ khoảng cách tối thiểu 1,8 mét, và chỉ có đức tin mãnh liệt vào Chúa mới khiến anh ta chủ động tới gần Chúa, quỳ xuống lạy, cầu xin ơn Chúa: *Thưa Ngài, nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.*

Cùng với lời cầu xin ấy đầy xác tín ấy, hành động can đảm cãi luật Do Thái của anh ta cũng làm chứng cho lời dạy này ghi trong *Thư Gửi Tín Hữu Do Thái* (4:16):

Bởi thế, ta hãy mạnh dạn tiến lại gần Ngài Thiên Chúa là nguồn ân sủng, để được xót thương và lãnh ơn trợ giúp mỗi khi cần.

4. Trong câu chuyện *Một Trong Mười* trên đây, phép màu của Đức Giê-su chữa lành cho cả nhóm mười người phung.

Chúa bảo họ “*Hãy đi trình diện với các tư tế*” là để họ được các tư tế xem xét tình trạng sạch bệnh, không còn nhớ uest nữa, như Lê-vi 13 quy định. Mười người có đức tin ấy đã vâng theo lời Chúa mà đi gặp các tư tế, và chính lúc đang đi như vậy thì họ sạch bệnh. Có lẽ khi ấy họ đi chưa mấy xa, nên một trong nhóm mười người đó bèn quay lại gặp Chúa, quỳ xuống tạ ơn.

Như dẫn trên, Thánh Lu-ca (17:11-19) chép sự kiện Chúa

làm phép màu ngắn gọn. Nhưng chúng ta hiểu rằng chín người thọ ơn Chúa mà cứ vô tâm bỏ đi, không một lời cảm ơn vẫn vỏi, thì họ vẫn cứ sạch bệnh. Phép màu không mất đi trên da thịt họ, bởi vì Chúa đã cho thì không lấy lại. Nhưng, họ chỉ mới được cứu cho phần xác. Còn người Sa-ma-ri, người duy nhất biết vội vàng chạy ngược lại tìm Chúa để thành tâm cúi lạy tạ ơn thì sao? Anh được Chúa bảo gì?

Câu Lu-ca 17:19 được linh mục Nguyễn Thế Thuận dịch: *Hãy trở dậy mà đi về; lòng tin của người đã cứu chữa người.*

Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch không mấy khác: *Đứng dậy về đi! Lòng tin của anh đã cứu chữa anh.*

Nhưng tôi lại thích câu Lu-ca 17:19 trong bản *King James* hơn: *Arise, go thy way: thy faith hath made thee whole.*

Có lẽ đã noi theo bản *King James* nên trong chuyện kể *A Leper's Thanksgiving*, mục sư Wilson viết rằng Chúa đã bảo anh chàng Sa-ma-ri là: *Rise and go. Your faith has made you whole.*

Và tôi dịch câu ấy là: *Dậy mà đi đi. Đức tin của anh đã biến anh thành toàn vẹn.*

Tôi hiểu *toàn vẹn (whole)* là cả xác lẫn hồn. Chín người kia không toàn vẹn, vì chỉ mới được cứu chữa phần xác.

Trong bản tiếng Anh của Wilson, mục sư viết: *They [chín người bệnh khác] had received physical healing, indeed, but at Jesus's feet, Bart had received a healing of his whole person.*

Wilson chỉ nói *whole (toàn vẹn)*, không nói gì tới phần hồn, nhưng tôi hiểu mục sư hàm ngụ có phần hồn trong đó, bởi lẽ về trước đã nói *physical healing (chữa lành phần xác)*.

Hiểu như vậy nên tôi dịch câu tiếng Anh dẫn trên là: (H)ò [chín người bệnh khác] đã được chữa lành phần xác, nhưng quỳ dưới chân Đức Giê-su, Ba-tô-lô-mê-ô đã nhận được ơn chữa lành trọn cả thân tâm. Nói trọn cả thân tâm thì cũng đồng nghĩa trọn cả xác lẫn hồn.

Mục sư Wilson rất thâm thúy khi kết thúc truyện ngắn lại viết câu này: *The gift of healing had sent him the message of God's love, but thanks had brought him home*.

Tôi dịch câu văn của Wilson như vầy: *Món quà cứu chữa đã gửi cho ông sứ điệp về tình yêu của Thiên Chúa, nhưng lòng biết ơn đã mang ông về lại quê nhà*.

Mặc dù *home* thường được hiểu là *nhà*, nhưng tôi chú ý dịch là quê nhà. Bởi lẽ tôi tin rằng mục sư Wilson không hề ám chỉ ngôi nhà hữu hình nào đó của Ba-tô-lô-mê-ô được dựng lên trên miền đất Sa-ma-ri-a. Tôi tin Wilson, cũng giống như những người tín hữu Cao Đài áo trắng, hiểu rằng thế gian này chỉ là đất khách, là quê người, là chỗ tạm ghé để tạm trú trong vài mươi năm của một kiếp người mỏng giòn.

Thế thì quê nhà đích thực của mỗi anh chị em chúng ta chẳng hề ở cõi ta bà thế gian, mà thật ra là ở một nơi khác, vốn dĩ được các tôn giáo xưa nay gọi bằng nhiều tên khác nhau: Thiên Đàng, Nước Trời, Thượng Giới, Cực Lạc, Niết Bàn, Tịnh Thổ, v.v... Quê nhà đó còn được các tôn giáo hữu ngã hóa (*personified*) gọi là Thiên Chúa, Chúa, Trời, Thượng Đế, Ngọc Hoàng, Phật, v.v...

Nguyệt san CGvDT
số 258, tháng 6-2016

Nhiều Lộc, 22-6-2016
Sửa chữa 07-4-2019

8. TÔI CŨNG KHÔNG LÊN ÁN CHỊ ĐÂU

Phúc Âm theo Thánh Gio-an (8:2-11) chép:

Vừa tảng sáng [từ núi Ô-liu], Người trở lại Đền Thờ. Toàn dân đến với Người. Người ngồi xuống giảng dạy họ. Lúc đó, các kinh sư và người Pha-ri-sêu dẫn đến trước mặt Đức Giê-su một phụ nữ bị bắt gặp đang ngoại tình. Họ để chị ta đứng ở giữa, rồi nói với Người: "Thưa Thầy, người đàn bà này bị bắt quả tang đang ngoại tình. Trong sách Luật, ông Mô-sê truyền cho chúng tôi phải ném đá hạng đàn bà đó. Còn Thầy, Thầy nghĩ sao?" Họ nói thế nhằm thử Người, để có bằng cứ tố cáo Người. Nhưng Đức Giê-su cúi xuống lấy ngón tay viết trên đất. Vì họ cứ hỏi mãi, nên Người ngẩng lên và bảo họ: "Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi." Rồi Người lại cúi xuống viết trên đất. Nghe vậy, họ bỏ đi hết, kể trước người sau, bắt đầu từ những người lớn tuổi. Chỉ còn lại một mình Đức Giê-su, và người phụ nữ thì đứng ở giữa. Người ngẩng lên và nói: "Này chị, họ đâu cả rồi? Không ai lên án chị sao?"

Người đàn bà đáp: "Thưa ông, không có ai cả." Đức Giê-su nói: "Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu! Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa!"

Lấy cảm hứng từ đoạn Phúc Âm dẫn trên, họa sĩ Pháp Nicolas Poussin (1594-1665) vào năm 1653 đã vẽ bức sơn dầu trên bố Đức Ki-tô Và Người Phụ Nữ Ngoại Tình (*Le Christ et la femme adultère*).



Đức Ki-tô Và Người Đàn Bà Ngoại Tình
(*Le Christ et la femme adultère*). Sơn dầu trên bố.
Nicolas Poussin (Pháp, 1594-1665) vẽ năm 1653.

Mục sư Wilson thì dựa theo Gio-an 8:2-11 mà kể câu chuyện *Tôi Cũng Không Lên Án Chị Đâu* (*Neither Do I Condemn You*) theo văn tài của ông.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Có thật điều này đang xảy ra? Gia-cóp ben-Giu-se phân vân tự hỏi. Mới phút trước đám đông còn đang ngồi trong bóng râm cổng vòm đền thờ Sa-lô-môn vào buổi sớm mai. Chỉ nghe tiếng những con bò câu gù gù và lũ trẻ lạng lẽ chơi đùa ngoài rìa đám đông ấy, ngoài ra là lời lẽ dịu dàng mà quyền uy của Đức Giê-su vang dội giữa những bức tường. Thiên hạ mê mẩn lắng nghe.

Bất thành linh một tiếng đàn bà kêu thét lên “không, không” khi tốp đàn ông ăn vận đẹp đẽ lôi chị ta sềnh sệch qua chỗ đám đông để kéo chị tới chỗ Đức Giê-su đang ngồi. Nước mắt kéo thành vệt trên mặt chị, và chị bấu chặt lấy manh áo ngủ mỏng dính ghì vào ngực, khiếp hãi và sợ sùng.

Đức Giê-su ngưng bài giảng và chờ đợi. Kẻ phát ngôn của tốp người kia là một ông Pha-ri-sêu cao tuổi, có thể đoán như vậy nếu xét theo cách y ăn vận. Y vụt vào Đức Giê-su lời thách thức: “Nè, ông!” Y rống lên để cho tất cả mọi người đều nghe: “Con đàn bà này bị bắt quả tang đang ngoại tình. Theo luật, Mô-se ra lệnh cho chúng tôi phải ném đá những con đàn bà như thế. Còn ông nói sao hử?”

Lúc này Gia-cóp đã nhận ra chị ta, và trong mấy giây đám đông đã yên lặng trở lại, ông có thể thấy chuyện gì đang xảy ra. Chị này là người ở khu Et-xin của thành Giê-ru-sa-lem, và nhiều tháng qua thiên hạ cứ xầm xì về việc chị dan díu với một lái buôn người Ai Cập. Gia-cóp thừa biết rằng, nếu như mấy ông Pha-ri-sêu này thực sự quan tâm tới việc bảo vệ luân thường đạo lý, thì lẽ ra họ đã tóm lấy chị ta nhiều tháng trước rồi. Nhưng sáng nay họ ắt hẳn đã xông vào giường ngủ của cặp tình nhân với hai người làm chứng theo luật định, và lôi chị sềnh sệch vào sân đền thờ chỉ cốt để đặt Đức Giê-su vào tình huống nan giải. Đức Giê-su nổi tiếng là đã dang rộng đôi tay đón nhận để cho phường thu thuế và gái bán phấn buôn hương lẫn kẻ tội lỗi đều được đến các buổi giảng của Chúa, nên các ông Pha-ri-sêu đang cố gài bẫy cho Chúa chống lại luật Mô-se, còn họ thì đứng lùi lại để xem Chúa lách ra khỏi cái bẫy của họ thế nào.

Chuyện này thực sự thú vị đây! Gia-cóp nghĩ thầm.

Sau lời thách thức của ông Pha-ri-sêu cao tuổi, Đức Giê-su đang ngồi trên sân đền lát đá đưa mắt nhìn vào ánh mắt long sòng sọc của y rồi nhìn xuống mặt sân đền, và Chúa bắt đầu viết lên lớp bụi phủ dày các phiến đá. Gia-cóp nghĩ có lẽ là những nét nguệch ngoạc. Các ông Pha-ri-sêu điên tiết vì Đức Giê-su chẳng trả lời, họ tản ra và xầm xì to nhỏ với nhau.

Đúng ngay lúc đó Đức Giê-su ngẩng lên nhìn ông Pha-ri-sêu lớn tuổi đang ngạo nghễ ngó xuống Chúa. Chúa bình thản nói: “Ai trong các ông không phạm tội... sao không là người đầu tiên ném đá chị ta?” Rồi Chúa cúi người xuống và lại bắt đầu viết nguệch ngoạc trên lớp bụi.

Gia-cóp há hốc miệng. Kinh ngạc! Nếu tôi sẵn sàng tuyên án kẻ khác, thì tội lỗi của chính tôi phải sao đây? Ai sẽ rủ lòng thương xót tôi?

Các ông Pha-ri-sêu tức giận. Đức Giê-su cho phép họ rồi, nhưng ai sẽ nhặt lấy hòn đá và bắt đầu thủ tục trừng phạt? Đám đông chờ xem họ. Ai dám sẵn lòng phơi bày những hành vi đời mình cho láng giềng của mình soi bói xét đoán? Ai dám cả gan giả vờ rằng mình không tội lỗi?

Từng giây từng giây trôi qua, và mau chóng thấy rõ là rốt cuộc chẳng có gì xảy ra. Những ông Pha-ri-sêu nhỏ tuổi liếc nhìn đám đàn anh chờ một ám hiệu. Chẳng có chi hết. Thế rồi ông Pha-ri-sêu lớn tuổi lên vào đám đông mà bỏ đi, cố không để ai phát hiện. Đám nhỏ tuổi hơn liền vội vã nối gót ông ta, nhưng cố không để tỏ ra là đang tháo chạy. Mọi con mắt dõi theo họ cho tới khi tiếng bước chân cuối cùng lịm tắt.

Đức Giê-su ngẩng nhìn người phụ nữ, lúc này đang đứng trước nhóm người vẫn còn ngồi đấy. Chúa nói với chị như thể chỉ có mình chị lẻ loi trong sân. Chúa hỏi dịu dàng: “Này chị, mấy kẻ buộc tội chị đâu cả rồi? Chẳng có ai lên án chị sao?”

Chị khẽ khàng: “Lạy Chúa, chẳng một ai.”

Chúa bảo: “Vậy thì tôi cũng không lên án chị đâu. Bây giờ chị có thể đi...”



Khi chị ta dợm rời đi, Chúa bảo thêm: “Nhưng chị à, chị phải bỏ cuộc sống tội lỗi của chị.”

Gia-cóp hầu như có thể thấy được chị ta hít vào thật sâu. Hy vọng ngập tràn trong đôi mắt ấy. Chị gật đầu chào Đức Giê-su, và bắt đầu bước vào cổng đền thờ với vẻ quả quyết của một phụ nữ cuối cùng đã quyết định điều phải làm, và nhất quyết phải làm bằng được cái điều ấy.

*Nguyệt san CGvDT
số 244, tháng 4-2015*

*Nhiều Lộc, 01-4-2015
Sửa chữa 07-4-2019*

9. ƠN CỨU ĐỘ CHO NGƯỜI HOÁN CẢI

Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (19:1-10) chép:

Sau khi vào Giê-ri-khô, Đức Giê-su đi ngang qua thành phố ấy. Ở đó có một người tên là Da-kêu; ông đứng đầu những người thu thuế, và là người giàu có. Ông ta tìm cách để xem cho biết Đức Giê-su là ai, nhưng không được, vì dân chúng thì đông, mà ông ta lại lùn. Ông liền chạy tới phía trước, leo lên một cây sung để xem Đức Giê-su, vì Người sắp đi qua đó. Khi Đức Giê-su tới chỗ ấy, thì Người nhìn lên và nói với ông: “Này ông Da-kêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông!” Ông vội vàng tụt xuống, và mừng rỡ đón rước Người. Thấy vậy, mọi người xầm xì với nhau: “Nhà người tội lỗi mà ông ấy cũng vào trọ!” Ông Da-kêu đứng đó thưa với Chúa rằng: “Thưa Ngài, đây phân nửa tài sản của tôi, tôi cho người nghèo; và nếu tôi đã chiếm đoạt của ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn.” Đức Giê-su mới nói về ông ta rằng: “Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham. Vì Con Người [Đức Giê-su] đến để tìm và cứu những gì đã mất.”

Theo Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (PDCGKPV), bài tường thuật này chỉ có trong sách Lu-ca, minh họa đề tài hoán cải,⁽¹⁾ một đề tài rất được Thánh tông

⁽¹⁾ **hoán cải:** *Cải hoán* 改換 là thay đổi từ xấu trở nên tốt.



Đức Giê-su nhìn lên và nói: “Này ông Da-kêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông!” (Lu-ca 19:5)

đồ Lu-ca ưa chuộng. Sự hoán cải của người thu thuế này làm nổi bật vai trò của Đức Giê-su, Người đến để tìm và cứu những gì đã mất.

Khi biết là Đức Giê-su sắp ghé nhà ông Da-kêu, đám đông xầm xì: “Nhà người tội lỗi mà ông ấy cũng vào trọ!” Nhóm PDCGKPV giải thích: *Theo quan niệm của người Do Thái, ai lui tới giao thiệp với người tội lỗi cũng bị nhiễm ứ, đáng khiển trách.*

Ông Da-kêu thưa với Chúa: “Thưa Ngài, đây phân nửa tài sản của tôi, tôi cho người nghèo; và nếu tôi đã chiếm đoạt của ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn.” Nhóm PDCGKPV giải thích: *Luật Do Thái chỉ buộc đền gấp bốn tội trộm chiên [cừu], và luật Rô-ma, tội trộm có chứng cứ. Phần ông Da-kêu, ông tự buộc mình đền gấp bốn cho tất cả những thiệt thòi ông đã gây nên: một sự rộng rãi phi thường.*

Nghe vậy, Đức Giê-su dạy: “*Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này (...).*” Nhóm PDCGKPV giải thích: *Lòng quảng đại của ông Da-kêu chứng tỏ ông đã đón nhận ơn tha thứ và cứu độ.*

Đức Giê-su nói với đám đông rằng ông Da-kêu “*cũng là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham.*” Nhóm PDCGKPV giải thích: *Không phải theo huyết thống, nhưng vì thuộc về dân riêng của Thiên Chúa. Mặc dù hành nghề thu thuế, bị coi là một nghề tội lỗi, ông Da-kêu xứng đáng là con của tổ phụ Áp-ra-ham nhờ lòng quảng đại của ông.*

Đức Chúa lại dạy: “*Vì Con Người [Đức Giê-su] đến để tìm và cứu những gì đã mất.*” Nhóm PDCGKPV giải thích: *Câu kết này nhấn mạnh đến vai trò của Đức Giê-su trong cuộc hoán cải của ông Da-kêu.*

Lấy cảm hứng từ đoạn Phúc Âm dẫn trên, mục sư Wilson kể câu chuyện *Đứng Cao Lên (Standing Tall)* theo cách riêng của ông.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

“Mình không lùn. Mình sẽ cho họ thấy.” Con người loắt choắt ấy hay tự nhủ như thế. Và qua nhiều năm ông ta đã tìm nhiều cách chứng minh điều đó, chỉ ít là cho bản thân. Chẳng hạn, ông khám phá ra rằng tiền bạc có thể giúp mình. Một gã nhà giàu lúc nào cũng có bạn bè vây quanh, dẫu cho hẳn có thấp có lùn đi nữa.

Dĩ nhiên một số người không tán thành cái cách ông Da-kêu tom góp tiền bạc. Con người lý tài loắt choắt này là một cái bánh xe răng cưa cón con nhưng không ngừng trở nên

quan trọng trong cỗ máy tài chánh to đùng vận chuyển tiền bạc từ các tỉnh xa xôi của đế quốc rót vào các tủ két của La Mã. Khởi đầu chỉ là một gã thu thuế quèn, thế rồi ông được giao cho một “lãnh địa” để hàng năm bắt buộc phải moi ra được một số tiền nộp thuế cụ thể. Và ông ta phải cực khổ hành nghề bởi lẽ nhà nông và dân chài dễ gì chịu chia lia đồng tiền dính liền khúc ruột của họ.

Con người loắt choắt ấy thường phải giữ đủ trò nài ép, dọa nạt, phỉnh phờ người đóng thuế. Ông ta thường hét một số tiền cao ngất rồi chỉ giảm bớt chút ít khi nhìn thấy ánh mắt sợ sệt hoặc căm giận của họ. Vâng, ông phải cực khổ hành nghề. Nhưng cái hay của chế độ này là sau khi nộp ngân sách đủ số tiền thuế theo chỉ tiêu phân bổ, chỗ thừa lại là tiền của ông, bất kể bao nhiêu.

Quyền lực cũng hữu ích nữa. Sự đe dọa bị lính La Mã xông vào tiệm tịch thu hết trội kho hàng đã khiến các nhà buôn chịu thua, không dám tranh cãi. Và mấy năm trước ông Da-kêu được lên chức. Làm sếp sở thuế trong huyện, giờ đây ông có nhiều nhân viên dưới tay. Những kẻ đó chấm dứt tiền nộp thuế của dân chúng còn ông thì xà xẻo tiền của đám thuộc cấp, và phần còn lại – luôn luôn đúng boong chỉ tiêu phân bổ – sẽ chuyển tới quan tổng trấn La Mã, rồi từ đó dòng tiền sẽ chảy về tận Rô-ma. Người đàn ông thấp bé này được quyền lực nâng cao lên.

Dĩ nhiên quyền lực có cái giá của nó. “*Quân phản bội như nhuốc bọ đỡ La Mã.*” Bá tánh thường xầm xì như thế khi thấy ông lon ton đi qua các đường phố nhỏ hẹp của Giê-ri-khô. Rau hư quả thối thường rơi lộp độp lên áo quần ông lúc ông rẽ vào một ô cửa. Cách nay đã lâu, đền thờ chánh thức cấm

cửa ông. Người tự trọng chẳng ai bước tới cửa nhà ông.

Tuy nhiên tiền bạc và quyền lực quả thật mua được những bữa tiệc tùng linh đình. Một số thực khách của ông cũng là những kẻ “tội lỗi” khác trong vùng. Ông thường tự nhủ: “Người là một tay quyền thế mà bá tánh phải kể đến, là một kẻ tai to mặt lớn trong thành phố này.”

Lạ lùng thay một kẻ tai to mặt lớn như ông Da-kêu lại háo hức khi nghe tin Đức Giê-su đang đi tới Giê-ri-khô trong buổi chiều hè bụi bặm này. Mặc kệ mớ sổ sách chưa rà soát và đồng tiền nong chờ kiểm đếm, ông phải nhìn thấy Đức Giê-su, vị rao giảng mà bước chân rày đây mai đó đã làm khắp dải đất Pa-lét-tin rung chuyển.

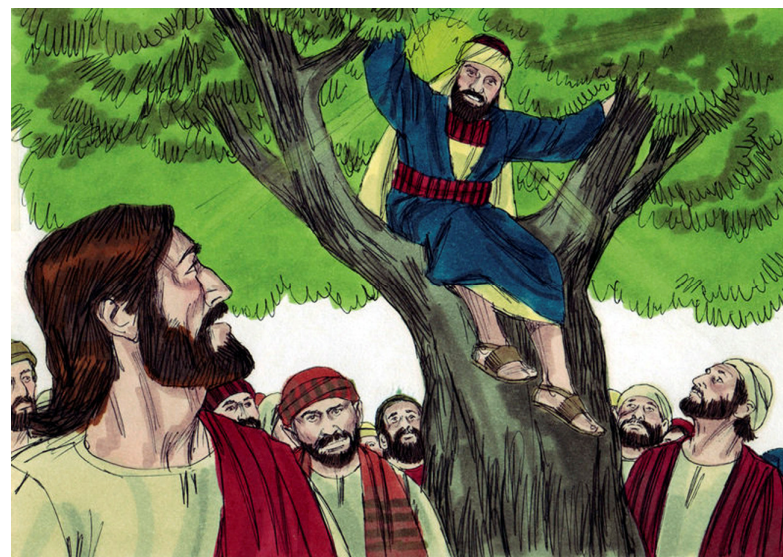
Dân chúng chạy vụt qua mặt ông để ra tới bên ngoài thành phố nghênh đón Thầy Giê-su. Lợi dụng cơ hội này ông Da-kêu leo lên một cây sung tàn lá sum suê che mát con phố chánh. Hai vai ông ê ẩm khi ông kéo tấm thân lên một nhánh cây, nhưng ông chẳng để ý. Giờ đây ông có thể thấy được Đức Giê-su ở phía cuối đường, với hàng trăm thị dân nối gót theo sau. Đoàn người lại gần hơn, đẩy lên những đám bụi.

Lúc ông Da-kêu có thể nhìn rõ được đám đông thì Thầy Giê-su dừng chân đứng yên trên đường. Ông Da-kêu cười thầm khi thấy những người không chú ý nên chạy đâm sầm vào những người ở phía sau Đức Giê-su. Thế rồi tất cả đứng lại. Có lẽ mình sẽ được nghe Thầy ấy giảng đạo, người đàn ông nhỏ bé nghĩ vậy.

Bấy giờ Đức Giê-su ngẩng lên nhìn cho tới khi bắt gặp ánh mắt ông Da-kêu. Và mọi người trong đám đông cũng ngược mắt ngó lên. Đức Giê-su nở nụ cười cách đặc biệt, không phải

là cợt đùa, và có thể nghe rõ giọng Người trầm ấm trong lúc đám đông thình lạng như tờ.

Người cất tiếng: “Này ông Da-kêu.” Tay thu thuế nghĩ: Sao Người lại biết tên mình? Toàn thân ông ta đỏ ửng: Sao Người lại biết tên mình?



Thầy Giê-su lại gọi: “Này ông Da-kêu, xuống mau đi. Hôm nay tôi phải ở lại nhà ông!”

Ông Da-kêu suýt rớt té khỏi nhánh cây. Nhà ông ư? Dĩ nhiên rồi! Nhà ông hẳn gây được ấn tượng với Đức Giê-su. Nhưng rồi lòng dạ con người thấp bé ấy rồi beng lên. Đức Giê-su là một vị thánh, còn ông là kẻ tội lỗi. Đức Giê-su làm sao có thể tới nhà ông được! Người chẳng biết thế ư?

Thầy Giê-su biết chứ. “Ông này sắp ghé nhà kẻ tội lỗi.” Thầy có thể nghe ai đó lầm bầm như thế trong đám đông nhưng Thầy chỉ mỉm cười lần nữa, và ra dấu gọi kẻ ngồi trên nhánh cây leo xuống. Ông Da-kêu nói thầm: Đức Giê-su muốn nói chuyện với mình. Thầy biết tên mình. Thiên hạ nói gì cũng mặc, Thầy quan tâm tới mình.

Lúc ông Da-kêu xuống tới mặt đất, dòng lệ sướng vui bắt đầu tuôn trên đôi má. Đám đông đã dạt ra một tí, và ông phóng mình vào nơi Đức Giê-su đứng, phủ phục dưới chân Chúa. Ông cảm thấy một bàn tay ấm áp đặt lên vai và rồi một cánh tay đỡ ông đứng dậy. Ông nghĩ rằng ông thấy được trong mắt Đức Giê-su cũng đọng ngần lệ.

Ông đứng lên, bắt đầu nói: “Thưa Chúa, giờ đây con đem tặng người nghèo phân nửa tài sản của con.” Lời ấy cứ thế mà tuôn ra khỏi miệng. Thiên hạ há hốc mồm không tin được; là cái lão Da-kêu rít róng đấy sao? Nhưng ông Da-kêu chưa nói hết: “Và nếu con đã lừa đảo chiếm đoạt bất kỳ thứ gì của bất kỳ một ai, thì con sẽ hoàn trả gấp bốn lần.”

Một ông đứng đủ gần để thấy hết mọi chuyện nói khê: “Ông ta có ý đó, ông ta sẽ làm thế.”

Đám đông bắt đầu xì xào khi những lời ông Da-kêu thưa với Đức Chúa được truyền từ người bên trong lan ra tới rìa bên ngoài. Hiếm ai nghe được lời Đức Giê-su khi Người ôm lấy gã đàn ông loắt choắt và hoan hỷ nói: “Hôm nay ơn cứu độ đã đến nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham.”

Nghe những lời này ông Da-kêu tự thấy mình cao vọt lên hết mức và tươi cười rạng rỡ. Con cháu tổ phụ Áp-ra-ham!

Chính Thầy Giê-su nói thế. Ta là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham.

Đức Giê-su đưa mắt nhìn khắp đám đông đang ngỡ ngác, và bằng uy lực thuyết phục, Người nói với họ như thể chất lọc mục đích trọn cả cuộc đời của Người trong vòn vẹn một câu: “Con Người ⁽²⁾ đến để tìm và cứu những gì đã mất.”

Đôi mắt nhìn theo ông Da-kêu nửa như bước đi nửa như nhảy múa bên cạnh Đức Giê-su trên con đường dẫn về nhà tay thu thuế, một môn đệ thốt: “Tôi xin thề, xin thề rằng ông ta rốt cuộc trông chẳng còn loắt choắt, nhăm nhúm nữa.” Lấy tay gãi gãi vào chòm râu, môn đệ ấy nói tiếp: “Chả hiểu sao trông ông ta như cao lớn hơn.”

Và nói thật nhé, ông Da-kêu cảm thấy mình cao vọt lên hẳn.

*Tuần san CGvDT
số 2209, từ 07 đến 13-6-2019*

Nhiều Lộc, 28-5-2019

⁽²⁾ **Con Người** (*Son of Man*) là thuật ngữ Kinh Thánh, chỉ Đức Giê-su Ki-tô vừa mang nhân tính (*humanity*) vừa mang thần tính (*divinity*). Trong Phúc Âm, nhiều lần Đức Giê-su tự xưng là *Con Người*, với nghĩa là “Tôi”. Chẳng hạn:

- Ở dưới đất này, *Con Người* có quyền tha tội. (Lu-ca 5:24)

- *Con Người* phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại. (Mác-cô 8:31)

- Từ nay, các ông sẽ thấy *Con Người* ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến. (Mát-thêu 25:64)

10. KẺ CƯỚP ĐƯỢC VÀO THIÊN ĐÀNG

Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (23:33) chép rằng Đức Giê-su bị quân dữ đóng đinh trên Đồi Sọ (Gôn-gô-tha), cùng lúc với hai tên gian phi, một tên bên phải, một tên bên trái.

Một trong hai tên gian phi thấy quân dữ xúm lại nhục mạ Chúa đủ điều thì cũng hòa theo, biếm nhẽ Chúa. Tên kia bất bình, mắng nó:

“Mày đang chịu chung một hình phạt, vậy mà cả Thiên Chúa, mày cũng không biết sợ! Chúng ta chịu như thế này là đích đáng, vì xứng với việc đã làm. Chứ ông này đâu có làm điều gì trái!”

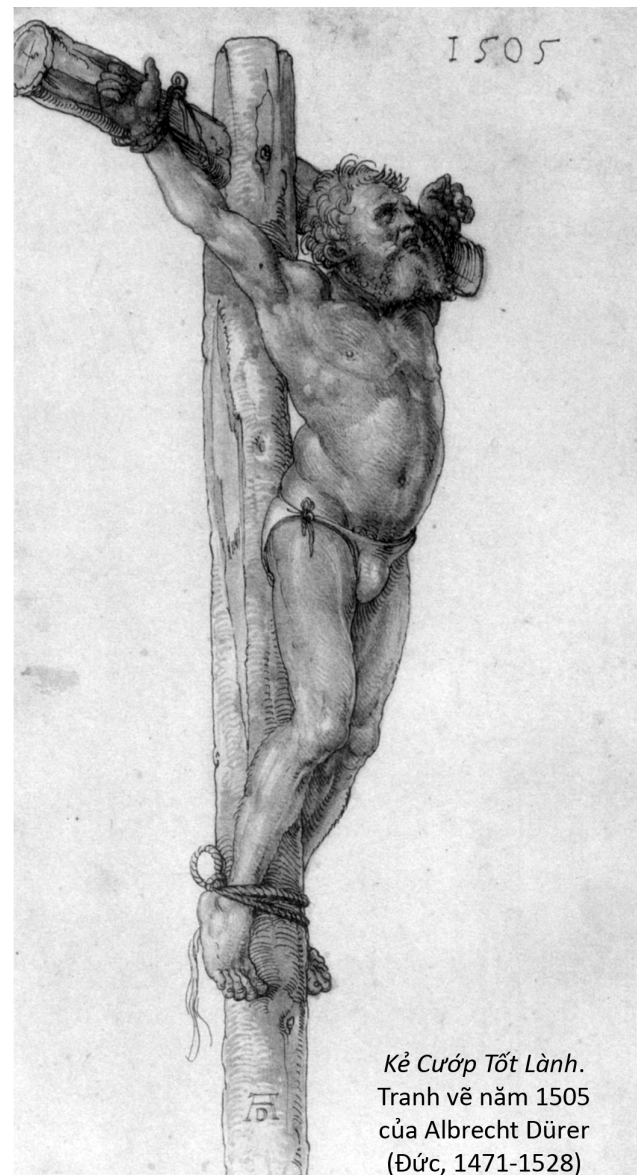
Rồi anh ta quay sang thưa với Chúa:

“Ông Giê-su ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi!”

Lúc ấy, Đức Giê-su trả lời:

“Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.”

Lấy cảm hứng từ đoạn Phúc Âm dẫn trên (Lu-ca 23:39-43), họa sĩ Đức Albrecht Dürer (1471-1528) vào năm 1505 đã miêu tả tỉ mỉ tướng mạo kẻ cướp thứ hai trên thập giá qua bức vẽ *Kẻ Cướp Tốt Lành*. Hơn ba thế kỷ sau, vào năm 1896, họa sĩ Pháp James J. Tissot (1836-1902) vẽ bức tranh *Linh Hồn Kẻ Cướp Sám Hối Lên Thiên Đàng*.



Kẻ Cướp Tốt Lành.
Tranh vẽ năm 1505
của Albrecht Dürer
(Đức, 1471-1528)



Linh Hồn Kẻ Cướp Sám Hối Lên Thiên Đàng.
Tranh vẽ năm 1896 của James J. Tissot (Pháp, 1836-1902).

Mục sư Wilson đã tái tạo sự kiện lịch sử trên Đồi Sọ thành câu chuyện *Kẻ Cướp Trên Thập Giá Khác: Độc Thoại Ngày Thứ Sáu Tuần Thánh* (*The Thief on the Other Cross: A Good Friday Monologue*).⁽¹⁾

Trong chuyện kể, Wilson chẳng những đặt tên cho kẻ gian phi thứ nhất là Giéch, mà còn bảo rằng kẻ thứ hai trước kia đã từng gặp Đức Giê-su ở Giê-ri-khô trong bữa tiệc tại nhà ông Da-kêu là người giàu có và đứng đầu các nhân viên thu thuế (Lu-ca 19:1-6).

Phúc Âm không nói rõ kẻ gian ấy đã phạm những tội gì, nhưng Wilson phỏng theo dụ ngôn người Sa-ma-ri tốt lành (Lu-ca 10:30) mà kể rằng kẻ ấy vốn dĩ là quân cướp đường tàn bạo, cứ rình mò cơ hội tấn công những lữ khách đơn chiếc đi từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-khô. Chẳng những lột sạch họ, y còn đánh họ như tử, rồi bỏ đi, để mặc nạn nhân dở sống dở chết.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Tôi không thuộc về nơi này. Thật sự là không. Thiên Đàng là chốn sau cùng tôi mong được về, sau tất cả những gì tôi đã gây tạo trong đời. Để tôi kể bạn nghe chuyện của tôi.

Tôi là, à không, tôi đã là kẻ cướp có vũ trang. Tôi và Giéch cùng mấy tên khác nữa thường trú ẩn trong các hang động của vùng núi đồi Giu-đê, gần con đường nối liền Giê-ru-sa-

⁽¹⁾ **Thứ Sáu Tuần Thánh:** Cũng gọi *Thứ Sáu Tốt Lành* (*Good Friday*), tức là Thứ Sáu trước lễ Phục Sinh, kỷ niệm sự kiện Chúa bị đóng đinh vào thập giá và hy sinh trên Đồi Sọ.

lem và Giê-ri-khô. Chúng tôi kiếm ăn bằng bạo lực. Chúng tôi thường không tấn công những nhóm đông người. Họ đi thành đoàn để được an toàn. Nhưng một gia đình lẻ loi thường dễ xơi ngon, cũng như bất kỳ kẻ lữ hành nào ngu dại một mình đơn độc.

Hươu hươu một khúc cây to khỏe thường đạt được kết quả mong muốn. Cứ dọa đánh đập thì họ sẽ đầu hàng, khỏi cần phải xuống tay. Nhưng trong đời tôi đã từng nện vài kẻ gãy xương. Xin Thiên Chúa xá tội cho tôi. Tôi không nghĩ rằng mình đã thực sự giết ai chết, nhưng tôi chưa hề lảng tránh ở hiện trường đủ lâu để kiểm chứng điều đó.

Lần đầu tiên tôi gặp ông Giê-su là hôm tôi được mời dự bữa tiệc đón mừng ông tại Giê-ri-khô trong nhà một người thu thuế giàu sụ tên là Da-kêu. Tôi được giới thiệu, chúng tôi bắt tay nhau, và ông Giê-su nhìn vào mắt tôi một lúc lâu. Ông có thể nhìn thấu suốt con người tôi, biết tôi là ai, thấy mọi tội ác tôi từng gây ra. Thế rồi ông nở rộng nụ cười thân thiện. Ông bảo: “Anh biết đấy, có sự tha thứ dành cho anh trong Nước của tôi. Ý anh thế nào nhỉ?”

Tôi sụp mắt xuống, nói gì đó không phải là lời hứa hẹn, và lĩnh đi chỗ khác. Hôm sau tôi ở trong đám đông, nuốt lấy từng lời ông giảng. Ông Giê-su nói về Nước của ông, ví nó với một hạt cải,⁽²⁾ gọi đó là Nước Trời. Sau khi ông giảng xong, tôi rất muốn tới gặp ông để nói là tôi chấp nhận sự tha thứ

⁽²⁾ Nước Trời cũng giống như chuyện hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. Tuy nó là loại nhỏ nhất trong tất cả các hạt giống, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ lớn nhất; nó trở thành cây, đến nỗi chim trời tới làm tổ trên cành được. (Mát-thêu 13:31-32)

dành cho tôi trong Nước Trời. Nhưng tôi không thể nào nhích chân bước tới.

Tôi ước gì mình đã tới gặp ông hôm ấy. Không lâu sau đó tôi và thằng Giéch bạn tôi (cái gã trên thập giá thứ ba) bị đội tuần tra La Mã bắt gặp. Mấy tên khác chạy mất dạng, riêng hai đứa tôi bị tóm cổ, bị đánh nhừ tử, bị lôi xềnh xệch về Giê-ru-sa-lem, và bị quẳng vào ngục. Chẳng ai thêm thương xót những kẻ như bọn tôi.



Rất đổi tình cờ là cùng ngày đó họ đóng đinh ông Giê-su. Họ cũng đóng đinh tôi và Giéch, đứa bên trái ông, đứa bên phải. Đây chẳng phải là bất kỳ một vụ đóng đinh bình thường nào. Những đám người tụ tập đông nghẹt ở đó chỉ vì ông Giê-su. Những kẻ Pha-ri-sêu tự xưng là công chính đang vênh vênh vào vào và buông lời biếm nhẽ. Một tên giễu cợt: “Nếu

ông là Đấng mê-si-a gì đó, thì hãy bước xuống khỏi thập giá xem sao. Nếu ông là Đấng cứu thế, thì hãy tự cứu mình đi. Thách ông đó!”

Giêch cũng bắt đầu nhạo báng. Tôi quát nó: “Quân côn đồ khốn kiếp! Mà chẳng sợ Thiên Chúa chút nào sao? Mà không thấy là tội mình sắp chết giống hệt như ông ấy sao? Hãy tỏ chút lòng kính trọng đi! Tội mình chịu chết cũng đáng đời thôi, còn ông ấy nào có làm gì sai trái đâu.”

Giêch im mồm và bọn người Pha-ri-sêu mất hết hứng thú. Nhưng tôi không sao xua Giê-ri-khô ra khỏi tâm trí mình. Tôi không thể quên ánh mắt ông Giê-su, lời ông nói, việc ông mời gọi. Thế là tôi gọi vói sang ông, dẫu rằng đang khó thở và nói chuyện thì càng khiến khó thở hơn.

“Giê-su!” Tôi lên tiếng. Ông quay đầu sang phía tôi. “Giê-su, tôi đã ở đó, tại Giê-ri-khô. Tôi đã gặp ông tại bữa tiệc ở nhà ông Da-kêu. Ông nhớ chứ?”

Ông nhìn tôi một lúc và rồi khẽ gật đầu. Ông ấy nhớ rồi.

“Tôi chưa bao giờ quên điều ông bảo. Tôi muốn nói vâng lời ông, nhưng chẳng thể mở miệng. Và bây giờ xin hãy nhìn tôi, hãy nhìn chúng ta!”

Với một hình hài thật tẻ hại, ông kiệt lực trong nỗi đớn đau dày ả, tẩm lưng rỉ máu, hơi thở nặng nhọc. Ông chẳng còn trụ được bao lâu nữa. Tôi có thể thấy như thế. Nhưng chẳng hiểu sao tôi lại có thể nhìn thấy vượt quá tất cả những hình ảnh bề ngoài đó. Ông đã là Đấng Mê-si-a, vẫn đang là Đấng Mê-si-a, bất kể những gì đám thầy tu kia, bọn La Mã ấy và những kẻ Pha-ri-sêu nọ đã xuống tay hãm hại ông. Và khi

chết, ông sẽ ở cùng Thiên Chúa. Trong vài giờ nữa, có thể sớm hơn, ông sẽ được minh chứng. Ông sẽ ngự trị ở Nước Trời, là cái cõi ông đã nói cho chúng ta biết.

“Giê-su!” Tôi lại gọi nữa, lần này khê khàng hơn.

Ông mở mắt ra. Vẫn y hệt đôi mắt ấy, vẫn đôi mắt nhìn thấu tâm can kẻ khác, thương yêu, trung thực.

Tôi nói: “Giê-su, khi ông vào tới Nước của ông, ông sẽ nhớ tôi chứ?”

Lời ông nghe nhọc nhằn, đôi môi ông khát khô nứt nẻ, nhưng tôi vẫn có thể nghe được tiếng ông khá rõ. “Quả thật, tôi nói với anh...” Giọng ông rời rạc, rồi thì rõ ràng hơn được một lúc. “Quả thật, đúng ngày hôm nay anh sẽ ở cùng tôi trên Thiên Đàng.”

Đôi mắt ông sụp xuống. Lúc này ông như ngọn đèn dầu đang chóng vánh tàn lụi. Nhưng tôi tin ông. *Tôi vững tin ông.* Đó là điều chiếm lĩnh tâm trí tôi suốt mấy giờ liền trước khi bị đánh gãy hai chân cho chết đi. *Tôi vững tin ông.*

Và rồi tôi thấy mình ở đây, trên Thiên Đàng. Tôi chắc chắn rằng tôi nào xứng đáng để được ở đây, nhưng bất kể gì đi nữa, tôi đang ở đây. Tôi đoán đó là điều một kẻ như tôi thọ nhận khi chính Đức Vua ân xá. Ơn toàn xá. Kinh ngạc lắm, bạn chẳng nghĩ thế ư?

*Nguyệt san CGvDT
số 292, tháng 4-2019*

*Nhiều Lộc, 31-3-2019
Sửa chữa 08-4-2019*

11. CHUYỆN NGƯỜI LÍNH CANH MỘ

Khi kể về việc bọn lính La Mã thi hành lệnh đóng đinh Đức Giê-su trên Đồi Sọ và sau đó canh gác mộ Chúa vì sợ xác Người bị lấy trộm, Phúc Âm theo Thánh Gio-an không nhắc gì tới nhân vật đại đội trưởng ⁽¹⁾ chỉ huy bọn lính ấy.

Thánh Mát-thêu và Thánh Lu-ca chỉ nhắc tới ông ta một lần, mà không nói rõ tên gì:

Thấy động đất và các sự việc xảy ra, viên đại đội trưởng và những người cùng ông canh giữ Đức Giê-su đều rất đỗi sợ hãi và nói: “Quả thật ông này là Con Thiên Chúa.” (Mát-thêu 27:54)

Thấy sự việc xảy ra như thế, viên đại đội trưởng cất tiếng tôn vinh Thiên Chúa rằng: “Người này đích thực là người công chính!” (Lu-ca 23:47)

Thánh Mác-cô nhắc tới ông ta hai lần, nhưng cũng không nói rõ tên gì:

Viên đại đội trưởng đứng đối diện với Đức Giê-su, thấy Người tắt thở như vậy liền nói: “Quả thật, người này là Con Thiên Chúa.” (...) Nghe nói Người đã chết, ông Phi-la-tô lấy làm ngạc nhiên, và cho đòi viên đại đội trưởng đến, hỏi xem

⁽¹⁾ **đại đội trưởng** (*centurion*): Chỉ huy một đại đội (*century*) với khoảng một trăm lính La Mã.

Người đã chết lâu chưa. (Mác-cô 15:39, 44)

Mục sư Wilson với văn tài của mình đã hư cấu nên đại đội trưởng Cát-xi-ô trong *Chuyện Người Lính Canh Mộ* (*A Soldier's View of the Tomb*).

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Cát-xi-ô đứng nghiêm như pho tượng trước mặt viên sĩ quan chỉ huy quân đội thành Giê-ru-sa-lem. Viên sĩ quan quát: “Đại đội trưởng, giải trình đi! Một trong những toán lính của anh được giao canh giữ một ngôi mộ, một người chết. Việc đó có gì mà khó khăn thế hử? Bây giờ thì ta đang nghe đồn rùm lên rằng cái xác biến mất. Hãy nói với ta rằng tất cả chuyện này là một sai lầm!”

“Thưa ngài, tôi có thể thẳng thắn được không, một người lính già nói với một người lính?” Đại đội trưởng hỏi. Hai người đã biết nhau một thời gian dài, dù quan bảo hộ thuộc giai cấp kỵ binh trung lưu giàu có,⁽²⁾ còn anh chỉ là hạng dân quèn.

“Mời anh, Cát-xi-ô.” Quan bảo hộ có phần dịu giọng hơn, và ra dấu cho đại đội trưởng ngồi xuống.

“Tôi phải cầu xin ngài tha tội.” Cát-xi-ô bắt đầu. “Chuyện này quả thật khởi sự từ tuần trước.”

“Cứ thông thả.” Quan bảo hộ nói, hơi bốt gay gắt.

⁽²⁾ **quan bảo hộ**: *tribune*.

giai cấp kỵ binh trung lưu giàu có: *equestrian class*.

“Suốt từ lúc ông Giê-su này bắt đầu rao giảng quanh thành Giê-ru-sa-lem cho đến nay, chúng ta nghĩ ông ấy có lẽ là loại người nào đó có xu hướng nổi loạn, sách động quần chúng bằng câu chuyện ông ta kể về Nước Trời. Nhưng, thưa ngài, tôi đã tới nghe ông ta giảng. Ông ta không phải là mối đe dọa. Hàng ngàn người thường ngồi say mê chăm chú trong khi ông ta nói về Cha ông ấy, về yêu thương người lân cận, về tha thứ tội lỗi quá khứ, và bắt đầu một đời sống mới. Thưa ngài, ông ta nói thật lời cuốn, làm cho ngài cảm thấy như thể ông ta sẵn sóc riêng ngài, mà ông ta thật sự là vậy đó.”

Quan bảo hộ thì cầm lên bàn tay: “Kể tiếp đi.”

“Lần kể tiếp tôi nhìn thấy ông ta khi chúng tôi được lệnh đứng gác bên ngoài dinh tổng trấn. Đám đông đang trở nên đáng sợ. Ngài Phong-xi-ô Phi-la-tô đang ngồi đó trên ghế xét xử còn ông Giê-su thì đứng trước mặt quan tổng trấn. Thưa ngài, ông ta đã bị đối xử có phần thô bạo.”

“Đại đội trưởng, anh mong đợi gì đây?”

Cát-xi-ô nói tiếp: “Cuối cùng ngài Phi-la-tô ra dấu cho mọi người im lặng. Ngài ấy nói lớn: ‘Ta không thấy người này có tội gì.’ Rồi ngài ấy cố trả tự do cho ông Giê-su. Ngài yêu cầu họ chọn lựa giữa tên sát nhân Ba-ra-ba và ông Giê-su.”

“Và giờ đây tên tội phạm Ba-ra-ba đang nhớn nhोर ngoài kia.” Quan bảo hộ nói.

“Những người Do Thái trong Thượng Hội Đồng⁽³⁾ hò hét: ‘Đóng đinh hắn! Đóng đinh hắn!’ Đám đông kêu gào. Thưa ngài, tình hình thật nguy hiểm. Lúc ấy ngài Phi-la-tô sai mang

⁽³⁾ **Thượng Hội Đồng:** *Sanhedrin*.

tới thau nước và bắt đầu rửa hai bàn tay nhỏ bé trong sạch của mình...”⁽⁴⁾

“Đại đội trưởng, ta không cho phép anh bắt kính.” Quan bảo hộ cao giọng.

“Vâng, thưa ngài, nhưng ngài biết ông Giê-su vô tội, trong sạch. Ông ấy chỉ làm mích lòng một số thầy tu quyền thế. Nhưng khi ngài Phi-la-tô nhìn thấy hướng gió thì cũng xoay chiều. Tôi nghĩ rằng Rô-ma vốn dĩ là luật pháp và công bằng, chẳng phải là thủ đoạn.”

Quan bảo hộ cắt ngang: “Cai trị đôi khi là việc dơ bẩn, đại đội trưởng à.”

“Thưa ngài, nghề lính tráng cũng vậy thôi. Theo lệnh ngài, một trong mấy thằng lính của tôi được chọn để đánh đập người đàn ông kia.”

“Ồ, bọn chúng rất khoái chuyện đó.” Quan bảo hộ nói. “Tên lính cao lớn ấy... là Pu-li-ô, phải không nào? Theo ta nhớ thì hấn vung roi như thẳng diên. Những mấu sắt gắn trên roi xé rách lưng ông ta cho tới khi da toác từng miếng tả tơi và máu tha hồ tuôn đổ.”

Cát-xi-ô bình luận: “Trong nghề lính tráng hiếm khi tôi thấy ón vì máu me, nhưng nhìn một người vô tội bị hành hạ ác độc đến thế...”

⁽⁴⁾ *Nhưng các thượng tế và kỳ mục lại xúi đám đông đòi tha tên Ba-ra-ba mà giết Đức Giê-su. (...) Tổng trấn Phi-la-tô thấy đã chẳng được ích gì mà còn thêm náo động, nên lấy nước rửa tay trước mặt đám đông mà nói: “Ta vô can trong vụ đổ máu người này. Mặc các người liệu lấy!” (Mát-thêu 23:20, 24)*

“Ta chẳng nhớ là anh có ngăn cản bọn lính hay không khi chúng choàng cho ông ta tấm áo choàng đỏ thắm, bắt ông ta đội mũ gai và cầm cây sậy làm vương trượng.⁽⁵⁾Ồ, bọn chúng vui thật.”

Cát-xi-ô đáp: “Trong đời tôi đã đóng đinh hàng trăm người lên thập giá, nhưng người đàn ông này lại khác hẳn. Ông ta chẳng ngần ngại, không rên rỉ. Ông ta dờ sống dờ chết vì đòn roi thẳng Pu-li-ô đánh đập, và đã gục ngã trên đường đi lên đồi Gôn-gô-tha.”

“Gục ngã ư?”

“Ông ta kiệt sức đâu vác nổi thập giá, thế nên chúng tôi bắt một người Ky-rê-nê vác thay.⁽⁶⁾ Sau đó chúng tôi đóng đinh ông Giê-su.”

“Tất cả đều chết một kiểu.”

“Ông ta chết không giống họ đâu.” Cát-xi-ô đáp. “Chúng tôi đóng đinh ông ta vào thanh ngang thập giá và kéo thẳng thập giá lên. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được lời ông ta cầu nguyện: ‘Xin Cha tha thứ cho họ, vì họ không biết việc họ đang làm.’⁽⁷⁾ Thưa ngài, tôi chịu trách nhiệm phải giết chết ông ta, mà ông ta lại tha thứ cho tôi.”

⁽⁵⁾ Chúng lột áo Người ra, khoác cho Người một tấm áo choàng đỏ, rồi kết một vòng gai làm vương miện đặt lên đầu Người, và trao vào tay một cây sậy. (Mát-thêu 23:28, 29)

⁽⁶⁾ Khi điệu Đức Giê-su đi, họ bắt một người từ miền quê lên, tên là Si-môn, gốc Ky-rê-nê, đặt thập giá lên vai cho ông vác theo sau Đức Giê-su. (Lu-ca 23:26)

⁽⁷⁾ Bấy giờ Đức Giê-su cầu nguyện rằng: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm.” (Lu-ca 23:34)

“Cát-xi-ô, anh đâu phải là lính mới vô nghề để phải khổ sở vì lương tâm cắn rứt?”

“Thế rồi tên trộm bị đóng đinh bên cạnh ông ta van xin khi nào ông Giê-su vào đến vương quốc của mình thì hãy nhớ tới hẳn.”⁽⁸⁾

“Vương quốc của Giê-su à!” Quan bảo hộ cười giễu cợt.

“Nhưng ngài hãy nghe ông ấy đáp: ‘Hôm nay anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.’⁽⁹⁾ Lạ lùng thay! Thưa quan bảo hộ, khoảng giờ Ngọ, bầu trời tối sầm lại. Ai cũng thấy thế, và cảm thấy ớn lạnh khi ông ta kêu lớn: ‘Chúa của con, Chúa của con, sao lại bỏ mặc con?’ Giọng ông ấy nghe như người cô đơn nhất trên thế gian này, đang lơ lửng trong bóng tối. Ông ấy không nói một lời nào cho tới ba giờ chiều thì kêu lớn lên, như thể chiến thắng: ‘Vậy là xong.’ Và, nếu ngài lại gần lóng tai, ngài có thể nghe ông ấy thì thầm: ‘Con xin phó thác hồn con trong tay Cha.’

“Đúng lúc ấy mặt đất rung chuyển.” Cát-xi-ô kể tiếp. “Tôi ngã xuống đất. Rồi bóng tối bắt đầu tan đi. Thưa quan bảo hộ, tôi nói với ngài rằng chúng ta không đóng đinh một người bình thường đâu, ông ấy là Con Thiên Chúa.”⁽¹⁰⁾

“Vì vài ba sự ngẫu nhiên trùng hợp dị kỳ mà anh bằng lòng

⁽⁸⁾ Rồi anh ta thưa với Đức Giê-su: “Ông Giê-su ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi!” (Lu-ca 23:42)

⁽⁹⁾ Và Người nói với anh ta: “Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.” (Lu-ca 23:43)

⁽¹⁰⁾ Thấy sự việc xảy ra như thế, viên đại đội trưởng cất tiếng tôn vinh Thiên Chúa rằng: “Người này đích thực là người công chính!” (Lu-ca 23:47)

tuyên bố ông ta là thần thánh ư? Ông ta chết như bất cứ ai thôi.”

“Thưa quan bảo hộ, không đúng đâu.”

“Không đúng à?”

“Các thượng tế và những người Pha-ri-sêu nặng nặc đòi ngài Phi-la-tô cho canh giữ mộ ông Giê-su để môn đồ ông ta không trộm lấy xác.”⁽¹¹⁾

“Ta biết. Ta đã ra lệnh đó.”

“Chúng tôi cắt ba người lính gác suốt ngày đêm không gián đoạn, cứ tám giờ đổi phiên một lần theo quy định. Tôi niêm phong mộ trước khi họ bắt đầu gác. Đảm bảo an toàn.”

“Vậy thì lời đồn cái xác biến mất là sao?”

“Thưa ngài, nó biến mất rồi.”

“Ta sẽ cho lột da anh, đại đội trưởng!” Quan bảo hộ quát ầm lên và đứng bật dậy.

Cát-xi-ô cũng đứng lên, nhưng tiếp tục nói: “Thưa ngài, khoảng bảy giờ sáng Chúa Nhật, ba người lính gác chạy nháo nhào vào doanh trại như thể gặp ma. Họ hét ầm lên: ‘Đại đội trưởng! Đại đội trưởng! Ông ấy còn sống!’ Tôi chờ họ trấn tĩnh lại và bắt họ kể lại tỉ mỉ đầu đuôi.

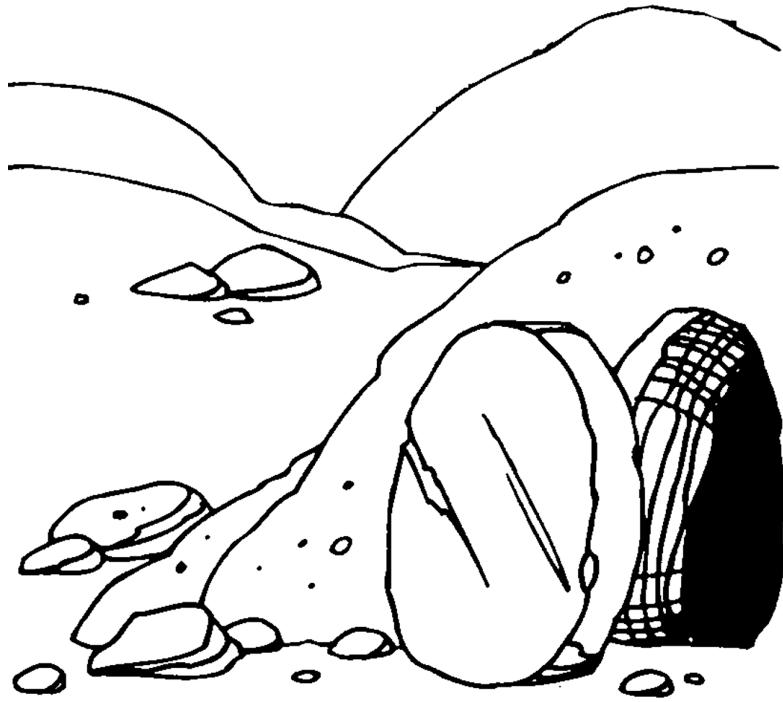
⁽¹¹⁾ Hôm sau, (...), các thượng tế và những người Pha-ri-sêu kéo nhau đến ông Phi-la-tô, và nói: “Thưa ngài, chúng tôi nhớ tên bịp bợm ấy khi còn sống có nói: ‘Sau ba ngày, Ta sẽ trỗi dậy.’ Vậy xin quan lớn truyền canh mộ kỹ càng cho đến ngày thứ ba, kéo môn đệ hẳn đến lấy trộm xác rồi phao trong dân là hẳn đã từ cõi chết trỗi dậy.” (Mát-thêu 27:62-64)



Tổng trấn Phi-la-tô sai lính niêm phong và canh gác mộ Thầy Giê-su theo yêu cầu của các thượng tế và những người Pha-ri-sêu.

“Họ bảo, phiên gác của họ bắt đầu lúc nửa đêm. Họ tỉnh táo suốt canh khuya, tán chuyện bồ bịch ở quê nhà. Thế rồi, ngay trước lúc rạng đông, họ nói nắm mộ trong vườn bưng sáng như thể đang giữa trưa, và một thiên thần y phục rực rỡ như tia chớp xuất hiện, đến vờn hòn đá ra khỏi mộ. Bọn lính cứ ngồi ỳ ra đó run sợ. Rồi thì một tên nhổm dậy, là thằng Pu-li-ô, bọn chúng nói thế. Hắn nhìn vào trong mộ. Cái xác không còn, mớ vải liệm nằm trên trên phiến đá vôi, còn cuộn tròn y nguyên, mà bên trong chẳng thấy xác đâu.”

Quan bảo hộ giọng khinh khỉnh: “Anh mong tôi tin chuyện đó sao?”



Phiến đá không còn bít kín cửa mộ, và trong mộ trống trơn.

“Tôi đã thẩm vấn bọn lính gặt gao. Mỗi đũa đều ngó nhìn. Đũa nào cũng thấy như nhau. Cái xác không còn.”

“Tụi nó ắt hẳn đã ngủ gục, và bịa chuyện để che đậy.”

“Thưa ngài, bọn họ đều đã dày dạn trận mạc, đâu phải lính mới tò te. Tôi biết những con người đó. Hơn nữa, thưa ngài, ngài không nghĩ là khi người ta vờ hòn đá to tướng thì tiếng động sẽ đánh thức bọn lính gác đang ngủ sao? Không dối trá đâu, chúng đang kể sự thật.”

“Đại đội trưởng, anh muốn tôi nói gì với dân chúng đây? Rằng ông ta sống lại ư?”

“Thưa quan bảo hộ, tôi không biết ngài sẽ nói gì, nhưng đó là chuyện đã xảy ra. Ông ấy còn sống. Tôi nói với ngài là ông ấy còn sống.”

“Chúng ta sẽ bảo bọn lính nói rằng chúng ngủ gục và môn đồ ông ta đã trộm lấy xác.” Quan bảo hộ gợi ý.

“Lính nào mà chịu nói mình ngủ gục?” Cát-xi-ô hỏi với nụ cười thoáng nở trên gương mặt.

“Chúng ta sẽ chi tiền cho chúng nói thế.” Quan bảo hộ đáp. “Các thượng tế mắc nợ chúng ta. Họ sẽ đến với cả đồng tiền để im luôn câu chuyện này... Đại đội trưởng, từ giờ trở đi ta sẽ lo liệu việc này. Anh chẳng thấy gì cả. Anh chẳng biết chi hết. Thủng chưa?”

“Thưa quan bảo hộ, nhưng tôi biết, quả tôi có thấy. Tôi không thể thay đổi chuyện đã xảy ra. Ông Giê-su đang còn sống ở ngoài kia. Còn hơn là đang sống nữa.”

“Cát-xi-ô, hãy quên là chuyện này từng xảy ra.”

“Thưa ngài, hãy quên đi nếu ngài có thể. Nhưng với tất cả lòng kính trọng ngài, tôi xác nhận ông Giê-su còn sống, và điều ấy thay đổi mọi thứ.”

*Nguyệt san CGvDT
số 256, tháng 4-2016
(báo in muộn trong tháng 5)*

*Nhiều Lộc, 03-5-2016
Sửa chữa 07-4-2019*

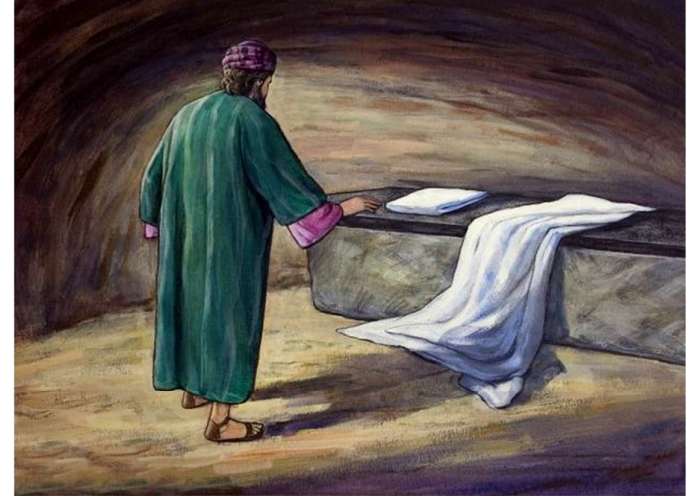
12. TÔI ĐÃ THẤY CHÚA

Phúc Âm theo Thánh Gio-an (20:1-18) chép:

Sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, lúc trời còn tối, bà Ma-ri-a Mác-đa-la đi đến mộ, thì thấy tảng đá đã lăn khỏi mộ. Bà liền chạy về gặp ông Si-môn Phê-rô và người môn đệ Đức Giê-su thương mến. Bà nói: “Người ta đã đem Chúa đi khỏi mộ; và chúng tôi chẳng biết họ để Người ở đâu.”

Ông Phê-rô và môn đệ kia liền đi ra mộ. Cả hai người cùng chạy. Nhưng môn đệ kia chạy mau hơn ông Phê-rô và đã tới mộ trước. Ông cúi xuống và nhìn thấy những băng vải còn ở đó, nhưng không vào. Ông Si-môn Phê-rô theo sau cũng đến nơi. Ông vào thẳng trong mộ, thấy những băng vải để ở đó, và khăn che đầu Đức Giê-su. Khăn này không để lẫn với các băng vải, nhưng cuốn lại, xếp riêng ra một nơi. Bấy giờ người môn đệ kia, kẻ đã tới mộ trước, cũng đi vào. Ông đã thấy và đã tin. Thật vậy, trước đó, hai ông chưa hiểu rằng theo Kinh Thánh, Đức Giê-su phải trỗi dậy từ cõi chết. Sau đó, các môn đệ lại trở về nhà.

Bà Ma-ri-a Mác-đa-la đứng ở ngoài, gần bên mộ, mà khóc. Bà vừa khóc vừa cúi xuống nhìn vào trong mộ, thì thấy hai thiên thần mặc áo trắng ngồi ở nơi đã đặt thi hài của Đức Giê-su, một vị ở phía đầu, một vị ở phía chân. Thiên thần hỏi bà: “Này bà, sao bà khóc?” Bà thưa: “Người ta đã lấy mất Chúa tôi rồi, và tôi không biết họ để Người ở đâu!” Nói xong, bà



Ông Si-môn Phê-rô thấy khăn che đầu Đức Giê-su không để lẫn với các băng vải, nhưng cuốn lại, xếp riêng ra một nơi. (Gio-an 20:6-7)



Bà Ma-ri-a Mác-đa-la nhìn vào trong mộ, thấy hai thiên thần mặc áo trắng ngồi ở nơi đã đặt thi hài Đức Giê-su. (Gio-an 20: 11-12)



Đức Ki-tô Hiện Ra Với Bà Ma-ri-a Mác-đa-la
(*Appearance of Christ to Mary Magdalene*). Sơn dầu trên bố.
Alexander Andreyevich Ivanov (Nga, 1806-1858) vẽ năm 1835.

quay lại và thấy Đức Giê-su đứng đó, nhưng bà không biết là Đức Giê-su. Đức Giê-su nói với bà: “Này bà, sao bà khóc? Bà tìm ai?” Bà Ma-ri-a tưởng là người làm vườn, liền nói: “Thưa ông, nếu ông đã đem Người đi, thì xin nói cho tôi biết ông để Người ở đâu, tôi sẽ đem Người về.” Đức Giê-su gọi bà: “Ma-ri-a!” Bà quay lại và nói bằng tiếng Híp-ri: “Ráp-bu-ni!” (nghĩa là “Lạy Thầy!”). Đức Giê-su bảo: “Thôi, đừng giữ Thầy lại,⁽¹⁾ vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em Thầy

⁽¹⁾ Xem Phụ Đính cuối truyện này.

và bảo họ: Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em.” Bà Ma-ri-a Mác-đa-la đi báo cho các môn đệ: “Tôi đã thấy Chúa”, và bà kể lại những điều Người đã nói với bà.

Lấy cảm hứng từ các đoạn Phúc Âm dẫn trên, họa sĩ Nga Alexander Andreyevich Ivanov (1806-1858) vào năm 1835 đã vẽ bức sơn dầu trên bố *Đức Ki-tô Hiện Ra Với Ma-ri-a Mác-đa-la* (*Appearance of Christ to Mary Magdalene*).

Mục sư Wilson thì dựa theo Gio-an 20:1-18 để kể câu chuyện *Tôi Đã Thấy Chúa* (*I Have Seen the Lord*) theo phong cách của ông. Ma-ri-a Mác-đa-la trong câu chuyện dưới đây chính là người phụ nữ được Đức Giê-su giải thoát khỏi bẫy con quỷ, như được chép vắn tắt trong Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (8:2).

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Ma-ri-a Mác-đa-la dỗi mắt nhìn mà chết điếng trong lòng. Bị đóng đinh trên thập giá ở giữa là con người nhân từ mà bà yêu thương trọng kính. Trước kia bà nghĩ người ấy là Đấng Mê-si-a.⁽²⁾ Giờ đây bà có thể tin được gì? Người ấy đang hấp hối.

Tên cướp bị đóng đinh cạnh Đức Giê-su quay sang Người. Ma-ri-a căng tai lắng nghe lời hắn thì thào: “Ông Giê-su ơi, hãy nhớ tôi khi ông vào trong nước của ông.”

⁽²⁾ **Đấng Mê-si-a** (*the Messiah*): Đấng được xúc dầu. Chúa Giê-su là Đấng được Thiên Chúa xúc dầu để thi hành sứ mạng cứu thế. Xem lại chú thích (2) về danh hiệu *Ki-tô* (tr. 11).

Lời Đức Giê-su nói với kẻ tử tội vang vọng trên đỉnh đồi: “Hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.” Một cảm giác ớn lạnh bò dọc xuống sống lưng Ma-ri-a. Ngay cả lúc chết đi, Đức Giê-su vẫn luôn tha thứ. Dòng hồi tưởng của bà cuồn cuộn trở về lần đầu tiên gặp Chúa.

Ga-li-lê

Bà lớn lên trong ngôi làng Mác-đã-la, cách làng chài Ca-phác-na-um bảy dặm (khoảng mười một cây số) về phía nam, dọc theo biển hồ Ga-li-lê. Là người giàu có, gia sản gầy dựng từ nghề nhuộm len tại địa phương, vậy mà bà chẳng vui sướng chi.

Bà chẳng lạ gì những trò áp chế, dọa dẫm của lũ quý. Chúng thường hay sai khiến, ép uống bà phá phách, nên bà khinh miệt bản thân, căm ghét những việc đã làm, vậy mà không sao dừng lại được. Mảnh đời mỏng giòn của bà tan nát. Ghê tởm và không còn chịu đựng nổi cách cư xử thất thường của vợ, ông chồng đã tống khứ bà trở về nhà bố mẹ bà.

Tuy nhiên, tiền bạc của bà quả thật có giải tỏa cho bà khỏi những bận bịu việc nhà việc cửa thường ngày. Bà mặc tình rong chơi bên bờ biển hồ. Khi được một dân làng kể rằng có một ông què quán ở Na-da-rét đang giảng đạo tại phía bắc Ca-phác-na-um thì bà lên đường để xem hư thực thế nào.

Ông ấy rao giảng tin mừng thế này: Nước Trời ở ngay tại đây. Ông nói về tha thứ, về thanh tẩy toàn diện. Kẻ ốm đau, người tàn tật đều được chữa lành khi ông chạm vào họ. Thượng Đế dường như hiện hữu khắp chung quanh. Thậm chí những ai thống khổ giống như Ma-ri-a cũng được giải

thoát. Theo lệnh Đức Giê-su, lũ quý bầy yêu sẽ xuất ra ngoài mà gào thét; vậy là có những mảnh đời được giải thoát, đổi thay.

Ma-ri-a cảm nhận trong thân xác mình đang giằng xé một nỗi khiếp đảm lạ lùng. Bà có thể tin được ông ấy không? Ma-ri-a buộc lòng phải nhập vào đám đông đang vây quanh Đức Giê-su. Cuối cùng cũng tới lượt, bà ngẩng lên, hoang mang sợ hãi. Ông ấy ngó xuống nhìn bà, triu mến.

Rồi thì ánh mắt chăm chú của ông dường như xuyên thấu vào tâm hồn bà. Giọng ông rắn rỏi: “Hãy ra khỏi bà này, lũ quý ghê tởm các người, và hãy buông bà này ra!” Thân thể bà cứng đờ, lồng ngực bị siết chặt. Bà nghĩ mình sẽ nổ tung. Bà muốn kêu thét lên. Mà có lẽ bà đã thét lên thật đấy.

Rồi tất cả qua đi. Các bắp thịt giãn ra. Bà nhìn thấy nụ cười nhân hậu của ông. Ông bảo: “Ma-ri-a, bà đã được tha thứ, và bà tự do.” Vâng, bà được tự do. Bà cảm thấy mình rất nhẹ nhàng, thanh tịnh. Bà muốn múa hát. Bà nhảy tưng lên và ôm chầm lấy người phụ nữ sừng sốt đang đứng gần bên.

Đêm đó bà hầu như tung tăng trở về nhà. Ngay cả cha bà cũng quá ngạc nhiên. Ma-ri-a bé bỏng của ông, bị dọa dẫm ngần ấy thời gian, cuối cùng lại được vui sướng. Bỏ hết ngày giờ, bà cùng với đám đông quây quần bên Đức Giê-su. Bà đem tiền mua thức ăn dâng Chúa và mời các môn đệ của Chúa. Lòng trắc ẩn và hy vọng của bà tuôn tràn, đặc biệt với các phụ nữ, trẻ em tới xin cứu giúp. Thỉnh thoảng bà dẫn dắt những người tuyệt vọng đến gặp Chúa.

Một tiếng kêu đau đớn từ thập giá kéo bà trở về thực tại. Chúa của bà đang hấp hối.

Tắt thở

Ma-ri-a lắng nghe trong lúc nước mắt tuôn trào. Cái giọng từng có lần tuyên xưng Nước Trời trên những sườn đồi ở Ga-li-lê giờ đây vang lên khản đặc: “Thế là đã hoàn tất!”⁽³⁾ Rồi Người gục đầu xuống.

Những đám mây đông đầy vẻ đe dọa quần tụ suốt buổi chiều bây giờ tản ra vụn vỡ. Chớp lóe qua ngọn đồi kinh khiếp. Thân hình Đức Giê-su buông thõng; những xác khác thì quần quai. Bà nghe khắp chung quanh những tiếng sụt sùi khóc thương Đức Giê-su. Bà nhìn Người lần cuối một lúc lâu, rồi bùng mặt khóc.

Rắc! Một trong hai tên cướp thét lên, âm thanh xé tai xuyên thủng bóng tối quái dị. Một tên lính đã cầm cây gậy to tướng đập gãy hai chân y để yên chí rằng y chết hẳn trước khi ngày sa-bát bắt đầu vào lúc mặt trời lặn.

Bọn lính đi tới Đức Giê-su. Ôi, xin chớ, lạy Thiên Chúa, hãy tha cho Người, bà cầu nguyện. Người đã chết rồi mà. Tên đại đội trưởng cũng biết thế, bà có thể thấy; nhưng để chắc chắn, hắn ra dấu cho một tên lính cầm giáo xiên vào cạnh sườn Chúa.⁽⁴⁾ Máu phun mạnh ra, rồi chậm lại và nhuộm thành giọt một hồi. Người quả chết thật rồi.

An táng

Một tên lính bắt đầu nhổ cây đinh đóng hai bàn chân Đức

⁽³⁾ Gio-an 19:30.

⁽⁴⁾ Ralph F. Wilson viết là “xiên vào ngực” (*thrust his spear into the Teacher’s chest*). Nhưng căn cứ theo Gio-an 19:34 (*pierced Jesus’s side with a spear*), tôi dịch là “xiên vào cạnh sườn”.

Giê-su dính chặt vào thập giá. Hai tên khác bắc thang lên tháo dây buộc đòn ngang ra khỏi thân cột và thận trọng hạ xuống cho đồng đội bên dưới đỡ lấy. Xác Đức Giê-su vẫn còn dính vào đòn ngang. Cần thêm ít phút để nhổ mấy cọc nhọn ra khỏi những cái lỗ xơ xác trên đòn ngang, là nơi cơ man những bàn tay đã đổ máu.

Lúc này Ma-ri-a nhận ra hai môn đệ tân tòng là ông Giô-xếp thành A-ri-ma-thê và ông Ni-cô-đê-mô. Cả hai mang theo cáng để khiêng xác Chúa. Ma-ri-a theo giúp, giữ cáng được thăng bằng cho tới khi họ tới huyệt mộ gần đó; Giô-xếp đã làm sẵn, định dành cho mình.

Trong khoảnh sân bên ngoài huyệt mộ, Ma-ri-a thận trọng rửa sạch thi thể tái nhợt của Chúa, bóc gỡ từng vệt máu khô bám trên tấm lưng tội tá.

Đêm dần buông xuống. Ni-cô-đê-mô và Giô-xếp lúc này luôn tay thoãn thoát bó thi hài bằng những băng vải lạnh dài, và rắc vào chút hương liệu trong lúc bọc xác. Sau cùng, họ nhẹ nhàng đặt thi hài trên tấm đá vôi nằm gọn trong ngôi mộ mới. Ma-ri-a dõi mắt nhìn trong lúc họ vãn khối đá to tướng che chắn lấy cửa mộ. Khi cả ba rời đi, trời đã tối hẳn.

Sống lại

Ngày sa-bát cơ hồ kéo dài không dứt. Bất kể lòng dạ đón đau, Ma-ri-a quyết định sáng Chúa Nhật sẽ trở lại mộ để làm nốt việc xúc dầu và hương liệu cho thi hài của Thầy. Bà còn nợ Người việc ấy.

Mặt trời ngày Thứ Bảy cuối cùng cũng chìm xuống bên dưới những ngọn núi; ngày sa-bát qua đi. Bà tất tả chạy ra

tiệm bán hương liệu và nện thình thịch lên cánh cửa cho tới khi người chủ tiệm xuống cầu thang, mở cửa cho bà vào. Bà nhấn mạnh: Hương liệu dùng cho an táng. Bà không thể chờ tới sáng hôm sau.

Đêm ấy bà ngủ chập chờn. Trước lúc bình minh, Ma-ri-a thay y phục đi gặp hai phụ nữ bà nhờ phụ giúp.⁽⁵⁾ Khi họ lên đường, bầu trời tinh mơ hãy còn nhập nhoạng. Bươn bả trên đường, bà Sa-lô-mê thì thào: “Ai sẽ dùi tảng đá?”

“Ôi, tảng đá!” Ma-ri-a thảng thốt. Bà không nghĩ tới nó.

Khi ngội mộ lọt vào tầm nhìn của họ, bà há hốc miệng kinh ngạc. Tảng đá đã được đẩy sang một bên rồi. “Lũ trộm mộ!” Ma-ri-a khóc lớn. “Sao chúng không để cho Người được yên, kể cả lúc đã chết?”

Ma-ri-a chạy và chạy miết cho tới khi tìm thấy Phê-rô và Gio-an. “Chúng nó đã đem xác Chúa ra khỏi mộ.” Bà nói không kịp thở. “Chúng ta không biết bọn nó để Người ở đâu!”

Phê-rô và Gio-an vụt chạy, chân không chạm đất. Ma-ri-a mệt quá rồi chẳng thể chạy thêm nữa, lê bước trở lại ngội mộ trong vườn. Bà còn biết đi đâu khác hơn? Lúc bà tới nơi, Phê-rô và Gio-an đã tới và đi khỏi. Hai bà kia vẫn đợi. Giờ thì cả ba cùng nhìn lom lom vào trong lòng mộ âm u.

Ở chỗ từng đặt thi hài chỉ còn mớ vải liệm cuộn lại. Thình lình lòng mộ âm u bỗng sáng lòa vì hai hình người hiện ra. Theo bản năng, các bà che mắt cho khỏi chói và sợ hãi cúi xuống. Một trong hai thiên thần lên tiếng: “Sao các bà tìm

⁽⁵⁾ Theo Phúc Âm (Mác-cô 16:1), hai người phụ nữ này là bà Sa-lô-mê và mẹ ông Gia-cô-bê (cũng tên là Ma-ri-a).

người sống trong chỗ người chết?”

Vị ấy ngụ ý gì? Ma-ri-a tự hỏi. Vị ấy đang nói về cái gì thế?

“Các bà tìm ông Giê-su Na-da-rét, người đã bị đóng đinh. Ông ấy chẳng có ở đây đâu, vì ông đã trỗi dậy như lời ông từng nói.”

Các bà bàng hoàng, kể cả sau khi hai thiên thần biến mất. Cuối cùng Sa-lô-mê thốt: “Trỗi dậy ư? Chúng ta phải kể cho các môn đồ biết những gì chúng ta mục kích.”

Sắp ra tới bên ngoài khu vườn, Ma-ri-a dừng chân. Bà yêu cầu: “Gượng đã. Tôi cần nán lại đây thêm một lúc. Bà ngồi xuống, cố gắng nối kết lại mọi chuyện. Sao mà Đức Giê-su có thể còn sống? Chính tay bà rửa sạch thi hài mà. Chẳng phải là câu chuyện quá tốt đẹp vượt cả sự thật ư? Liệu bà có thể bầu víu vào điều gì đó trong chuyện thần kỳ này để rồi cuộc lại phải thêm một phen nữa tan tành hy vọng?”

Nhưng nếu là sự thật, Ma-ri-a ngẫm nghĩ, nếu là sự thật, vậy thì toàn thể cuộc đời Đức Giê-su rất ý nghĩa. Nếu là sự thật, vậy thì rốt cuộc Người là Đấng Mê-si-a. Nếu là sự thật, vậy thì Đấng đã chữa lành linh hồn thống khổ của bà đã chiến thắng cái chết. Nếu là sự thật...

Tiếng những bước chân chen vào dòng suy tư của bà. Ma-ri-a ngược lên. Hẳn là người trông coi mộ, hay kẻ làm vườn.

“Này bà, sao bà khóc? Bà đang tìm ai vậy?”

Bộ ông ta chẳng biết ai đã được an táng ở đây ư? “Thưa ông, nếu ông đem xác người ấy đi, xin làm ơn cho tôi biết ông để xác ở đâu, để tôi có thể mang người về.” Chẳng tiếng trả lời. Thế thì ông ta không biết gì rồi...

“Ma-ri-a.”

Là Đức Giê-su! Bà quay phắt lại và ngẩng nhìn lên gương mặt Người. “Ráp-bu-ni! Thầy ơi!” Bà quỳ sụp xuống và ôm lấy hai bàn chân Người. Đức Giê-su, Chúa của bà, hãy còn sống. Sống sờ sờ đây này. Sống muôn đời.

Bà kể lại với các môn đệ: “Tôi đã thấy Chúa.”

Nhưng họ hoài nghi. Tại sao Chúa lại hiện ra với một người đàn bà có quá khứ như Ma-ri-a nhỉ?

Tại sao vậy? Ma-ri-a rồi cũng tự hỏi. Sau đó, trong cùng ngày Chúa cũng hiện ra với các môn đệ, nhưng chính bà mới là người trước tiên. Có lẽ để chứng tỏ rằng Người đã chấp nhận bà. Hoặc, có lẽ để chứng minh lòng Chúa thứ tha là mãi mãi. Tại sao nhỉ? Bà không bao giờ dám chắc. Duy có một điều Ma-ri-a biết chắc: Đấng Mê-si-a của bà hãy còn sống.

Nguyệt san CGvDT
số 294, tháng 6-2019

Nhiều Lộc, 19-5-2019

PHỤ ĐÍNH: LIÊN TƯỞNG TỪ MỘT CÂU PHÚC ÂM

1. Câu Phúc Âm khiến tôi có liên tưởng chính là câu Gio-an 20:17. Khi trích dẫn sau đây, các chữ gạch dưới là tôi nhấn mạnh.

1.1. Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (PDCGKPV) chuyển câu Gio-an 20:17 sang tiếng Việt như sau:

Đức Giê-su bảo: “Thôi, đừng giữ Thầy lại, vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha.”

Nhóm PDCGKPV chú thích câu này rất kỹ:

Câu này rất khó giải thích. Xin đề nghị cách hiểu sau đây: Thân xác sống lại của Đức Giê-su được tôn vinh ngay khi Người trỗi dậy từ cõi chết (x. Lc 24,51). Tuy thế, Đức Giê-su còn hiện ra với các Tông Đồ, các môn đệ và những người khác trong thời gian gọi là bốn mươi ngày, để tiếp xúc, sinh hoạt với họ, để bổ túc công việc dạy dỗ các Tông Đồ (x. Cv 1,3). Biến cố thăng thiên hữu hình (Cv 1,3) sẽ kết thúc giai đoạn đó. Trong thời gian giới hạn ấy, bà Ma-ri-a cần phải đi báo tin cho các môn đệ của Người (Ga 20,17b) hơn là giữ Người lại lâu hơn, tỏ lòng quý mến, gắn bó với Người bằng những cử chỉ tôn kính và thân mật. Cũng trong thời gian giới hạn ấy, Đức Giê-su cần phải tranh thủ để tiếp tục huấn luyện, dạy dỗ các môn đệ trước khi Người không còn công khai hiện ra với các ông, hơn là nhận những cử chỉ tôn kính và quý mến của bà.⁽⁶⁾

1.2. Câu dịch 1.1. của Nhóm PDCGKPV tương đồng với câu dịch của linh mục Giu-se Nguyễn Thế Thuấn (1922-1975):

Đức Yêsu nói với bà [Maria người Magđala]: “Đừng cầm Ta lại! vì Ta chưa lên cùng Cha Ta, (...)”⁽⁷⁾

1.3. Và như thế, cả hai câu 1.1. và 1.2. đều không khác với bản NIV tức là *New International Version* (1973, 1978, 1984, 2011 của Biblica, Inc.):

Jesus said, “Do not hold on to me, for I have not yet

⁽⁶⁾ <https://ktcgkpv.org/bible?version=1>

⁽⁷⁾ <http://vntaiwan.catholic.org.tw/vnbible2/yoan/yoan20.htm>

ascended to the Father.”⁽⁸⁾

Từ điển Oxford giải thích *hold on to* là *keep, retain* (cầm lại, giữ lại).

2. Lẽ tất nhiên, các bậc dịch giả uy tín, uyên thâm về Kinh Thánh đã rất cân nhắc và có lý do rất chính đáng để dịch câu Gio-an 20:17 như vừa dẫn trên (và chú thích rất kỹ của Nhóm PDCGKPV cho câu 1.1. là một minh chứng). Bởi vậy, tôi thật sự tôn trọng các cách dịch ấy.

Song, riêng phần tôi, vẫn chuộng hơn và vẫn tâm đắc với một số câu dịch xưa, vì các câu dịch xưa khiến tôi liên tưởng tới nghi thức liệm xác lưu truyền xưa nay trong cộng đồng tín hữu Cao Đài Chiếu Minh.

Trước khi nói rõ về sự liên tưởng này, ta hãy xem lại vài câu dịch xưa tiêu biểu.

2.1. Bản dịch Kinh Thánh in năm 1925 của đạo Tin Lành chuyển ngữ câu Giăng 20:17 như sau:

Đức Chúa Jêsus phán rằng: Chớ rờ đến ta; vì ta chưa lên cùng Cha!⁽⁹⁾

Hình Tịch Paulus Của giảng: Rờ – Lấy tay mà thăm mà lần.⁽¹⁰⁾

⁽⁸⁾ <https://www.biblegateway.com/passage/?search=john+20%3A17&version=NIV>

⁽⁹⁾ Thánh Kinh Hội Anh Quốc Và Hải Ngoại (BFBS: The British and Foreign Bible Society), *Kinh Thánh*. Bản dịch in năm 1925 (phát hành năm 1926), có Phan Khôi (1887-1959) cùng dịch.

Tham khảo: <https://www.thuvientinlanh.org/>

⁽¹⁰⁾ *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Tome II. Sài Gòn: Imp. Rey, Curisol & Cie, 1896. tr. 260, cột a.

2.2. Câu dịch 2.1. phù hợp với bản KJV (*King James Version*) xưa:

Jesus saith unto her [Mary Magdalene], Touch me not; for I am not yet ascended to my Father: (...).⁽¹¹⁾

2.3. Câu dịch 2.2. cũng tương đồng với bản *Authorized KJV* (Cambridge University Press, the Crown's patentee in the UK):

Jesus saith unto her, Touch me not; for I am not yet ascended to my Father: (...).⁽¹²⁾

2.4. Và câu 2.3. vẫn không khác bản *KJV Thế Kỷ 21* (21st Century King James Version, 1994, by Deuel Enterprises, Inc.), chỉ trừ hai dấu chấm câu:

Jesus said unto her, "Touch Me not for I am not yet ascended to My Father; (...)."⁽¹³⁾

Từ điển Oxford giảng *touch* là: *bring one's hand (...) into contact with* (lấy bàn tay tiếp xúc với).

Vậy, *touch* nghĩa là rờ vào, sờ vào, chạm vào...

2.5. Đáng chú ý nữa là câu dịch trong *Trung Văn Tiêu Chuẩn Dịch Bản* 中文標準譯本 (2011), cũng gọi là CSBT, tức là *Chinese Standard Bible (Traditional)* – bản tiêu chuẩn in chữ Nho phồn thể.

Câu chữ Nho như sau:

⁽¹¹⁾ <https://www.biblegateway.com/passage/?search=john+20%3A17&version=KJV>

⁽¹²⁾ <https://www.biblegateway.com/passage/?search=john+20%3A17&version=AKJV>

⁽¹³⁾ <https://www.biblegateway.com/passage/?search=john+20%3A17&version=KJ21>

耶穌說：“不要碰我，因為我還沒有上到父那裡。”⁽¹⁴⁾

Gia-tô thuyết: “Bất yếu bính Ngã, nhân vi Ngã hoàn một hữu thượng đáo Phụ na lý.”

Tìm hiểu từng từ ngữ,⁽¹⁵⁾ ta biết được các nghĩa sau đây:

- *Bất yếu*: Đừng, chớ (*don't*).
- *Bính Ngã*: Chạm vào Ta, sờ vào Ta (*touch Me*).
- *Nhân vi*: Bởi lẽ (*because*).
- *Hoàn*: Vẫn (*still*).
- *Một hữu*: Chưa (*not yet*).
- *Thượng đáo*: Lên tới (*ascend to*).
- *Phụ*: Cha (*Father*).
- *Na lý*: Nơi đó, chỗ ấy (*there, that place*).

Vậy, câu chữ Nho 2.5. có nghĩa như sau:

Đức Gia-tô nói: “Đừng chạm vào Thầy, bởi vì Thầy vẫn chưa lên trời gặp Cha Thầy trên đó.”

3. Qua các câu dịch từ 2.1. tới 2.5., tôi liên tưởng điều gì?

3.1. Trong cộng đồng Cao Đài Chiếu Minh tu thiền theo pháp môn nội tu (*inner-selfcultivation method*) do Đức Ngô Minh Chiêu truyền dạy, xưa nay các hành giả 行者 (*inner-selfcultivators*) vẫn giữ nghiêm ngặt quy định này:

Khi một hành giả Chiếu Minh liễu đạo (từ trần) sau nhiều

⁽¹⁴⁾ <https://www.biblegateway.com/passage/?search=john+20%3A17&version=CSBT>

⁽¹⁵⁾ <https://www.mdbg.net/chinese/dictionary>

năm công phu tu luyện chơn chánh, thì linh hồn vị ấy sẽ *huòn hư* 還虛 (tạm hiểu đơn giản trở về cõi trời) và sẽ được Thượng Đế ban trao một phẩm vị (là Tiên, Chơn Nhơn, v.v...). Như thế là vị ấy đắc đạo. Các vị mới đắc đạo thường giáng cơ tái ngộ đồng môn sau một trăm ngày kể từ ngày mất.

Lúc làm nghi thức liệm xác, các hành giả Chiếu Minh (ăn chay trường, tu thiền) tự tay lo liệu tất cả các việc cho thi hài đồng môn. Người ngoài, kể cả thân nhân (không ăn chay trường, không tu thiền) đều phải cách ly cho tới khi nắp áo quan đã đóng kín. (Di thể được đặt ngồi xếp bằng trong áo quan đứng, gồm sáu mặt, nên gọi áo quan là *lục giác*. Khi chôn thì không đắp mộ mà xây tháp sáu mặt.)

Các hành giả Chiếu Minh giải thích rằng nếu người không ăn chay trường, không tu thiền mà đụng chạm vào xác, sẽ khiến phần âm (ô trược) ở người này tác động xấu tới phần dương (thanh khiết) của linh hồn trong lúc đang huòn hư. Hành giả Chiếu Minh gọi tác động xấu này là *bị rút điển*.

3.2. Đức Chúa ngăn không cho bà Ma-ri-a chạm tới Người (*Chớ rờ đến Ta / Touch Me not / Bất yếu bính Ngã*).

Đức Chúa giải thích lý do cản bà Ma-ri-a: *bởi vì Thầy vẫn chưa lên trời gặp Cha Thầy trên đó / for I am not yet ascended to my Father / nhân vi Ngã hoàn một hữu thượng đáo Phụ na lý*.

Theo phương Đông, phụ nữ là âm. Phải chăng sự đụng chạm của bà Ma-ri-a sẽ tạo ra một trở ngại nào đó (mà hành giả Chiếu Minh gọi là *bị rút điển*) trong lúc Đức Chúa còn chưa về trời gặp Thiên Chúa (hành giả Chiếu Minh gọi là *huòn hư*)?

Tôn giáo nào cũng vậy, bên cạnh phần công truyền (*exotericism*) luôn có phần bí truyền (*esotericism*). Vì thế, phải chăng câu Gio-an 20:17 có hàm chứa phần bí truyền trong đó?

Trên đây, tôi đặt hai dấu chấm hỏi sau phần liên tưởng của mình để xác định rằng tôi dè dặt. Nói cách khác, ở đây tôi không hề có ý mạo muội giải thích câu Gioan 20:17.

4. Câu Gio-an 20:17 theo tiếng Latin là *Noli me tangere*, có nghĩa: *Đừng chạm vào Thầy / Touch Me not / Bất yếu bính Ngã 不要碰我*. Câu Latin này trở thành nhan đề cho nhiều bức tranh cổ của các họa sĩ trứ danh người Ý, tạm kể bốn vị như sau:

- Antonio da Correggio (1489-1534) vẽ khoảng năm 1525, sơn dầu trên bố (130x103cm). Tranh này hiện là tài sản của Viện Bảo Tàng Prado (*Museo del Prado*), ở thủ đô Madrid, nước Tây Ban Nha.

- Fra Angelico (khoảng 1395-1455) vẽ trên tường Vương Cung Thánh Đường Thánh Mác-cô (*Basilica di San Marco*) ở thành phố Florence, nước Ý.

- Francesco Solimena (1657-1747) vẽ sơn dầu trên bố (57,5x44cm). Tranh này hiện là tài sản của Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Quốc Gia (*Museu Nacional de Belas Artes*), ở thành phố Rio de Janeiro, nước Brazil.

- Tiziano Vecelli hay Tiziano Vecellio, tức Titian (khoảng 1488-1576), vẽ khoảng năm 1514, sơn dầu trên bố (110,5x91,9cm). Tranh này hiện là tài sản của National Gallery, ở kinh đô London, Vương Quốc Anh, v.v...



Noli Me Tangere của Ciro Ferri (1634-1689)

Tuy nhiên, khi tìm tranh minh họa cho bìa sách *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson*, tôi lại chuộng bức *Noli Me Tangere* (21,8x19,9cm) mà họa sĩ trứ danh người Ý Ciro Ferri (1634-1689) dùng bút sắt, mực nâu và phấn đen vẽ rất độc đáo.

Nguyệt san CGvDT
số 294, tháng 6-2019

Nhiều Lộc, 24-5-2019

PHỤ LỤC

Các nhân danh, địa danh được phiên âm trong sách
đối chiếu với các tên viết theo tiếng Anh

Phiên âm / Tiếng Anh

A-ha-ron / Aaron	Gia-cóp ben-Giu-se / Jacob
A-ma-sai / Amasai	ben-Joseph
An-rê / Andrew	Gia-cô-bê / James
Au-gút-tô / Augustus	Giê-ri-khô / Jericho
Ba-ra-ba / Barabbas	Giê-ru-sa-lem / Jerusalem
Ba-tô-lô-mê-ô / Bartholomew	Giê-su Ki-tô / Jesus Christ
Ben-gia-min / Benjamin	Giếch / Jake
Bê-lem / Bethlehem	Gio-an / John
Bết-da-tha / Bethesda	Giô-suê ben-Da-hô-đi /
Bết-xai-đa / Bethsaida	Joshua ben-Yahoudi
Ca-phác-na-um / Capernaum	Giô-xếp thành A-ri-ma-thê /
Cát-xi-ô / Cassius	Joseph of Arimathea
Da-kêu / Zacchaeus	Giu-đê / Judea
Đa-vít / David	Giu-se / Joseph
Ê-li-da-bét / Elizabeth	Gôn-gô-tha / Golgotha
Em-ma-nu-en / Immanuel	Hi-bru / Hebrew
Êt-xin / Essene	Híp-ri / Hebrew
Ê-phê-xô / Ephesians	Ít-ra-en / Israel
Ga-li-lê / Galilee	Ky-rê-nê / Cyrene
Gáp-ri-en / Gabriel	Lê-vi / Leviticus

Lu-ca / Luke
Ma-ri-a / Mary
Ma-ri-a Mác-đa-la / Mary
Magdalene
Mát-thêu / Matthew
Mê-si-a / Messiah
Mô-sê / Moses
Na-da-rét / Nazareth
Ni-cô-đê-mô / Nicodemus
Ô-liu / Olives
Pa-lét-tin / Palestine
Pha-ri-sêu / Pharisee
Phao-lô / Paul
Phê-rô / Peter
Phi-líp-phê / Philip
Phong-xi-ô Phi-la-tô /
Pontius Pilate

Pu-li-ô / Publius
Qui-ri-ni-ô / Quirinius
Ra-khen / Rakhen
ráp-bi / rabbi
ráp-bu-ni / rabboni
Rô-ma / Rome
sa-bát / sabbath
Sa-lô-mê / Salome
Sa-lô-môn / Solomon
Sa-ma-ri / Samaritan
Sa-ma-ri-a / Samaria
Sa-ra / Sarah
Si-môn / Simon
Ti-bê-ri-át / Tiberias
Tô-ma / Thomas
Xy-ri / Syria



CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

*Liên kết Nxb Tôn Giáo và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.
Đã ấn tổng (trích ba năm 2017, 2018, 2019):*

- 125-1. PHÚC ẨM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON. Huệ Khải, 2019.
124-1. THÁNH THI TRÍCH LỤC. Diệu Nguyên, 2019.
123-1. SƠ KHẢO THUẬT NGỮ ĐẠO CHỨA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI / *A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism*. Huệ Khải, 2019.
122-1. VÚT MỘT ĐƯỜNG MÂY. Huệ Khải, 2018.
121-1. TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY. Huệ Khải, 2018.
120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN. Diệu Nguyên, 2018.
119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018.
118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẢI BUỒN*. Huệ Khải, 2018.
117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018).
116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.
115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.
114-1. GỠ LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
110-2. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017, 2018.
ĐẠO UYỂN (tập 25, 26, 27, 28, 29, 30 ...), hiệp tuyển thơ văn đạo lý, ấn tổng mỗi quý.
Ghi chú: 125-1 tức là quyển 125, in lần thứ nhất. 110-2 tức là quyển 110, in lần thứ hai.

▷ *Các bản tiếng Việt (điện tử) xem tại:*

chungtayantong.blogspot.com
daidaovanuyen.blogspot.com
huekhai.blogspot.com

▷ *Các bản tiếng Anh (điện tử) xem tại:*

understandingcaodaism.blogspot.com

▷ *Góp ý, gửi bài, thỉnh kinh sách... xin gửi về:*

daidaovanuyen@gmail.com – hoặc ☎ 0909490918

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

PHÚC ẨM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON

Tác giả: HUỆ KHẢI

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN, LÊ ANH MINH
Trình bày sách & vẽ bìa 1: NGÔ BÁI THIÊN

Tranh bìa 1: Noli Me Tangere, của CIRO FERRI (Ý, 1634-1689)

Bìa 4: Huệ Khải Văn Tập 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

In 2.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 1965-2019/CXBIPH/14-31/HĐ

Số QĐXB của NXB: 311/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 10-6-2019.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-9211-8